

Số: 75./2022/GE-CBTT

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty cổ phần Thiết bị điện Gelex Mã chứng khoán: GEE

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 23, Tòa nhà Gelex, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 73012344

Fax: 024 36331510

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Trọng Trung

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Gelex, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: (*)

Công ty cổ phần Thiết bị điện Gelex trân trọng công bố: Báo cáo thường niên năm 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 22/03/2022 tại đường dẫn: <https://gelex-electric.com/quan-he-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm pháp luật về nội dung.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thiết bị điện Gelex.



Người đại diện theo pháp luật

Nguyễn Trọng Trung

GELEX ELECTRIC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2021

MỤC LỤC

01

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH

Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	6
Những con số ấn tượng 2021	10
Giải thưởng	12

02

GIỚI THIỆU VỀ GELEX ELECTRIC

Tổng quan	14
Lĩnh vực hoạt động và địa bàn kinh doanh	20
Địa bàn kinh doanh	23
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	24
Định hướng phát triển	40
Các rủi ro	41

03

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021	50
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án	56
Tình hình tài chính	57
Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	58

04

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	64
Tình hình tài chính	65
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	66
Kế hoạch phát triển trong năm 2022 của công ty	66
Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	68
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	68

05

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá ngắn gọn về tình hình hoạt động của GELEX Electric trong năm 2021	72
Hoạt động của HĐQT	73
Đánh giá của HĐQT về Ban Giám đốc công ty	77
Kế hoạch và định hướng của HĐQT	77

06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của ĐHCĐ	82
Hội đồng quản trị	84
Ban kiểm soát	100
Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	101

07

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	111
Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	112

08

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	116
Báo cáo kiểm toán độc lập	118
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	120
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	123
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	124
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	125

CHƯƠNG

01

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH

Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	6
Những con số ấn tượng 2021	10
Giải thưởng	12



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Các đơn vị đối tác và toàn thể cán bộ - nhân viên

Được thành lập từ 2016, theo định hướng của Tập đoàn GELEX, Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX ("Công ty" hay "GELEX Electric") là đơn vị tập trung vào quản trị nhóm công ty thành viên mảng thiết bị điện của Tập đoàn, trong đó, có những thương hiệu nhiều năm liền là thương hiệu quốc gia, có uy tín trên thị trường trong nước cũng như khu vực như: CADIVI, EMIC, THIBIDI, HEM, MEE, CFT, Song hành với các đơn vị thành viên trong các mảng từ kinh doanh, tài chính, công nghệ thông tin, ... toàn bộ hệ thống của GELEX Electric đã không ngừng nỗ lực, nghiên cứu phát triển, mở rộng, tăng trưởng trong sản xuất kinh doanh. Từ quy mô tổng tài sản hợp nhất năm 2018 là 7.797 tỷ đồng, cuối 2021, tổng tài sản hợp nhất của Công ty là 23.124 tỷ đồng với 7 công ty con trực tiếp, sở hữu 11 nhà máy sản xuất kinh doanh thiết bị điện, và 03 nhà máy phát điện với nguồn năng lượng sạch và năng lượng tái tạo với hơn 2.717 CBCNV, quy mô hoạt động trải rộng trên cả nước và xuất khẩu sang các khu vực lân cận.

Dấu ấn 2021

Năm 2021 là một năm đầy thử thách với nền kinh tế Việt Nam khi phải đối mặt với nhiều bất lợi do dịch bệnh, đứt gãy chuỗi cung ứng, Chính phủ phải thực hiện chính sách phong tỏa, giãn cách xã hội diện rộng kéo dài. Bối cảnh đó đã gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế nói chung và ngành thiết bị điện nói riêng. Đặc biệt, sự bất ổn trong giá kim loại màu nói riêng và giá nguyên vật liệu đầu vào nói chung cũng là thách thức lớn đối với việc kiểm soát chi phí của GELEX Electric. Tuy vậy, bất chấp khó

Năm 2021, Công ty đạt 18.714 tỷ đồng doanh thu, tăng trưởng 16,43% so với 2020, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 818 tỷ đồng, giảm nhẹ 3% so với 2020, hoàn thành lần lượt 109,3% và 99,8% so với kế hoạch đề ra. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ lần lượt đạt 2.879 tỷ đồng và 376 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 2,44% và 97,25%.

khăn, trong năm 2021, GELEX Electric và các công ty thành viên đã chủ động, linh hoạt trong điều hành, giữ vững thành tựu sản xuất - kinh doanh, tiếp tục phát triển mở rộng thị trường, tăng trưởng thị phần trong điều kiện tuân thủ quy định phòng chống dịch Covid-19.

Đặc biệt, năm 2021 cũng là năm GELEX Electric có những bước tiến lớn trong việc cấu trúc doanh nghiệp. Trong đó, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ VNĐ thông qua việc chào bán thành công hơn 78 triệu cổ phiếu, thu hút được nguồn vốn từ cả các nhà đầu tư chiến lược, các quỹ tài chính và cả các nhà đầu tư đại chúng. Đến tháng 12/2021, Công ty chính thức nhận được công văn chấp thuận đăng ký đại chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, là một dấu mốc khẳng định về tính công khai, minh bạch và quy mô lớn mạnh của GELEX Electric trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Việc đại chúng hóa thành công cũng là tiền đề cho GELEX Electric chính thức chào sàn UPCOM vào đầu năm 2022, đưa tên tuổi của GELEX Electric đến gần hơn với các nhà đầu tư đại chúng. Năm 2021 cũng là

ÔNG NGUYỄN VĂN TUẤN

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

năm Công ty thực hiện tái cấu trúc về sở hữu vốn tại các đơn vị thành viên. Công ty xác định định hướng phát triển Công ty theo 2 trụ cột chính là sản xuất công nghiệp (chủ yếu là công nghiệp điện) và phát điện. Cụ thể, GELEX Electric đã nhận chuyển nhượng Công ty TNHH Phát điện GELEX, Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị, sở hữu các nhà máy phát điện với tổng công suất 210MW để quản trị và vận hành. Đồng thời, Công ty tiếp tục triển khai kế hoạch đầu tư phát triển chiều sâu, hiện đại hóa hệ thống nhà máy, thiết bị, công nghệ, ... cho giai đoạn phát triển sắp tới.

Thưa Quý vị Cổ đông, dù thị trường thuận lợi hay khó khăn, toàn thể đội ngũ lãnh đạo và CBCNV Công ty và các công ty thành viên sẽ tiếp tục kiên định vững bước với các kế hoạch và mục tiêu phía trước.

2022 - giữ vững vị thế, hướng tới tương lai

Năm 2022, với đà phục hồi của nền kinh tế, về mảng thiết bị điện, toàn bộ hệ thống GELEX Electric sẽ tập trung phát triển sản xuất kinh doanh, tăng cường mở rộng thị phần, giữ vững vị trí hàng đầu trong lĩnh vực

thiết bị điện của Việt Nam. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, tối ưu hóa sản xuất, cập nhật ứng dụng công nghệ trong quản trị, cải tiến kỹ thuật, đầu tư vào việc nghiên cứu các sản phẩm mới chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ tiếp tục có các hoạt động M&A các doanh nghiệp với mục tiêu hoàn thiện chuỗi giá trị ngành điện. Về mảng phát điện, Công ty tập trung vào việc tối ưu hóa trong vận hành các nhà máy năng lượng, tìm kiếm, hợp tác, mở rộng lĩnh vực này thông qua hoạt động M&A các dự án năng lượng, chủ yếu là năng lượng tái tạo.

Về quản trị, năm 2022 Công ty sẽ tiếp tục thực hiện rà soát, kiện toàn hệ thống quản trị nội bộ, xây dựng văn hóa doanh nghiệp trên cơ sở kế thừa, phát huy và phù hợp với văn hóa các đơn vị thành viên, chú trọng công tác đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa, tạo môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tính chủ động, sáng tạo và nâng cao tinh thần trách nhiệm cho toàn thể CBCNV.

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Bên cạnh sự phát triển về kinh tế, Công ty cũng gắn hoạt động của mình với sự phát triển của xã hội, thường xuyên tổ chức nhiều chương trình thiện nguyện, xây nhà tình nghĩa,... Năm 2022 Công ty sẽ dành nhiều tâm sức hơn nữa trong công tác trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tại nhiều vùng còn khó khăn trên toàn quốc.

Chúng tôi tin tưởng rằng, với nền tảng vững chắc từ sự ủng hộ mạnh mẽ của các Quý vị Cổ đông, quý khách hàng, đội ngũ lãnh đạo tâm huyết, có nhiều năm kinh nghiệm và đội ngũ nhân viên giàu năng lực, với chiến lược đầu tư, chiến lược sản xuất kinh doanh đúng đắn, cùng với đà phục hồi của nền kinh tế, năm 2022 sẽ là một năm phát triển mạnh của Công ty.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của Quý vị Cổ đông, cảm ơn sự hợp tác tích cực của khách hàng, đối tác. Đặc biệt, tôi muốn dành lời cảm ơn chân thành tới toàn thể CBCNV hệ thống GELEX Electric, những người đã cùng tôi chung sức chung lòng cho đến ngày hôm nay.

Trân trọng!



Chủ tịch Hội đồng quản trị
NGUYỄN VĂN TUẤN



NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG 2021

TOP DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN

TOP 1

TỔNG TÀI SẢN

23.124 tỷ đồng

VỐN CHỦ SỞ HỮU

5.984 tỷ đồng

VỐN ĐIỀU LỆ

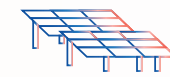
3.000 tỷ đồng

DOANH THU THUẦN

18.714 tỷ đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

818 tỷ đồng



Sản lượng điện mặt trời

97 + triệu kWh



Sản lượng thủy điện

161 + triệu kWh



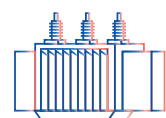
Gần **640.000** km dây và cáp điện



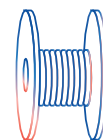
Gần **31.000** động cơ điện



Gần **1.400.000** công tơ điện

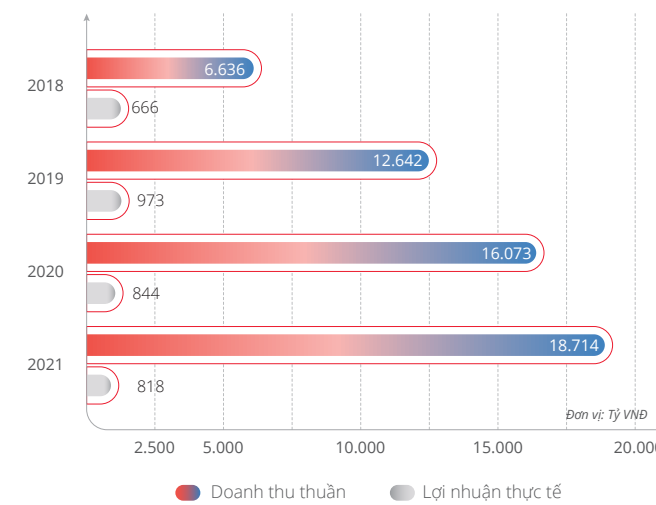


Gần **184.000** máy biến áp phân phối

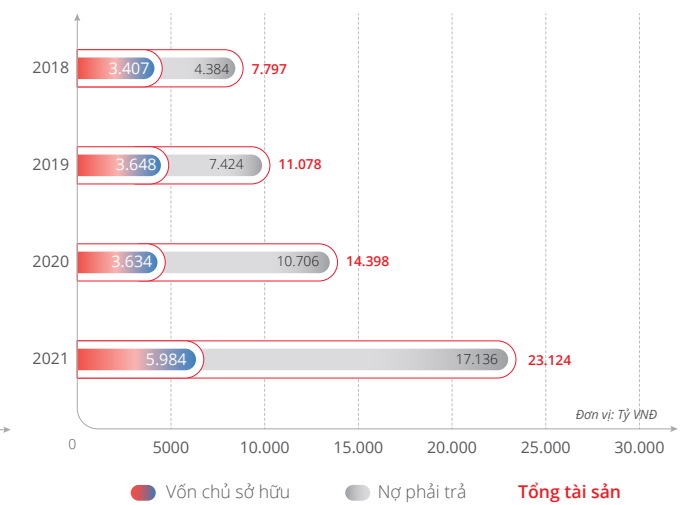


Hơn **43.100** tấn đồng

Biểu đồ so sánh tăng trưởng 4 năm từ 2018 -2021



Doanh thu thuần tăng trưởng 2,82 lần trong 4 năm qua



Tổng tài sản của GELEX tăng trưởng 2,9 lần trong 4 năm qua

GIẢI THƯỞNG

CÁC GIẢI THƯỞNG GELEX ELECTRIC VÀ CÁC CÔNG TY CON ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2021

CADIVI



Thị phần số 01

về dây cáp điện tại Việt Nam theo Hội DN hàng VN chất lượng cao



2020

Danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao



Top 50

công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2021

HEM



2020 & 2021

Hàng Việt Nam Chất lượng Cao



2021 – 2023

Sản phẩm công nghiệp chủ lực của TP. Hà Nội: động cơ điện và máy biến áp.



TOP 100

Giải thưởng sao vàng đất việt 2021



2021

Doanh nghiệp TP.HCM tiêu biểu



Top 500

doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam

CHƯƠNG

02

GIỚI THIỆU VỀ GELEX ELECTRIC

Tổng quan	14
Lĩnh vực hoạt động và địa bàn kinh doanh	20
Địa bàn kinh doanh	23
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	24
Định hướng phát triển	40
Các rủi ro	41



TỔNG QUAN VỀ GELEX ELECTRIC

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0107547109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2016 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 09 năm 2021
Vốn điều lệ	3.000.000.000.000 đồng
Vốn chủ sở hữu (hợp nhất)	5.983.526.045.666 đồng
Địa chỉ	Tầng 23, Tòa nhà GELEX, số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	024 73012344
Số fax	024 36331510
Website	Gelex-electric.com
Mã cổ phiếu	GEE

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

THÀNH LẬP

Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX, tiền thân là Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện do Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX) ("GELEX") sở hữu 100% vốn được thành lập vào ngày 29 tháng 8 năm 2016 với mục đích sản xuất, kinh doanh các thiết bị đo điện.

THAY ĐỔI MÔ HÌNH

Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX chuyển đổi thành Công ty cổ phần, đổi tên thành Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX ("GELEX Electric").

Vốn điều lệ
2.218,7 tỷ đồng

và sở hữu thêm

100%

Công ty Dây đồng Việt Nam ("CFT").

TRỞ THÀNH CÔNG TY ĐẠI CHÚNG QUY MÔ LỚN

Tăng vốn điều lệ lên

3.000 tỷ đồng

Doanh thu thuần đạt

18.714 tỷ đồng

tăng 16,4% so với năm 2020 và lãi sau thuế 655 tỷ đồng.

Chính thức nhận được công văn chấp thuận đăng ký đại chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 8885/UBCK-GSDC ngày 24/12/2021, Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2021/GCNCP-VSD ngày 29/12/2021.

Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Lĩnh vực thủy điện và điện mặt trời: Sở hữu 100% vốn của Công ty TNHH Phát điện GELEX.
- Lĩnh vực điện gió: Sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần GELEX Quảng Trị.

2016

2018

2020

2021

HIỆN NAY

TÁI CẤU TRÚC

Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam, nay là CTCP Tập đoàn GELEX, thực hiện tái cấu trúc mảng sản xuất thiết bị điện bằng việc đổi tên Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện thành Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX với vai trò là công ty sub-holdings nắm giữ và quản lý phần vốn góp của GELEX tại các công ty sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực thiết bị điện:

Công ty TNHH Thiết bị đo điện Emic (EMIC);

Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam ("CADIVI" - đã niêm yết tại HOSE với mã chứng khoán CAV)

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM" - đã niêm yết tại UPCOM với mã chứng khoán HEM)

Công ty Cổ phần Thiết bị điện ("THIBIDI" - đã niêm yết tại HOSE với mã chứng khoán THI).

DẤU ẤN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GELEX Electric đang là công ty mẹ sở hữu trực tiếp

07 công ty con

sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất thiết bị điện và sản xuất truyền tải, phân phối điện

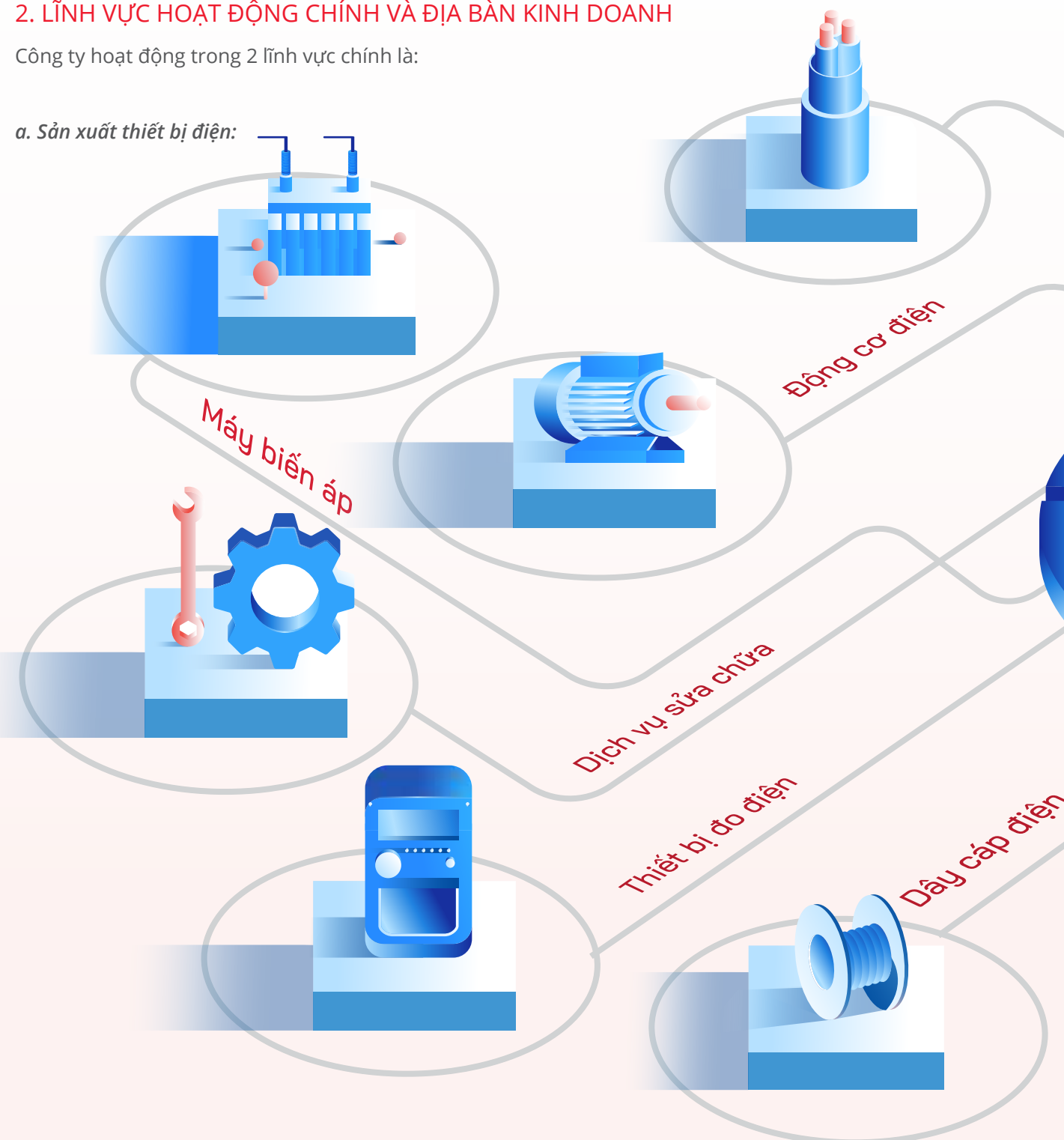
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam ("CADIVI")
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện ("THIBIDI")
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")
- Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC ("EMIC")
- Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")
- Công ty TNHH Phát điện GELEX
- Công ty cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị.

GIỚI THIỆU VỀ GELEX ELECTRIC

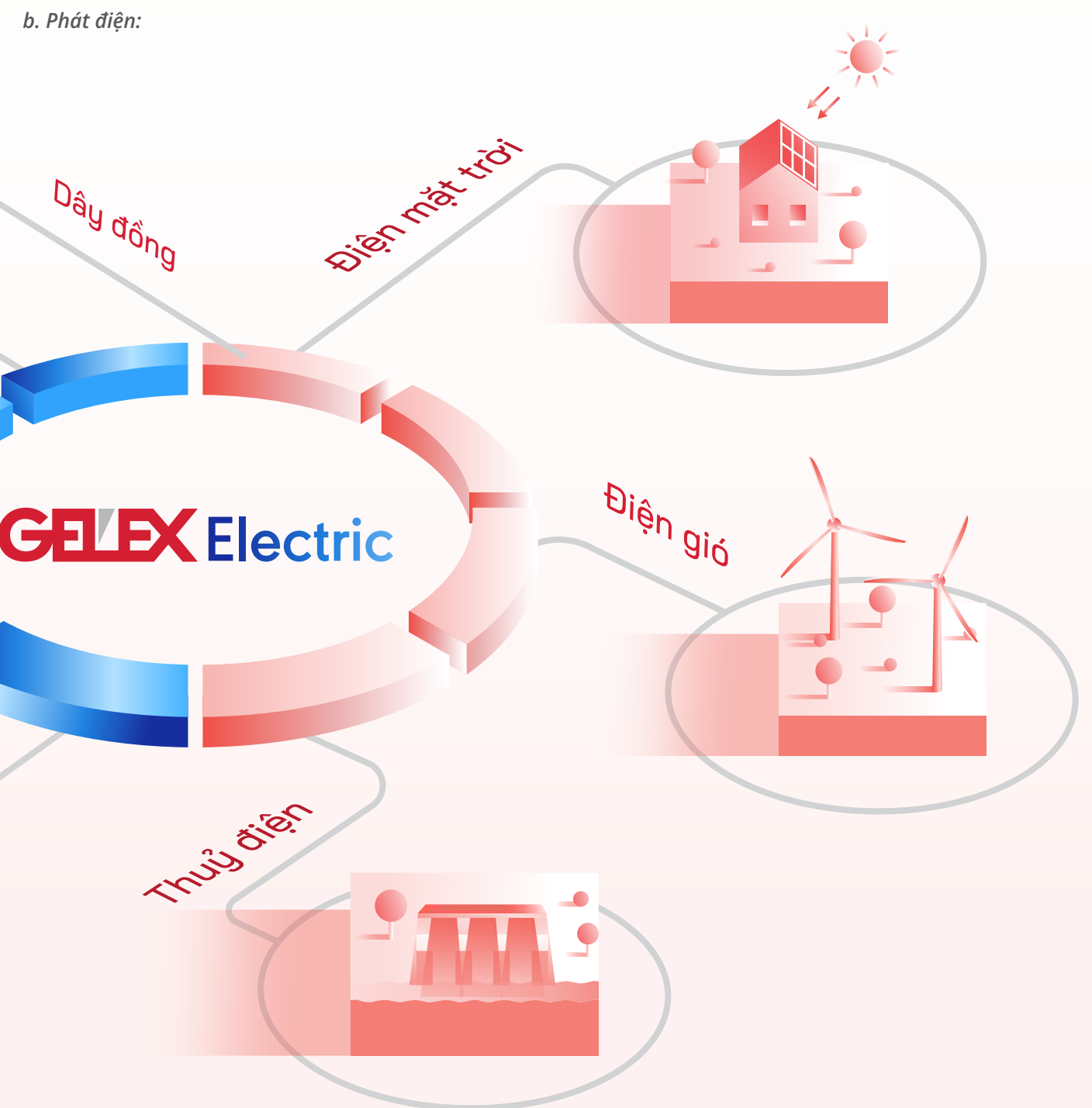
2. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty hoạt động trong 2 lĩnh vực chính là:

a. Sản xuất thiết bị điện:

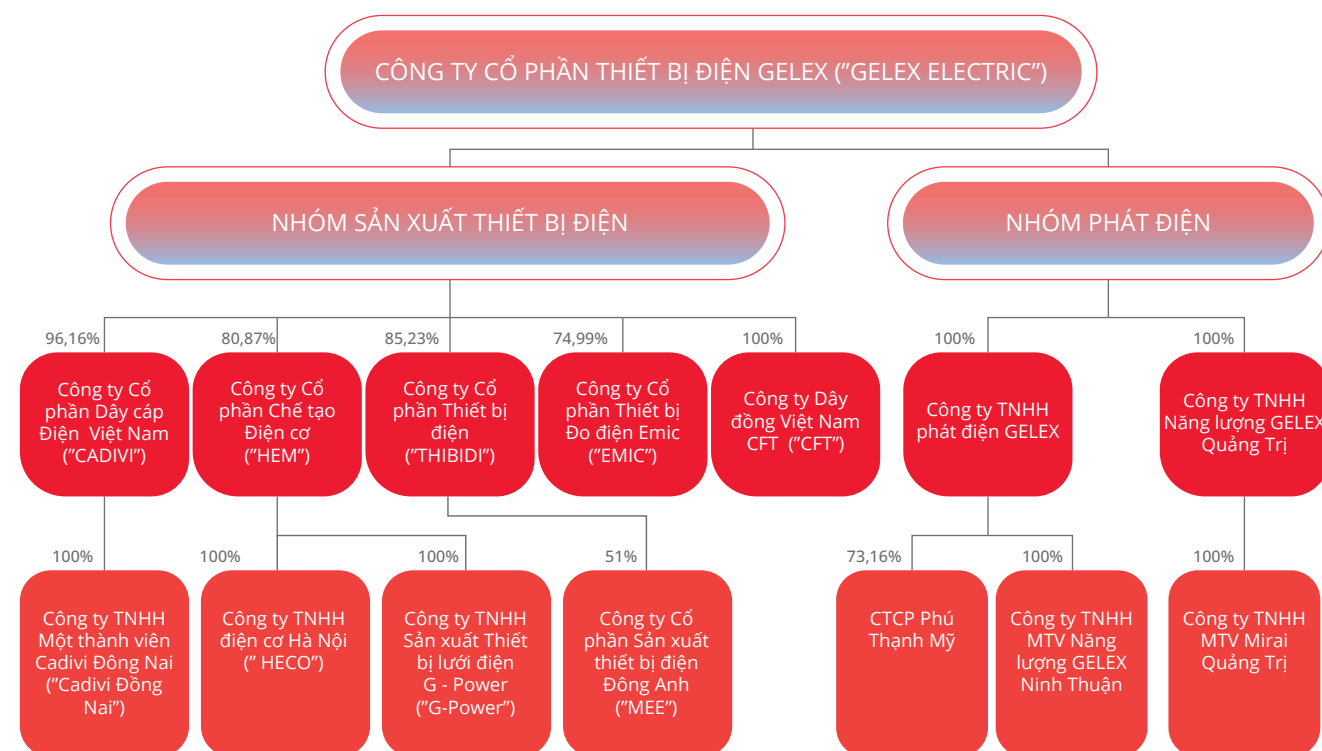


b. Phát điện:



GIỚI THIỆU VỀ GELEX ELECTRIC

2. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (TIẾP THEO)



*Danh sách đầy đủ các công ty con/liên kết được thể hiện tại Chương 2. Mục 4e.

c. Cơ cấu doanh thu của công ty qua các năm

Đơn vị: triệu VND

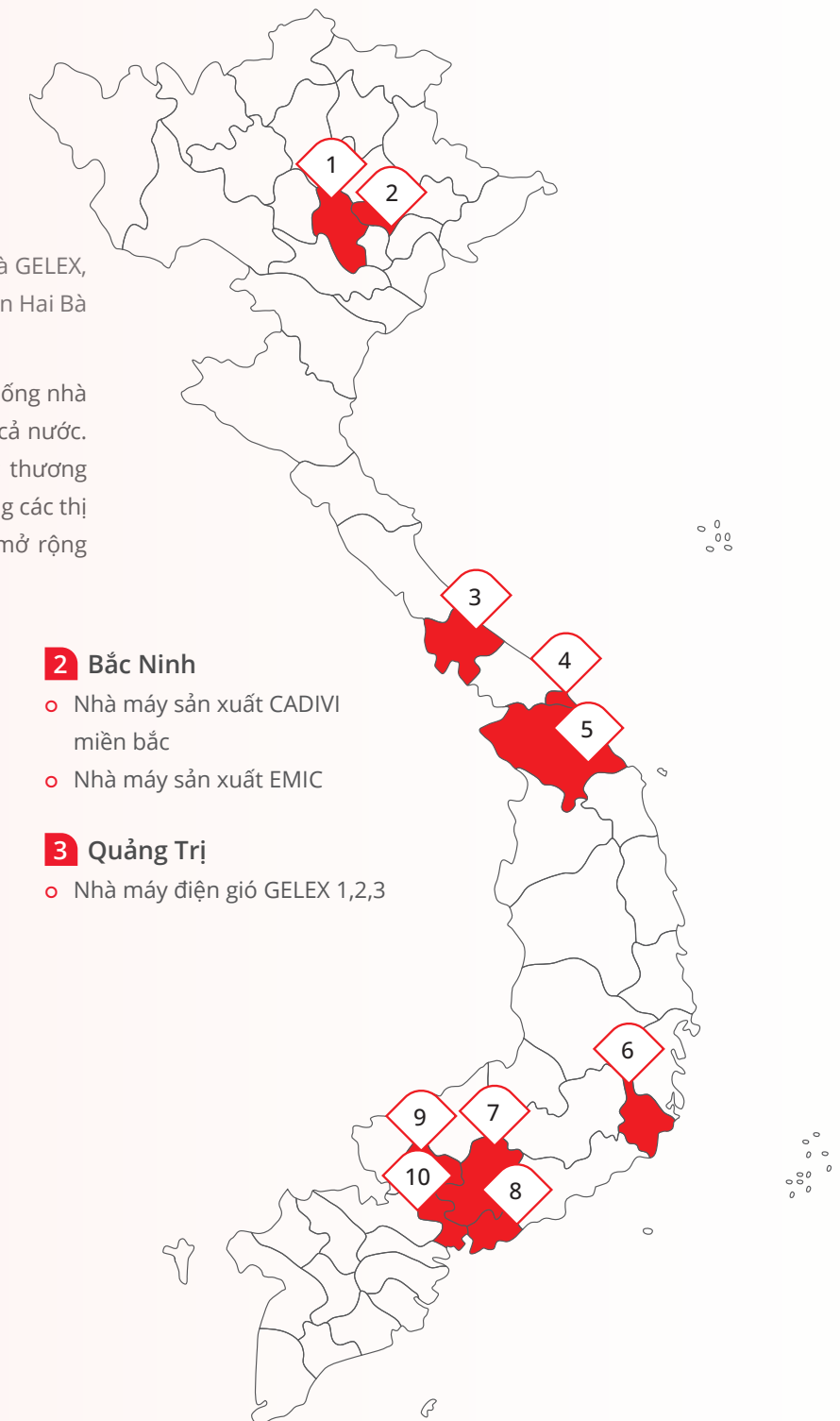
Lĩnh vực	2019		2020		2021	
	Doanh thu thuần	Tỷ trọng	Doanh thu thuần	Tỷ trọng	Doanh thu thuần	Tỷ trọng
Nhóm thiết bị điện	12.641.529	100%	16.072.702	100%	18.586.698	99,3%
Nhóm phát điện	0	0%	0	0%	127.508	0,7%
Tổng doanh thu thuần	12.641.529	100%	16.072.702	100%	18.714.206	100%

Nguồn: GELEX Electric

3. ĐỊA BÀN KINH DOANH

GELEX Electric có trụ sở chính đặt tại Tòa nhà GELEX, Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

GELEX Electric có mạng lưới phân phối, hệ thống nhà máy sản xuất, văn phòng đại diện trải khắp cả nước. Đặc biệt, các sản phẩm thiết bị điện mang thương hiệu CADIVI, THIBIDI còn được xuất khẩu sang các thị trường như Lào, Campuchia, Myanmar và mở rộng sang Châu Úc, Châu Âu, Châu Mỹ.



1 Hà Nội

- Trụ sở chính của GELEX Electric
- Trụ sở chính của HEM
- Trụ sở chính của EMIC
- Trụ sở chính của MEE
- Trụ sở chính của GELEX Phát điện
- Nhà máy sản xuất động cơ điện của HEM

2 Bắc Ninh

- Nhà máy sản xuất CADIVI miền bắc
- Nhà máy sản xuất EMIC

3 Quảng Trị

- Nhà máy điện gió GELEX 1,2,3

4 Đà Nẵng

- Trụ sở chính của Phú Thạnh Mỹ
- Nhà máy của CADIVI
- Dự án điện mặt trời mái nhà

5 Quảng Nam

- Nhà máy thủy điện Sông Bung 4A (Phú Thạnh Mỹ)

6 Ninh Thuận

- Trang trại điện mặt trời GELEX - Ninh Thuận

7 Đồng Nai

- Trụ sở và nhà máy của THIBIDI
- 01 Nhà máy sản xuất của CADIVI
- Dự án điện mặt trời mái nhà
- Trụ sở chính của CFT
- Trụ sở và nhà máy CADIVI Đồng Nai

8 Vũng Tàu

- 2 địa điểm kinh doanh của GELEX Ninh Thuận
- Dự án điện mặt trời mái nhà

9 Bình Dương

- Dự án điện mặt trời trên mái nhà

10 TP. Hồ Chí Minh

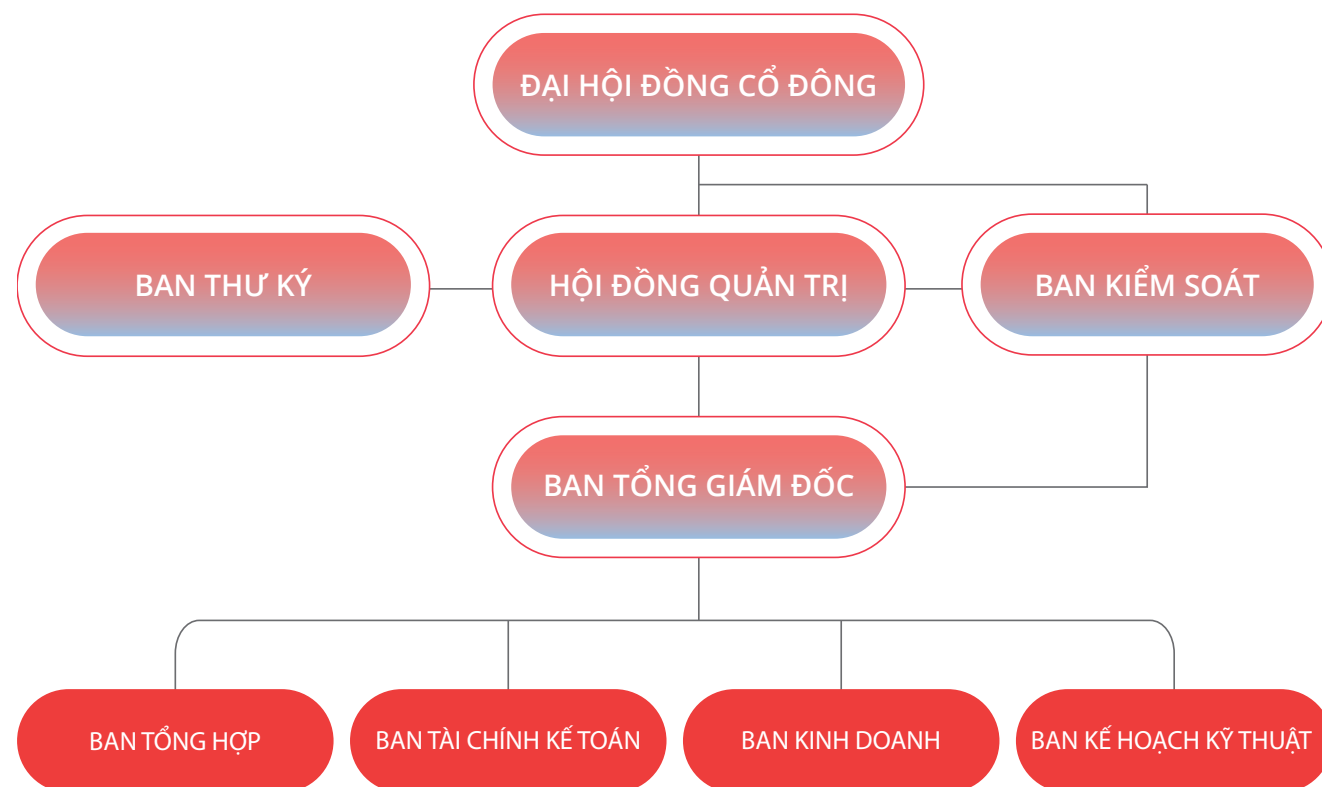
- Nhà máy CADIVI miền Đông
- Trụ sở chính của HECO
- Văn phòng đại diện của EMIC
- Văn phòng đại diện tại Miền Nam của HEM
- Văn phòng đại diện của THIBIDI
- Dự án điện mặt trời mái nhà

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

a. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý

Hiện tại, GELEX Electric tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.



b. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Ông

NGUYỄN VĂN TUẤN
CHỦ TỊCH HĐQT



Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm

- Từ tháng 09/2016 - nay Thành viên Thường trực HĐQT/ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
- Từ tháng 01/2018 - 08/2020 Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện VN (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX)
- Từ tháng 12/2016 - nay Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX (10/2020 - nay)
- Từ tháng 09/2016 - nay Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX (12/2016- 10/2020)
- Từ tháng 09/2016 - nay Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX (12/2019 - nay)
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Thiết bị điện GELEX (09/2016- 12/2019)
- Từ tháng 05/2017 - nay Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Nam
- Từ tháng 06/2019 - nay Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Viglacera-CTCP
- Từ tháng 04/2019 - nay Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị điện
- Từ tháng 07/2017 - nay Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh S.A.S - CTAMAD
- Từ tháng 04/2016 - 04/2020 Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam
- Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

b. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

NGUYỄN TRỌNG TIỂU

THÀNH VIÊN HĐQT



Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư - Cử nhân Kinh tế

Kinh nghiệm

- Từ tháng 08/2018 – nay: Thành viên Thường trực HĐQT/ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
- Từ tháng 01/2020 – 03/2020: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX
- Từ tháng 06/2018 – nay: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – CTCP
- Từ tháng 04/2018 – 12/2019: Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX
- Từ tháng 09/2016 – 03/2018: Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện
- Từ tháng 12/2010 – 08/2016: Tổng Giám Đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Từ tháng 12/2010 – nay: Ủy viên HĐQT Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
- Từ tháng 12/2010 – 06/2020: Phó Bí thư Đảng ủy Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
- Từ tháng 07/2010 – 11/2010: Tổng Giám Đốc Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
- Từ tháng 01/2010 – 06/2010: Tổng Giám Đốc Công ty Chế tạo Điện Cơ Hà Nội
- Từ tháng 07/2009 – 12/2009: Bí thư Đảng ủy Công ty Chế tạo Điện Cơ Hà Nội
- Từ tháng 03/2007 – 07/2009: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Chế tạo Điện Cơ Hà Nội
- Từ tháng 07/2005 – 03/2007: Giám Đốc Công ty Chế tạo Điện Cơ Hà Nội

ĐẶNG PHAN TƯỜNG

THÀNH VIÊN HĐQT



Trình độ chuyên môn:

Tiến sỹ Kinh tế

Kinh nghiệm

- Từ tháng 05/2021 – nay: UV HĐQT Công ty CP cơ điện Miền Trung
- Từ tháng 09/2021 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX
- Từ 30/11/2021 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Dây cáp điện Việt Nam
- Từ tháng 09/2020 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần GVI

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

b. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

LÊ QUANG ĐỊNH

THÀNH VIÊN HĐQT



■ Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư cơ khí

■ Kinh nghiệm

- Từ tháng 01/2020 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX
- Từ tháng 04/2019 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị điện
- Từ tháng 07/2017 - nay: Thành viên HĐTV Công ty Dây đồng Việt Nam. (Từ tháng 07/2017 – 05/2020)
Chủ tịch HĐTV Công ty Dây đồng Việt Nam (Từ tháng 06/2020 – nay)
- Từ năm 2016 – nay: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐTV& TGD Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai
- Từ tháng 04/2013 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Nam
- Từ tháng 08/2012 – 2015: Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Nam
- Từ tháng 10/2008 - 2012: Giám Đốc Công ty CADIVI – Xí nghiệp Long Biên

ĐỖ DUY HƯNG

THÀNH VIÊN HĐQT



■ Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư

■ Kinh nghiệm

- Từ 30/11/2021– nay: Thành viên HĐQT CTCP Dây cáp điện Việt Nam
- Từ tháng 09/2021 – nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần thiết bị điện GELEX
- Từ tháng 04/2021 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần chế tạo Điện cơ Hà Nội
- Từ tháng 12/2019 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP thiết bị đo điện EMIC
- Từ năm 2013 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD – 3C INC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

b. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ NGÀ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

■ Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kiểm toán

■ Kinh nghiệm

- Từ tháng 11/2021 – nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX
- Từ tháng 04/2021 – nay: Trưởng BKS Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
- Từ tháng 10/2020 – 10/2021: Trưởng BKS Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX
- Từ tháng 01/2020 – 11/2021: Trưởng BKS Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX
- Từ tháng 12/2019 – nay: Trưởng BKS Công ty cổ phần Thiết bị đo điện EMIC
- Từ tháng 08/2017 – nay: Trưởng Bộ phận Quản trị Tài chính/Phó Giám đốc Ban Kế toán/Kế toán tổng hợp – Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX
- Từ tháng 05/2017 – 07/2017: Trợ lý Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính - Kế toán - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường An
- Từ tháng 06/2011 – 04/2017: Kiểm toán viên/ Trưởng nhóm kiểm toán - Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

NGUYỄN TRỌNG TRUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

■ Trình độ chuyên môn:

Cử nhân quản trị kinh doanh

■ Kinh nghiệm

- Từ tháng 09/2020 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội
- Từ tháng 09/2020 – 04/2021: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội
- Từ tháng 04/2020 – nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX
- Từ tháng 10/2018 – nay: Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty CP Thiết bị đo điện EMIC
- Từ tháng 08/2016 – 03/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX
- Từ tháng 08/2011 – 08/2016: Phó Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty TNHH GELEX CAMBODIA

PHẠM TUẤN ANH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

■ Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

■ Kinh nghiệm

- Từ tháng 11/2021 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX
- Từ tháng 01/2020 – 04/2021: Thành viên HĐQT Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- Từ tháng 10/2018 – 11/2021: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX
- Từ tháng 09/2016 – 03/2021: Người được ủy quyền Công bố thông tin Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
- Từ tháng 03/2016 – 04/2021: Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Từ tháng 03/2016 – 04/2018: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị điện
- Từ tháng 02/2012 – 02/2016: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Từ tháng 11/2011 – 01/2012: Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Từ tháng 09/2010 – 10/2011: Phó phòng TCKT Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Từ năm 2009 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương
- Từ tháng 04/2005 – 08/2010: Phó phòng TCKT Công ty chế tạo Điện cơ Hà Nội

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

b. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ HUYỀN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

■ Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kế toán

■ Kinh nghiệm

- Từ tháng 11/2021 – nay: Trưởng Ban kiểm soát - CTCP Thiết bị điện GELEX
- Từ năm 2020 – nay: Công ty cổ phần GVI - Phó Kế toán trưởng
- Từ năm 2011 – 2019: Công ty Cổ phần than hoạt tính Toàn Cầu - Kế toán trưởng
- Từ năm 2004 – 2010: Công ty cổ phần bưu chính Viettel - Trưởng ban Tài chính - Trung tâm đường trực
- Từ năm 1994 – 2003: Hợp đồng hợp tác kinh doanh – Công ty Dương Nhật đầu tư - Tokemy Nhật bản, Kế toán tổng hợp, Kế toán trưởng

TIÊU THỊ DUNG

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

■ Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kế toán

■ Kinh nghiệm

- Từ tháng 11/2021 – nay: Thành viên Ban kiểm soát – CTCP Thiết bị điện GELEX
- Từ năm 2019 - nay: Chuyên viên Tài chính, Công ty cổ phần tập đoàn GELEX
- Từ năm 2018 - 2019: Chuyên viên chính tài chính, Công ty cổ phần tập đoàn FLC
Chuyên viên Quản lý tài chính, Công ty cổ phần Hàng không Tre Việt
- Từ năm 2016-2018: Chuyên viên Tài chính, Công ty cổ phần nghe nhìn toàn cầu
- Từ năm 2013-2016: Phòng Kiểm toán, Công ty TNHH Crowe Việt Nam

NGUYỄN HOÀNG VIỆT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

■ Trình độ chuyên môn:

Cử nhân thương mại quốc tế

■ Kinh nghiệm

- Từ tháng 11/2021 – nay: Thành viên Ban kiểm soát – CTCP Thiết bị điện GELEX
- Từ tháng 06/2021 – nay: Chuyên viên KTNB – Công ty CP Tập đoàn GELEX
- Từ tháng 06/2016 – 05/2021: Chuyên viên KTNB – Công ty CP Năng lượng Bitexco
- Từ tháng 12/2014 – 05/2016: Kiểm soát tài chính – Công ty TNHH CN & TB Máy CTC
- Từ tháng 09/2011 – 01/2014: Trưởng nhóm kiểm toán – Công ty TNHH KPMG

GIỚI THIỆU VỀ GELEX ELECTRIC

4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Những thay đổi trong ban điều hành trong năm qua:

Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/
	Ông Phạm Tuấn Anh – Phó Tổng Giám đốc Công ty	03/11/1976	Cử nhân Kinh tế - Học viện Tài Chính	Bổ nhiệm kể từ ngày 12/11/2021

STT	Kế toán trưởng	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/
1	Ông Phạm Tuấn Anh	03/11/1976	Cử nhân Kinh tế - Học viện Tài Chính	Miễn nhiệm kể từ ngày 12/11/2021
2	Bà Nguyễn Thị Nga	01/08/1989	Cử nhân Kiểm toán	Bổ nhiệm kể từ ngày 12/11/2021

c. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Bảng 2. Cơ cấu trình độ lao động tại ngày 31/12/2021 (bao gồm lao động tại các công ty con)

STT	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ	2.717	100%
Đại học và trên đại học	789	29,0%
Cao đẳng, trung cấp	837	30,8%
Công nhân, kỹ thuật, khác	1.091	40,2%

Nguồn: GELEX Electric

d. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động (HCNS)

o Chế độ làm việc

Cán bộ, nhân viên của GELEX Electric làm việc 5 ngày/tuần, 8 tiếng/ngày.

o Chính sách đào tạo

- Hàng năm, cán bộ, nhân viên công ty thường xuyên tham gia các lớp đào tạo, tập huấn do các chuyên gia về các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, công nghệ, tài chính, kinh doanh...trực tiếp giảng dạy.
- Công ty thường xuyên tự đào tạo Cán bộ, Nhân viên của mình nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực cá nhân, nhằm hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- Các cán bộ nhân viên trong Công ty thường xuyên tự học hỏi và trau dồi kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn thông qua internet, sách báo...

o Chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi

- Công ty luôn có chính sách và chế độ đãi ngộ khuyến khích cho người lao động, thúc đẩy người lao động hăng hái làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty;
- Khen thưởng, động viên CBNV vào các ngày Lễ, Tết, Lương tháng 13 theo đúng quy định
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm, y tế, kinh phí công đoàn, công ty trích và đóng theo quy định;
- Chế độ ốm, đau, thai sản, hiếu, hỷ...công ty thực hiện theo quy chế của công ty và thỏa ước lao động tập thể.

GIỚI THIỆU VỀ GELEX ELECTRIC

e. Danh sách các công ty con, công ty liên kết:

Bảng 3. Danh sách các công ty con trực tiếp do GELEX Electric trực tiếp sở hữu

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu trên VDL (%)	Vốn điều lệ Công ty con (đồng)
1	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam ("CADIVI")	Số 70 – 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện	96,16%	576.000.000.000
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	Km 12, đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện	76,70%	387.046.500.000
3.	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("THIBIDI")	Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, thành phố Biên Hoà, tỉnh Bình Dương	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện	80,87%	488.000.000.000
4.	Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC ("EMIC")	Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị đo điện	74,99%	150.000.000.000
5.	Công ty Dây đồng Việt nam CFT ("CFT")	Đường số 9, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc	100%	318.400.000.000
6.	Công ty TNHH Phát điện GELEX	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	885.000.000.000
7.	Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị	Số 03, Nguyễn Viết Xuân, Thị trấn Khe Sanh, Huyện Hướng Hoá, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.	Sản xuất điện	100%	1.269.000.000.000

Bảng 4. Danh sách các công ty con gián tiếp do GELEX Electric sở hữu thông qua các công ty con trực tiếp

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ Lợi ích (%)	Vốn điều lệ Công ty con (đồng)
CADIVI						
1	Công ty TNHH Một thành viên CADIVI Đồng Nai ("CADIVI Đồng Nai")	Đường số 1, Khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện	100%	100%	789.000.000.000
HEM						
1	Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội ("HECO")	Lô J12, đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, TPHCM	Sản xuất kinh doanh sản phẩm ngành điện	100%	100%	13.000.000.000
2	Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-Power ("G-Power")	Km 12, đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội	Sản xuất máy biến áp, tủ bảng điện	100%	100%	40.000.000.000
THIBIDI						
1	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh "MEE"	Số 186, tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp	51%	51%	120.000.000.000

GIỚI THIỆU VỀ GELEX ELECTRIC

Bảng 4. Danh sách các công ty con gián tiếp do GELEX Electric sở hữu thông qua các công ty con trực tiếp (tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ Lợi ích (%)	Vốn điều lệ Công ty con (đồng)
Công ty TNHH Phát điện GELEX						
1	CTCP Phú Thạnh Mỹ	Tổ 9, Thôn Thạnh Mỹ 2, Thị Trấn Thạnh Mỹ, Huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Sản xuất và phát điện	73,16%	73,16%	618.140.000.000
2	Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận	Thôn Sơn Hải, Xã Phước Dinh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất và phát điện	100%	100%	368.000.000.000
3	Công ty TNHH Năng lượng Điện Mái nhà	Thôn Sơn Hải, Xã Phước Dinh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất và phát điện	100%	100%	28.500.000.000
4	Công ty TNHH Điện Mặt trời Mái Nhà	Thôn Sơn Hải, Xã Phước Dinh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất và phát điện	100%	100%	13.590.200.000
5	Công ty TNHH Điện Mặt trời Mái nhà Việt Nam	Thôn Sơn Hải, Xã Phước Dinh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất và phát điện	100%	100%	11.533.200.000
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị						
1	Công ty TNHH MTV Mirai, Quảng Trị	Số 03, Nguyễn Viết Xuân, Thị Trấn Khe Sanh, Huyện Hướng Hoá, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.	Sản xuất và phát điện	100%	100%	3.000.000.000

Bảng 5. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ Lợi ích (%)	Vốn điều lệ Công ty con (đồng)
1	Công ty TNHH S.A.S CTAMAD	44B Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	35%	26,94%	524.992.800.000
2	Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần	Số 189 đường Lâm Tiên, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp	24,95%	22,38%	324.863.920.000
3	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Tòa nhà GELEX, số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nma	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng (nước sạch, bất động sản KCN, năng lượng,...)	22,42%	22,42%	7.900.000.000.000

Nguồn: GELEX Electric

GIỚI THIỆU VỀ GELEX ELECTRIC

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

5.1 Chiến lược phát triển chung của công ty:

- Tiếp tục giữ vững vị thế hàng đầu, duy trì thương hiệu lâu đời trong ngành sản xuất thiết bị điện, bao gồm máy biến áp truyền tải và phân phối, dây cáp điện, động cơ điện, thiết bị đo điện...
- Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các sản phẩm thiết bị điện tiên tiến với công nghệ hiện đại, đáp ứng nhu cầu của thị trường, nỗ lực trong việc tăng thị phần.
- Nâng cao năng lực quản lý vận hành và đẩy mạnh hoạt động đầu tư phát triển khối phát điện trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.
- Tiếp tục xây dựng nền tảng quản trị cao nhất với năng lực tài chính vững mạnh, bộ máy tổ chức và nhân sự tinh gọn hiệu quả cao.

5.2 Mục tiêu hoạt động trong 3 – 5 năm tới:

a. Đối với Công ty mẹ GELEX Electric

- Thực hiện và phát huy mạnh mẽ vai trò dẫn dắt, hoạch định chiến lược trong sản xuất kinh doanh, quản lý vận hành và sử dụng, huy động nguồn lực
- Duy trì tốc độ tăng trưởng thông qua hoạt động M&A đầu tư chiến lược theo hình thức cơ cấu lại sở hữu của Công ty mẹ và các Công ty thành viên trong hệ thống GELEX.

b. Đối với khối sản xuất thiết bị điện:

- Củng cố thị trường truyền thống, tăng cường phát triển thị trường mới (trong đó tập trung hướng tới thị trường nước ngoài) và mở rộng thị phần trong nước.
- Tối ưu hóa sản xuất, đầu tư phát triển sản xuất để hướng tới cung cấp đầy đủ bộ sản phẩm trong chuỗi giá trị ngành điện.
- Phát triển R&D, các sản phẩm mới ứng dụng công nghệ cao, tăng cường nhận chuyển giao công nghệ từ các đối tác hàng đầu trong ngành trên thế giới;
- Tiếp tục nâng cao trình độ quản lý theo mô hình quản lý công nghiệp hiện đại, tận dụng triệt để lợi thế quy mô, chủ động nguồn nguyên liệu chiến lược, đặc biệt trong việc áp dụng phần mềm ERP.
- Chú trọng xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin và các phần mềm, ứng dụng để đưa ra các thông tin quản trị tức thời, minh bạch, chính xác tin cậy nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh, duy trì thị phần và giành lợi thế cạnh tranh.

c. Đối với khối phát điện:

- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và năng lượng sạch tiềm năng
- Quản lý vận hành hiệu quả nguồn phát điện năng lượng sạch hiện có với tổng công suất gần 200MW và tiếp tục tăng nguồn quy mô công suất theo định hướng chung của GELEX.
- Hướng tới mục tiêu tham gia hoạt động kinh doanh mua bán điện, đồng thời tiếp tục nghiên cứu dịch vụ mua bán điện trực tiếp DPPA với các phụ tải khu công nghiệp.

5.3 Mục tiêu phát triển bền vững:

- Các nguồn năng lượng tái tạo như thủy điện, điện mặt trời, điện gió đang là ưu tiên phát triển mạnh của Công ty với các lợi ích ưu việt của nguồn năng lượng sạch: giảm thiểu lượng khí thải nhà kính, ít gây ô nhiễm và thân thiện với môi trường.
- Tại COP26, Việt Nam đã cùng gần 150 quốc gia cam kết đưa mức phát thải ròng về “0” vào giữa thế kỷ; cùng với hơn 100 quốc gia tham gia cam kết giảm phát thải khí methane toàn cầu vào năm 2030 so với năm 2010; cùng gần 50 quốc gia tham gia tuyên bố toàn cầu về chuyển đổi điện than sang năng lượng sạch. Những cam kết mạnh mẽ và ý kiến đóng góp có trách nhiệm của người đứng đầu Chính phủ Việt Nam tại COP26 đã được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, mở ra nhiều cơ hội hợp tác về tăng trưởng ít phát thải, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu. Trước bối cảnh này, GELEX Electric đã nhanh chóng nắm bắt và tập trung định hướng đầu tư vào lĩnh vực năng lượng xanh, năng lượng tái tạo như thủy điện, điện gió, điện mặt trời góp phần hạn chế khai thác nguồn năng lượng hóa thạch truyền thống, giảm lượng phát thải khí CO2 để bảo vệ môi trường và đem lại giá trị kinh tế bền vững cho doanh nghiệp.
- Bên cạnh ưu tiên việc đầu tư vào lĩnh vực năng lượng sạch, ở mảng sản xuất thiết bị điện truyền thống, Công ty tiếp tục chú trọng đầu tư các thiết bị dây chuyền công nghệ tiên tiến và ưu tiên nguồn lực cho công tác R&D nhằm đưa ra các sản phẩm có chất lượng tiêu thụ điện tiết kiệm hiệu quả, giảm tổn hao điện, giảm thiểu hiệu ứng khí nhà kính, CO2.

6. CÁC RỦI RO

6.1 Rủi ro về kinh tế

Các yếu tố kinh tế vĩ mô bao gồm các tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá là những yếu tố tác động trực tiếp đến sự phát triển của các doanh nghiệp

GIỚI THIỆU VỀ GELEX ELECTRIC



a. *Rủi ro về tăng trưởng kinh tế:*

Tăng trưởng kinh tế là cơ sở để Nhà nước có điều kiện gia tăng đầu tư công và đầu tư cơ sở hạ tầng, là yếu tố dẫn dắt cho mảng kinh doanh chính là sản xuất thiết bị điện của GELEX Electric với một số thiết bị cung cấp cho hoạt động đầu tư xây dựng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Năm 2021 là năm kinh tế toàn cầu tiếp tục phục hồi nhưng có sự khác biệt rõ rệt giữa các giai đoạn đầu năm và cuối năm, trong đó những tháng cuối năm động lực đã yếu đi so với nửa đầu năm 2021; Tuy GDP toàn cầu đạt khoảng 5,6-5,7%, giảm 0,3-0,4% so với dự báo đầu tháng 10/2021, nhưng các nền kinh tế thu nhập thấp chỉ tăng trưởng khoảng 2,9% - mức tăng chậm nhất 20 năm của nhóm này (báo cáo của WB). Sự khác biệt trong triển vọng kinh tế giữa các quốc gia do chênh lệch lớn trong tiếp cận vắc-xin và hỗ trợ chính sách. Việt Nam nói riêng gặp nhiều thách thức do ảnh hưởng nặng nề của sự bùng phát

và lan rộng của dịch bệnh COVID-19. Tính cả năm 2021, GDP Việt Nam tăng 2,58%. Dù thấp hơn nhiều so với mục tiêu tăng trưởng 6,5%, song với ảnh hưởng của dịch COVID-19 tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021, thì mức tăng 2,58% là một thành công đáng ghi nhận. Năm 2022 kỳ vọng GDP sẽ có mức tăng trưởng theo kế hoạch đã được Quốc hội thông qua.

Nguyên nhân của điều chỉnh giảm nói trên là do gián đoạn nguồn cung ở các quốc gia phát triển và diễn biến đại dịch ngày càng nghiêm trọng. Những hạn chế trong chuỗi cung ứng đã cản trở sản xuất công nghiệp, khi nhu cầu toàn cầu về hàng hóa tiêu dùng lâu bền tăng. Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển phải đối mặt với các điều kiện tài chính thắt chặt hơn và rút dần chính sách hỗ trợ mặc dù tăng trưởng không như kỳ vọng. Các rủi ro căng thẳng thương mại, xáo trộn và đứt gãy chuỗi cung ứng, lãi suất tăng trở lại ảnh hưởng nghiêm trọng

đến sự tăng trưởng kinh tế. Nhận thức được những rủi ro này, GELEX Electric đã chủ động chuẩn bị các phương án tài chính, kế hoạch hoạt động theo nhiều kịch bản khác nhau để thích nghi được với những biến số của tăng trưởng kinh tế.

b. *Rủi ro về lạm phát*

Trong năm 2021, với nhiều gói hỗ trợ được tung ra, lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên liệu đầu vào cho các ngành sản xuất: giá khí đốt, dầu mỏ, giá kim loại liên tục phi mã. Những bất ổn và lạm phát đã làm giảm sút mức tiêu dùng và đầu tư, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của GELEX Electric. Lạm phát toàn cầu tăng còn khiến cho giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận.

Giá nhiều loại nguyên, nhiên vật liệu trên thị trường thế giới được kỳ vọng sẽ ổn định trở lại khi dịch COVID-19 dần được khống chế. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh trong nước còn diễn biến phức tạp, sẽ ảnh hưởng lớn đến các hoạt động sản xuất, cung cầu hàng hóa trên thị trường. Vì vậy, lạm phát năm 2022 vẫn là khó đoán định. Để đối mặt với rủi ro về lạm phát, GELEX Electric đã thường xuyên bám sát diễn biến thị trường để đưa ra những chính sách kinh doanh phù hợp nhằm hạn chế những tác động của yếu tố lạm phát.

c. *Rủi ro về lãi suất và tỷ giá*

Hoạt động kinh doanh của GELEX Electric hầu hết sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào nhập khẩu, đồng thời GELEX Electric cũng xuất khẩu một số sản phẩm ra các thị trường trên thế giới, do đó chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự biến động của tỷ giá. Ngoài ra, GELEX Electric cũng chịu rủi ro tỷ giá từ các khoản vay bằng ngoại tệ.

Năm 2021, với chủ trương hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp, cũng như năm 2020 lãi suất cho vay của Việt Nam tiếp tục ở mức tương đối thấp so với những năm gần đây. Mặt bằng lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến ở mức 5%/năm đối với cho vay ngắn hạn. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong thời gian vừa qua có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí tài chính và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, lãi suất có thể được điều chỉnh tăng trở lại trong bối cảnh dịch bệnh đã được cơ bản kiểm soát. Đối với rủi ro về mặt lãi suất, một số khoản nợ hiện tại cũng như các khoản vay của hệ thống GELEX Electric trong tương lai có thể chịu mức lãi suất thả nổi. Vì vậy việc tăng lãi suất có thể làm tăng chi phí tài chính và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty.

Để giảm thiểu rủi ro liên quan đến biến động lãi suất và tỷ giá, GELEX Electric đã xây dựng các quy định về quy chế tài chính và luôn chú trọng đánh giá, dự báo về diễn biến thay đổi của lãi suất trong ngắn hạn và dài hạn. Đồng thời GELEX Electric cũng làm việc với các tổ chức trong và ngoài nước để tìm kiếm những nguồn vốn vay giá rẻ.

6.2 Rủi ro đặc thù ngành

Hai ngành nghề chính là thiết bị điện và năng lượng của GELEX Electric chịu những rủi ro đặc thù như sau:

a. *Lĩnh vực sản xuất thiết bị điện*

Mảng sản xuất thiết bị điện của Công ty chịu rủi ro lớn từ biến động giá nguyên vật liệu đầu vào. Trong khi giá sản phẩm đầu ra ít có khả năng biến động mạnh, việc giá nguyên liệu đầu vào thay đổi ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận của doanh nghiệp. Mảng sản xuất thiết bị điện còn có đặc thù là sản

GIỚI THIỆU VỀ GELEX ELECTRIC

phẩm kỹ thuật cao, đòi hỏi thay đổi và cập nhật liên tục để phù hợp nhu cầu tự động hóa của hệ thống điện và với tiêu chuẩn kỹ thuật. GELEX Electric luôn chủ động cập nhật các công nghệ và thiết kế nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của người tiêu dùng và xây dựng mối quan hệ bền vững với các nhà sản xuất để đảm bảo sự bình ổn giá nguyên liệu đầu vào.

Song song vấn đề trên, mảng sản xuất thiết bị điện của Công ty còn chịu rủi ro từ biến động và sức tăng trưởng thị trường ngành điện. Năm 2021, sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống điện đạt 256.727 triệu kWh, tăng 3,91% so với năm 2020 nhưng chỉ đạt 97,83% so với kế hoạch, đã làm giảm mức tiêu thụ các thiết bị điện cho nhu cầu đầu tư xây dựng điện.

Dự kiến năm 2022 sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống điện là 275.505 triệu kWh tăng 7,31% so với năm 2021, có thể thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm thiết bị điện trên thị trường. GELEX Electric và các Công ty thành viên luôn bám sát diễn biến thị trường điện để xây dựng kế hoạch các tình huống, linh hoạt đáp ứng nhu cầu các sản phẩm thiết bị điện.

b. Lĩnh vực phát điện

Có thể khẳng định mảng phát điện của Công ty là mảng kinh doanh ổn định và có yếu tố bền vững, vì Công ty chủ yếu sở hữu vận hành các nguồn năng lượng tái tạo có giá bán điện cố định đã được quy định dài hạn thông qua các hợp đồng PPA với EVN. Tuy nhiên công suất và sản lượng điện năng của các nhà máy phụ thuộc nhiều vào yếu tố thiên nhiên, thời tiết. Đặc biệt khi sản lượng thủy điện, điện mặt

trời hay điện gió đều biến động tùy thuộc vào các yếu tố như lượng mưa, điều tiết liên hồ chứa bậc thang phía trên, tốc độ gió hay bức xạ nhiệt vốn không thể đo lường và dự báo chính xác. Ngoài ra, Dự án điện mặt trời Ninh Thuận còn chịu rủi ro giảm phát do quá tải đường dây truyền tải tại khu vực này. Bên cạnh đó, năm 2021 nhu cầu điện Việt Nam tại nhiều thời điểm thấp hơn nhiều so với năng lực của hệ thống điện, làm cho nhiều nhà máy điện phải giảm phát để đảm bảo an toàn vận hành của hệ thống, tác động tiêu cực đến doanh thu (trong đó các nhà máy điện mặt trời, điện gió do GELEX Electric sở hữu cũng bị tác động giảm sản lượng điện năng sản xuất làm giảm doanh thu phát điện). GELEX Electric đã cố gắng xây dựng các kế hoạch tương ứng các tình huống, nâng cao năng lực hiệu quả của phát điện, tận dụng thế mạnh của nguồn năng lượng thủy điện và năng lượng tái tạo và góp phần đảm bảo an toàn trong vận hành hệ thống điện quốc gia. Đồng thời chuẩn bị sẵn sàng các biện pháp để tăng cường đảm bảo sản lượng điện theo yêu cầu của hệ thống điện.

6.3 Rủi ro về luật pháp

Hoạt động của GELEX Electric chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan; các Luật chuyên ngành như Luật điện lực, Luật đầu tư, Luật Xây dựng, các Nghị định và các Thông tư hướng dẫn liên quan.

Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Luật



Xây dựng sửa đổi số 62/2020/QH14 Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 sẽ chính thức có hiệu lực từ thời điểm ngày 01/01/2021. Cùng với đó, hệ thống các Nghị định và Thông tư hướng dẫn đã được ban hành. Khi các quy định pháp luật thay đổi cũng cần một khoảng thời gian nhất định để các doanh nghiệp tiếp cận. Đây chính là khoảng thời gian mà các doanh nghiệp sẽ gặp phải một số vướng mắc và khó khăn nếu không có sự chuẩn bị trước.

Đặc biệt, ngày 11/01/2022, Quốc hội 15 đã ban hành Luật số 03/2022/QH15 về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 8 luật: Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật

Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Thi hành án dân sự. Kể từ ngày 01/3/2022, Luật sửa đổi số 03/2022/QH15 chính thức có hiệu lực, trong đó chi phối một số nội dung mà Doanh nghiệp như GELEX Electric phải tuân thủ liên quan đến Luật Doanh nghiệp, Luật Điện lực, Luật Đầu tư.

Đứng trước những rủi ro này, Công ty luôn cập nhật sát sao với những thay đổi mới nhất trong hệ thống văn bản pháp luật để luôn luôn đảm bảo tính tuân thủ cao nhất.

GIỚI THIỆU VỀ GELEX ELECTRIC

6.4 Rủi ro về phát triển bền vững

Việt Nam đang đứng trước cơ hội về phát triển kinh tế mạnh mẽ, đặc biệt là động lực phục hồi sau đại dịch COVID-19. Sự phát triển nhanh, nếu không có những chủ trương phát triển bền vững đúng đắn, có thể đem lại những tác động tiêu cực đến môi trường, người dân và xã hội. GELEX Electric, với tư cách là một trong những doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực thiết bị điện Việt Nam, có nghĩa vụ không ngừng phát triển đồng hành với nền kinh tế nước nhà, cũng gặp phải những rủi ro về phát triển bền vững.

Về yếu tố bảo vệ môi trường, tại các nước đang phát triển, ngành năng lượng với các nhà máy nhiệt điện chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu nguồn điện, thường đóng góp đến 70 - 90% lượng CO₂ và 75% lượng khí khác thải ra môi trường. GELEX Electric tập trung phát triển những lĩnh vực mang tính bền vững, thiết yếu và giảm phát thải khí CO₂ như nguồn năng lượng tái tạo bao gồm điện gió, điện mặt trời và định hướng tiếp tục phát triển mảng năng lượng tái tạo bao gồm cả điện rác, điện sinh khối nhằm cải thiện môi trường sống. Bên cạnh đó, GELEX Electric luôn nghiên cứu và áp dụng các công nghệ mới để sản xuất các sản phẩm thiết bị điện thân thiện với môi trường, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật tiên tiến, ...

Về mặt tài chính, GELEX Electric trong tập đoàn GELEX đã xây dựng một cấu trúc vốn an toàn và phù hợp với các mục tiêu kinh doanh của Tập đoàn, đảm bảo khả năng cân đối tài chính trước những biến động bất lợi từ môi trường kinh doanh cũng như những yếu tố môi trường, xã hội bên ngoài khác.

Con người là cốt lõi của doanh nghiệp, là một trong

những yếu tố đảm bảo sự phát triển vững vàng của doanh nghiệp. GELEX Electric luôn tập trung đào tạo nguồn nhân lực lãnh đạo và cán bộ có chất lượng, gắn bó và phù hợp với văn hóa của Công ty nhằm đảm bảo nguồn lực thực thi các chiến lược kinh doanh trong dài hạn cũng như các nguồn lực kế thừa và thay thế.

COVID-19 cũng mang đến những rủi ro tiềm ẩn như dịch bệnh bùng phát tại các cơ sở của các doanh nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh bị đảo lộn do các biện pháp giãn cách... GELEX Electric đã thực hiện tuyên truyền, đào tạo các nhân viên, tổ chức tiêm chủng vaccine sớm cho người lao động, có những biện pháp và nguồn lực phù hợp để đảm bảo an toàn y tế tại các cơ sở trong hệ thống của GELEX Electric mà vẫn duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh từng thời điểm, như thực hiện thích ứng sản xuất 3 tại chỗ. Hiện tại, theo chủ trương thích ứng hoạt động trong tình hình mới, GELEX Electric đã chuẩn bị những kịch bản linh hoạt để đảm bảo duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động.

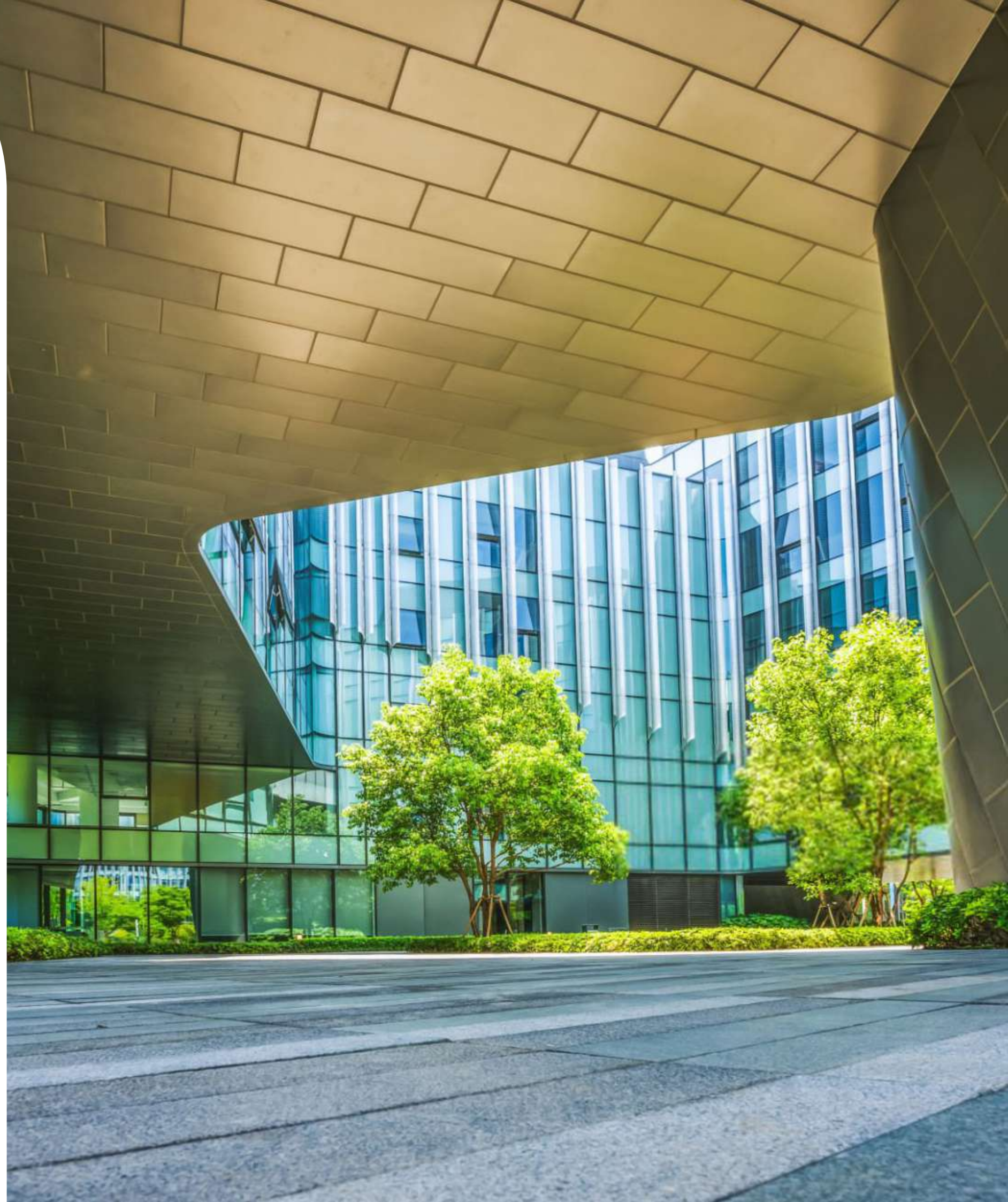


CHƯƠNG

03

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021	50
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án	56
Tình hình tài chính	57
Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	58



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Chỉ tiêu hợp nhất	2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tăng trưởng so với 2020
Doanh thu thuần	16.072.702	17.100.000	18.714.206	16,3%
Lợi nhuận trước thuế	843.612	820.000	818.006	-3%

GELEX Electric ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất năm 2021 với sự tăng trưởng 16,43% so với năm 2020, đạt 109,4% so với kế hoạch đã đề ra. Sự tăng trưởng trong doanh thu hợp nhất phần lớn nhờ những định hướng đúng đắn, các mục tiêu cụ thể xuyên suốt và các giải pháp trọng tâm trong sản xuất của HĐQT, Ban điều hành Công ty và các đơn vị thành viên, ngoài ra một phần đến từ mảng năng

lượng tái tạo mới M&A đóng góp trong Quý 4/2021.

Tuy nhiên, năm 2021, công ty cũng thực hiện các hoạt động mở rộng đầu tư và sản xuất kinh doanh, do đó ghi nhận chi phí tài chính tăng do các hoạt động này. Cụ thể, GELEX Electric huy động vốn để thực hiện hoạt động M&A các dự án điện và mua thêm cổ phiếu CAV và THI để tăng tỷ lệ sở hữu. Do vậy, chi phí tài chính của Công ty mẹ đã tăng từ 280

tỷ VNĐ lên 309 tỷ VNĐ và chi phí tài chính hợp nhất tăng từ 621 tỷ lên đến 744 tỷ đồng. Hơn nữa, năm 2021 ngành thiết bị điện bị ảnh hưởng tiêu cực do Covid-19, sự bất ổn giá nguyên vật liệu đầu vào cùng với chính sách phong tỏa, giãn cách xã hội diện rộng

kéo dài của các cơ quan chức năng đảm bảo an toàn đã ảnh hưởng tiêu cực tới doanh thu và giá vốn hàng bán của nhóm sản xuất thiết bị điện. Từ đó, lợi nhuận trước thuế hợp nhất giảm 3% so với 2020 và đạt 99,8% so với lợi nhuận kế hoạch đã đề ra.

1.1 Nhóm ngành sản xuất thiết bị điện

Chỉ tiêu hợp nhất	2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tăng trưởng so với 2020
Doanh thu thuần				
CADIVI	10.578.973	9.886.408	10.479.096	-0,9%
THIBIDI	2.830.937	2.860.000	2.407.323	-15,0%
HEM	548.586	470.400	445.744	94,8%
EMIC	1.221.427	1.260.000	1.266.925	3,7%
CFT	4.656.812	6.550.873	7.326.848	57,3%
Lợi nhuận trước thuế				
CADIVI	501.003	486.221	422.625	-15,6%
THIBIDI	193.436	197.820	115.539	-40,3%
HEM	13.610	45.001	6.161	-54,7%
EMIC	213.116	200.000	214.988	0,9%
CFT	17.657	30.345	12.369	-29,9%

Tổng quan kết quả sản xuất kinh doanh của nhóm sản xuất thiết bị điện năm 2021 tuy doanh thu đạt kế hoạch đề ra nhưng chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế chưa đạt mục tiêu kế hoạch. Cụ thể, các nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Dịch Covid-19 kéo dài và diễn biến phức tạp suốt năm 2021 làm chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy ảnh hưởng đến việc nhập khẩu vật tư đầu vào cũng như làm cho thị trường tiêu thụ của nhóm ngành sản xuất thiết bị điện sụt giảm mạnh trong những quý đầu năm.
- Giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, chi phí sản xuất tăng do việc áp dụng các biện pháp “3 tại chỗ” để duy trì và ổn định sản xuất nhằm bảo vệ sức khỏe của người lao động là nguyên nhân chính dẫn tới lợi nhuận gộp của nhóm ngành sản xuất thiết bị điện có sự suy giảm so với năm 2020.

- Các chính sách việc hỗ trợ đại lý nhằm giữ vững và mở rộng thị phần với mục tiêu tăng trưởng doanh thu làm tăng chi phí bán hàng.

a. Công ty cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam – CADIVI

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 tiếp tục bùng phát và diễn biến nặng trong năm 2021, CADIVI kiên định thực hiện “mục tiêu kép” vừa sản xuất kinh doanh, vừa phòng chống dịch bệnh, trong đó, mục tiêu tăng trưởng sản xuất kinh doanh trong điều kiện “bình thường mới”, CADIVI đã đạt được kết quả đáng khích lệ trong năm 2021 với doanh thu hợp nhất đạt 10.479 tỷ đồng, tăng 6% với kế hoạch năm 2021. Tuy lợi nhuận sau thuế hợp nhất chỉ đạt 423 tỷ đồng đạt 87% so với kế hoạch nhưng đây sẽ là động lực cho CADIVI cố gắng hướng đến mục tiêu cao hơn cho năm tiếp theo khi nền kinh tế phục hồi sau dịch bệnh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Để đáp ứng nhu cầu thị trường dây cáp điện trong nước ngày càng lớn, cũng như xu hướng mở rộng ngầm hóa lưới điện quốc gia, phát triển các dự án điện mặt trời, điện gió, trong năm 2021 CADIVI đã đầu tư nâng cấp mua mới các trang thiết bị và đưa tài sản cố định vào sử dụng khoảng 118 tỷ đồng, trong đó gồm:

- Đầu tư mới 1 máy kéo nhôm (Hãng Jiangsu Jiacheng – Trung Quốc) tại Nhà máy CADIVI Miền Đông nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất các sản phẩm mới hiện nay (cáp siêu nhiệt hình thang, nhôm hợp kim,...)
- Ngoài ra, tiếp tục thực hiện các dự án đã được triển khai từ trước năm 2021: Dự án Nâng cao năng lực sản xuất dây cáp điện tại Nhà máy CADIVI miền Trung, Dự án xây dựng CADIVI TOWER, dự kiến hoàn hành và đưa vào sử dụng trong Quý 2/2022.

b. Công ty cổ phần Thiết bị điện – THIBIDI

Để thích ứng với tình hình phức tạp của dịch bệnh Covid-19, THIBIDI đã kịp thời đưa ra các chính sách ứng phó như: tranh thủ tổ chức nghiệm thu trực tuyến và tập trung giao hàng tối đa cho các Điện Lực; Ban hành chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho các đại lý phân phối; Hỗ trợ giảm giá cho các dự án lớn, giao hàng nhanh chóng đáp ứng tiến độ cho các dự án và công trình.

Trong công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm, THIBIDI cũng thực hiện một số giải pháp như:

- Sử dụng vật liệu mới, cải tiến thiết kế, tiết kiệm vật tư, giảm giá thành cho dây MBA 3 pha (160÷1.250) KVA tạo lợi thế cạnh tranh thị trường.

- Tính toán phối hợp lại đồng tole (do giá đồng tăng cao), cải tiến thiết kế, tiết kiệm vật tư, giảm giá thành cho dây MBA 3 pha Amorphous (100÷2.000) KVA tạo lợi thế cạnh tranh thị trường.
- Quản lý và thực hiện công tác giám định, điều tra sự cố và có biện pháp ngăn ngừa, cải tiến kịp thời để nâng cao chất lượng sản phẩm.

c. Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội - HEM

Năm 2021, doanh thu hợp nhất và lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Hem không đạt kế hoạch ĐHCĐ giao. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của dịch bệnh, đặc biệt là ảnh hưởng từ hoạt động SXKD của Công ty TNHH SAS-CTAMAD – đơn vị liên kết của HEM. Đây là công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn và văn phòng cho thuê. Trong năm 2021, việc thực hiện giãn cách xã hội, hạn chế tụ tập đông người đã ảnh hưởng đáng kể tới kết quả kinh doanh mảng lưu trú của khách sạn 5 sao Melia Hà Nội và mảng kinh doanh dịch vụ hội thảo, hội nghị, nhà hàng. Theo đó, kết quả lợi nhuận hợp nhất của HEM cũng bị suy giảm mạnh.

Tháng 7 năm 2021, bắt đầu triển khai “Đề án Tái cấu trúc HEM giai đoạn 2021-2025”, HEM đã từng bước thực hiện tái cấu trúc, sắp xếp lại dây chuyền sản xuất và lao động phù hợp với mô hình tổ chức công ty, cơ cấu tổ chức lại bộ phận bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty theo chiến lược phát triển các ngành hàng.

d. Công ty cổ phần Thiết bị đo điện EMIC

Nếu năm 2020 là một năm tăng trưởng vượt bậc của EMIC (tăng trưởng doanh thu 57% và tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp là hơn 61%) thì năm



2021 là một năm thử thách đối với EMIC. Tuy nhiên, trước tình hình đó EMIC vẫn nỗ lực để hoàn thành kế hoạch đề ra (tăng trưởng doanh thu 3,7% so với năm 2020 và tăng 0,5% so với kế hoạch).

Các mặt hàng chủ đạo của EMIC như công tơ điện tử và thiết bị đo xa tăng 3% so với kế hoạch; biến dòng biến áp tăng 5% so với kế hoạch. Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và tính cạnh tranh của thị trường, EMIC đã không ngừng tìm tòi, để đưa ra các sản phẩm mới, với nhiều tính năng phù hợp; đáp ứng yêu cầu của khách hàng:

- Tham gia một cách toàn diện vào thị trường công tơ PLC của EVNSPC với đầy đủ chủng loại sản phẩm và hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật về trên thị trường EVNSPC.
- Nghiên cứu và phát triển dòng sản phẩm công tơ điện tử một pha dựa trên một thiết kế hoàn toàn mới. Trong năm 2021, EMIC đã chế tạo mẫu và đang triển khai đánh giá, thử nghiệm, dự kiến triển khai sản xuất bán hàng từ năm 2022.

- Bước đầu nghiên cứu, đánh giá được 02 mẫu đồng hồ nước lạnh thể tích và 02 mẫu đồng hồ nước lạnh đa tia có chất lượng phù hợp để phát triển tới sản xuất năm 2022.

e. Công ty Dây đồng Việt Nam CFT

- Năm 2021, CFT cung cấp cho thị trường 43.100 tấn sản phẩm, ghi nhận 7.327 tỷ đồng doanh thu. Giá nguyên vật liệu tăng cao;
- Covid – tình hình xuất khẩu sang thị trường quốc tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng;
- Chuẩn bị công tác di dời nhà máy
- Chi phí phát sinh do việc di dời nhà máy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.2 Nhóm phát điện

a. Nhà máy thủy điện Sông Bung 4A:

Kế hoạch và thực hiện trong năm 2021

Nội dung	Kế hoạch 2021 (VNĐ)	Thực hiện 2021 (VNĐ)	Thực hiện so với kế hoạch (%)
Doanh thu thuần	168.617.000.000	223.621.000.000	132
Lợi nhuận sau thuế	4.962.000.000	50.878.000.000	1025
Sản lượng (triệu kWh)	125,675	161,867	129

b. Trang trại điện mặt trời GELEX Ninh Thuận:

Kế hoạch và thực hiện trong năm 2021

Nội dung	Kế hoạch 2021 (VNĐ)	Thực hiện 2021 (VNĐ)	Thực hiện so với kế hoạch (%)
Doanh thu thuần	139.443.000.000	161.318.000.000	116
Lợi nhuận sau thuế	(1.317.000.000)	15.209.000.000	
Sản lượng (triệu kWh)	64,449	74,512	116

c. Cụm nhà máy điện gió GELEX 1, 2, 3:

Kế hoạch và thực hiện trong năm 2021

Nội dung	Kế hoạch 2021 (VNĐ)	Thực hiện 2021 (VNĐ)	Thực hiện so với kế hoạch (%)
Doanh thu thuần	70.323.000.000	58.041.000.000	82
Lợi nhuận sau thuế	1.964.000.000	(10.387.000.000)	
Sản lượng (triệu kWh)	35,880	30,350	84

d. Dự án điện mặt trời trên mái nhà tại các Khu công nghiệp:

Kế hoạch và thực hiện trong năm 2021

Nội dung	Kế hoạch 2021 (VNĐ)	Thực hiện 2021 (VNĐ)	Thực hiện so với kế hoạch (%)
Doanh thu thuần	48.001.000.000	44.289.000.000	92
Lợi nhuận sau thuế	6.196.000.000	2.742.000.000	67
Sản lượng (triệu kWh)	24,753	22,853	92

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

2. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1 Đầu tư tài chính

So với năm 2020, tổng tài sản riêng của GELEX Electric tăng trưởng 28,55% và tổng tài sản hợp nhất tăng 60%. Sự tăng trưởng của tài sản này một phần đến từ kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty lên 3 nghìn tỷ đồng, đồng thời sử dụng dòng vốn huy động được tích cực và hiệu quả cho các chiến lược M&A. Trong đó, đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trên BCTC riêng của GELEX Electric tăng từ 3.008 tỷ VNĐ lên tới 7.143 tỷ VNĐ (năm 2021 tăng 137,5% so với năm 2020). Cụ thể, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết lớn của Electric trong năm bao gồm:

- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX với số tiền là 1.771 tỷ VNĐ thông qua hình thức góp vốn bằng toàn bộ 87.100.000 cổ phần tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP mà Công ty đang sở hữu và bằng tiền mặt.
- Nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị với số tiền là 1.270 tỷ VNĐ, là đơn vị sở hữu Nhà Máy Điện Gió GELEX 1, 2, 3 (90 MW)
- Nhận chuyển nhượng Công ty TNHH Phát điện GELEX với số tiền là 886 tỷ VNĐ, là đơn vị sở hữu Trang Trại Điện Mặt Trời Ninh Thuận (50MW); Thủy Điện Sông Bung 4A (45MW)
- Góp vốn thêm vào Công ty Dây đồng Việt Nam CFT với số tiền là 190 tỷ VNĐ.
- Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam từ 95,82% lên 96,35% với số tiền 20,7 tỷ VNĐ.

So với năm 2020, tổng tài sản riêng của GELEX Electric tăng trưởng 28,55% và tổng tài sản hợp nhất tăng 60%.

2.2 Đầu tư xây dựng

Đối với mảng sản xuất thiết bị điện, do ảnh hưởng của dịch bệnh, hoạt động đầu tư chủ yếu là tập trung đầu tư chiều sâu về giải pháp công nghệ bổ sung thiết bị tại các nhà máy sản xuất, đồng thời đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu giải pháp công nghệ/kỹ thuật, đào tạo và kiểm soát chất lượng để phát triển các sản phẩm mới, tiết giảm chi phí... nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm/doanh nghiệp.

Mặt khác, tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI) và Công ty dây đồng Việt Nam CFT đang trong quá trình đầu tư xây dựng nhà máy mới để thực hiện dự án di dời di dời nhà máy về Khu công nghiệp Long Đức trong năm 2022.

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm 2021/2020
Tổng tài sản	14.398.382	23.123.789	60,60
Doanh thu thuần	16.072.702	18.714.206	16,43
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	811.360	760.768	-6,24
Lợi nhuận khác	32.252	57.237	77,47
Lợi nhuận trước thuế	843.612	818.006	-3,04
Lợi nhuận sau thuế	655.631	654.789	-0,13

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu GELEX Electric	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.06	1.14
Hệ số thanh toán nhanh	0.71	0.52
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	0.84	0.91
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2.95	3.56
3. Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	5	3
Vòng quay tổng tài sản (DTT/Tổng tài sản bình quân)	1	1
4. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	4%	3%
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	18%	14%
Hệ số LNST/Tổng tài sản	5%	3%
Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5%	4%

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

4.1 Cổ phần:

- Vốn điều lệ: 3.000.000.000.000 VNĐ
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 300.000.000 cổ phần
- Khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 275.995.600 cổ phần
- Khối lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 24.004.400 cổ phần
- Mệnh giá 1 cổ phiếu: 10.000 VNĐ/cổ phần

4.2 Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2021

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài			
1.1	Trong nước	105	300.000.000	100%
1.2	Nhà nước			
	Tổ chức	04	273.995.600	91,3%
1.3	Cá nhân	101	26.004.400	8,7%
2	Nước ngoài	0	0	0%
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0%
2.2	Cá nhân	0	0	0%
	Tổng cộng	105	300.000.000	100%
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác			
1	Cổ đông lớn	2	256.495.600	85,5%
2	Cổ đông khác	103	43.504.400	14,5%
	Tổng cộng	105	300.000.000	100%



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

4.3 Quá trình tăng vốn của GELEX Electric:

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước phát hành (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Số vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	Tháng 8/2016	0	368.000	368.000	Góp vốn thành lập	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0107547109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29/08/2016. Nghị quyết HĐQT của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam số 28/NQ-HĐQT ngày 16/8/2016
2	Tháng 8/2018	368.000	2.218.700	1.850.700	Chủ sở hữu góp tăng vốn điều lệ	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107547109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 2 ngày 01/08/2018. Nghị quyết HĐQT số 05/2018/GE/NQ-HĐTV ngày 23/05/2018 Công văn số 3672/UBCK-PTTT ngày 11/06/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Công văn số 10683/VSD-ĐK, 10684/VSD-ĐK và 10686/VSD-ĐK ngày 13/07/2018 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
3	Tháng 8/2021	2.218.700	3.000.000	781.300	Phát hành cho cổ đông chiến lược và cổ đông đại chúng	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/2021/GE/NQ-ĐHĐCĐ của GELEX Electric ngày 14/08/2021 về phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Nghị quyết HĐQT số 49/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 16/08/2021 của GELEX Electric thông qua kế hoạch triển khai phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Nghị quyết HĐQT số 50/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 20/08/2021 của GELEX Electric thông qua phương án phân phối số cổ phiếu lẻ và cổ phần còn dư do cổ đông hiện hữu không mua hết. Nghị quyết HĐQT số 51/2021/GE-NQ HĐQT ngày 24/08/2021 của GELEX Electric thông qua phương án phân phối tiếp số 36.000.000 cổ phần do cổ đông hiện hữu không mua hết cho các nhà đầu tư không phải là nhà đầu tư chiến lược. Nghị quyết HĐQT số 55/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 31/8/2021 thông qua kết quả chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ theo Phương án chào bán được thông qua tại NQ ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 số 05/2021/GE/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/08/2021. Nghị quyết HĐQT số 50-1/2021 ngày 23/08/2021 thông qua phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2021/GE/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/7/2021 thông qua phương án nhận chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp theo kế hoạch tái cấu trúc-sắp xếp lại sở hữu vốn trong mảng sản xuất điện giữa các công ty trong cùng Tập Đoàn. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 22/09/2021

CHƯƠNG

04

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	64
Tình hình tài chính	65
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	66
Kế hoạch phát triển trong năm 2022 của Công ty.	66
Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	68
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	68



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2021 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2021	% TH / KH 2021	TH 2020	% TH 2021 / TH 2020
Doanh thu thuần hợp nhất	18.714.206	17.100.000	109,4%	16.072.702	116,4%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	818.006	820.000	99,8%	843.612	97%

Với mảng sản xuất thiết bị điện, các đơn vị thành viên trong khối phải đối mặt với sự sụt giảm nghiêm trọng của cầu thị trường do ảnh hưởng của dịch bệnh và khó khăn trong công tác cung ứng, logistics do giãn cách xã hội trên diện rộng kéo dài. Tuy nhiên, với việc bám sát diễn biến của thị trường và có các chính sách linh hoạt trong bán hàng, hỗ trợ hệ thống phân phối, đẩy nhanh tốc độ chuyển đổi số hỗ trợ cho hoạt động quản trị ra quyết định, tích cực thực hiện các biện pháp phòng chống dịch, Do vậy, có thể đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong khối đã giữ được sự ổn định, giữ vững độ phủ thị trường. Năm 2021, mảng thiết bị điện ghi nhận doanh thu là 18.587 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng trưởng 16% so với 2020. Tuy

nhiên, do ảnh hưởng của biến động tăng mạnh giá nguyên vật liệu, đồng thời với chính sách hỗ trợ, giữ vững thị trường, tốc độ tăng giá bán thấp hơn tốc độ tăng giá thành, đồng thời tăng chi phí cho phòng chống dịch bệnh nên lợi nhuận gộp, lợi nhuận trước thuế của các đơn vị ghi nhận giảm trong năm 2021, đặc biệt là Quý III/2021.

Về mảng nguồn phát điện được hợp nhất từ Quý IV/2021 đã đóng góp và giá trị sản lượng năm 2021 là 114.559.396 kwh tương đương 127,5 tỷ đồng doanh thu thuần.

Đơn vị: Triệu VNĐ

Lĩnh vực	2020		2021	
	Doanh thu thuần	Tỷ trọng (%)	Doanh thu thuần	Tỷ trọng (%)
Nhóm thiết bị điện	16.072.702	100	18.586.698	99,3
Nhóm phát điện	0	0	127.508	0,7
Tổng doanh thu thuần	16.072.702	100	18.714.206	100

Đơn vị: Triệu VNĐ

Lĩnh vực	2020		2021	
	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng (%)
Nhóm thiết bị điện	1.954.970	100	1.757.231	96
Nhóm phát điện	0	0	72.891	4
Tổng doanh thu thuần	1.954.970	100	1.830.122	100

Với các chỉ tiêu đạt được so với Kế hoạch được ĐHCĐ thường niên năm 2021 giao nêu trên. Đánh giá chung, GELEX Electric năm 2021 hoàn thành và hoàn thành vượt các mục tiêu doanh thu và chạm mốc lợi nhuận kế hoạch.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1 Tình hình tài sản

So với năm 2020, tổng tài sản riêng của GELEX Electric tăng trưởng 28,55% và tổng tài sản hợp nhất tăng 60%. Sự tăng trưởng của tài sản này một phần đến từ kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty lên 3 nghìn tỷ đồng, đồng thời sử dụng dòng vốn huy động được tích cực và hiệu quả cho các chiến lược M&A.

Với việc hợp nhất thêm 2 công ty con là Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị và Công ty TNHH Phát điện GELEX là lý do chính làm gia tăng tổng tài sản hợp nhất của Công ty. Toàn bộ tài sản thuộc các dự án nguồn phát điện: Dự án thủy điện Sông Bung 4A, Dự án điện mặt trời tại Ninh Thuận, Dự án nhà máy điện gió GELEX 1, 2, 3.

Nợ phải thu của Công ty mẹ năm 2021 ở mức 9,4% so với tổng tài sản: toàn bộ các khoản công nợ phải

thu của Công ty mẹ đều mở sổ chi tiết theo dõi nợ phải thu của từng khách hàng, thường xuyên đối chiếu thu hồi nợ phải thu, tổ chức kiểm kê đối chiếu vào giữa năm và cuối năm tài chính để đánh giá hiệu quả quản trị các khoản phải thu. Nợ phải thu theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 ở mức 15,3% so với tổng tài sản hợp nhất. Với các chính sách quản lý và thu hồi công nợ hiệu quả, các khoản nợ phải thu tồn đọng đều đã được trích lập dự phòng đầy đủ và giá trị các khoản nợ khó đòi mới chỉ chiếm tỷ 0,26% so với doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Đặc biệt, phần lớn các khoản nợ khó đòi đều phát sinh trong giai đoạn hoạt động sau cổ phần hóa trước đây.

2.2 Tình hình nợ phải trả

Đến ngày 31/12/2021, tổng dư nợ vay hợp nhất là 11.484 tỷ VNĐ, tổng dư nợ vay của Công ty mẹ là 3.151 tỷ VNĐ. Toàn bộ các khoản nợ phải trả theo

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

từng đối tượng chi tiết gồm: Các khoản vay ngắn hạn, vay dài hạn, phải trả nhà cung cấp, người mua trả tiền trước và các khoản phải trả khác được Công ty mở sổ sách kế toán theo dõi đầy đủ. Những khoản nợ phải trả thường xuyên được đối chiếu, xác nhận và không có thắc mắc nào phát sinh từ phía các khách nợ phải trả với Công ty.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

3.1 Cải tiến về cơ cấu tổ chức

- Khi mới thành lập, tổ chức điều hành của công ty mẹ chủ yếu chỉ lập Ban Tài chính - Kế toán để theo dõi hoạt động của các Công ty thành viên. Đến nay, theo quyết định của Hội đồng quản trị công ty, ngoài Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và Ban Thư ký trực thuộc HĐQT, trong năm 2021 tại Công ty mẹ đã kiện toàn bộ máy, bổ sung 4 Ban chuyên môn thuộc Ban Tổng giám đốc, gồm Ban Tổng hợp, Ban Tài chính kế toán, Ban kinh doanh, Ban Kế hoạch kỹ thuật. Với cơ cấu tổ chức này, việc điều hành, chỉ đạo định hướng trong hệ thống Công ty và giám sát các hoạt động của các Công ty con ngày càng sát sao, hiệu quả và thực chất.
- Cuối năm 2021, Công ty đã bổ sung các nhân sự thực hiện các chức năng nhiệm vụ về công nghệ thông tin trên cơ sở chuyển toàn bộ nhiệm vụ và nhân sự mảng điều hành công nghệ thông tin và hệ thống quản lý ERP từ tập đoàn GELEX về GELEX Electric nhằm nâng cao tính thống nhất trong quy trình quản lý điều hành và nâng cao tự động hóa trong hệ thống của GELEX Electric.

- Trong năm 2022, dự kiến Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự và các chức năng của các phòng ban tham mưu nhằm nâng cao hiệu quả điều hành của hệ thống.

3.2 Về chính sách và quản lý.

GELEX Electric giữ vai trò là kiểm soát các chính sách và giám sát các quyết định của các Công ty con, Công ty thành viên. Tuy nhiên Công ty holding không can thiệp vào việc điều hành các hoạt động của các Công ty thành viên. Trong năm 2021, Ban Lãnh đạo Công ty đã chú trọng chỉ đạo việc xây dựng hệ thống chính sách quản lý nhằm quản lý doanh nghiệp hiệu quả và thống nhất trong hệ thống.

Các bộ văn bản chính sách do Đại hội đồng cổ đông thông qua tháng 6 năm 2021 gồm Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Hiện nay, Công ty đã xây dựng và ban hành bộ quy chế chính sách do Hội đồng quản trị ban hành, gồm: Hệ thống phân cấp thẩm quyền phán quyết, Quy chế Người đại diện của Công ty tại các doanh nghiệp, Quy chế quản lý Tài chính,...

Ngoài ra, để phục vụ công tác điều hành và giám sát thường xuyên, Công ty đã và đang ban hành bộ biểu mẫu báo cáo quản trị hệ thống cho các khối thiết bị điện và khối phát điện.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2022 CỦA CÔNG TY.

4.1 Tại Công ty mẹ GELEX Electric.

- Hoàn thành nhận chuyển nhượng 51% cổ phần



của Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh(MEE) từ THIBIDI, để MEE trở thành Con của GELEX Electric, nhằm tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh sản phẩm chính là máy biến áp 110 kV, đồng thời xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất máy biến áp 220 kV.

- Chuyển nhượng phần vốn góp của công ty tại Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX, nhằm tập trung năng lực tài chính và quản trị cho mảng thiết bị điện và phát điện.
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các biện pháp công nghệ và kinh doanh, hỗ trợ tìm kiếm mở rộng thị trường kinh doanh sản phẩm thiết bị điện trong nước và nước ngoài.

4.2 Tại khối sản xuất thiết bị điện

- Tiếp tục hoàn thành phát triển sản phẩm mới bao gồm: sản xuất tủ trung thế, công tơ điện tử trả trước tại Công ty EMIC; Máy biến áp 220 kV tại Công ty MEE,
- Hoàn thành việc nâng cấp dây chuyền CCV-line cấp ngầm trung thế tại CADIVI.
- Thực hiện hoàn thiện các sản phẩm theo hướng

nâng cao năng lực sản xuất máy biến áp THIBIDI

- Tiếp tục hoàn thiện vận hành chuẩn hệ thống ERP tại GELEX Electric và các Công ty THIBIDI, EMIC, CADIVI, MEE; đồng thời triển khai hệ thống ERP tại các Công ty thành viên khác: HEM, CFT.
- Tiếp tục nâng cấp hệ thống máy chủ CNTT tại GELEX, GELEX Electric và đảm bảo an toàn thông tin trong điều hành sản xuất của các Đơn vị thành viên.

4.3 Tại Khối phát điện

- Khai thác vận hành đảm bảo an toàn tin cậy và nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả phát điện của các dự án điện gió, điện mặt trời hiện có tại các Công ty Phát điện GELEX, GELEX 1,2,3 Quảng Trị. Trong đó kết hợp giữa giải pháp tối ưu hóa công tác bảo dưỡng thiết bị với bổ sung các thiết bị công nghệ giám sát, dự báo chính xác các tình huống vận hành nhằm nâng cao sản lượng phát điện.
- Nghiên cứu các dự án đầu tư về điện mặt trời mới, tìm kiếm cơ hội đầu tư; Nghiên cứu thí điểm dự án pin tích trữ năng lượng.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán với Báo cáo tài chính năm 2021 của GELEX Electric là ý kiến chấp thuận toàn phần.

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

6.1 Liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

Với nguyên tắc phát triển gắn với môi trường, mục tiêu phát triển bền vững của GELEX là duy trì sự hài hòa lợi ích giữa Doanh nghiệp và Khách hàng, với

Cổ đông và các đối tác; tạo ra môi trường làm việc thân thiện, văn minh đối với người lao động; mang lại những giá trị có ý nghĩa cho cộng đồng; đồng thời khẳng định sự uy tín và thiện chí của doanh nghiệp trong việc cam kết bảo vệ môi trường nói chung. Vì vậy việc phát triển sản xuất tại 2 khối sản xuất thiết bị điện và phát điện đều đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Đối với khối sản xuất thiết bị điện, đây là lĩnh vực truyền thống của Công ty, các chỉ tiêu môi trường đều được tôn trọng từ khâu nhập vật tư đầu vào, đầu tư thiết bị dây chuyền sản xuất đảm bảo tiên tiến kỹ thuật cao đến quá trình sản xuất và môi trường sản xuất đều tuân thủ cao việc đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật về môi trường.

Đối với khối phát điện, đây là lĩnh vực đầu tư mới. Công ty hiện nay chỉ tập trung phát triển mảng năng lượng tái tạo và thủy điện; vì vậy, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật về môi trường là ưu tiên hàng đầu của Công ty.

6.2 Liên quan đến người lao động.

Môi trường cho người lao động và chất lượng lao động luôn là ưu tiên hàng đầu của GELEX Electric và các Công ty thành viên để đảm bảo chất lượng sản phẩm sản xuất. Các Công ty thành viên thường xuyên tổ chức huấn luyện an toàn, quy trình sản xuất lao động cho người lao động trực tiếp sản xuất, đảm bảo chính sách trang bị bảo hộ lao động, đào tạo sử dụng thiết bị mới cho công nhân trực tiếp sản xuất.

Công tác tuyển dụng cũng được chú trọng, nâng cao chất lượng.

Chính sách đối với người lao động luôn tuân thủ theo Bộ luật lao động, kể cả khâu đảm bảo môi trường lao động công nghiệp, sạch đẹp, ngăn nắp, văn minh.

6.3 Liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Với vai trò là một doanh nghiệp không chỉ phát triển kinh tế, mà còn quan tâm đến sự phát triển cộng đồng, thực hiện trách nhiệm với xã hội. GELEX Electric và các Công ty thành viên luôn hướng đến các hoạt động trách nhiệm xã hội thiết thực, tạo giá trị cho cộng đồng như hỗ trợ xóa đói giảm nghèo, tài trợ thư viện, trang thiết bị cho các trường học vùng sâu vùng xa, chung tay phòng chống đại dịch Covid-19, hỗ trợ phúc lợi CBNV trong thời kì bị ảnh hưởng do dịch Covid-19... với mong muốn góp phần làm cho xã hội tốt đẹp hơn.

Công ty luôn coi trọng đảm bảo môi trường tại cộng đồng, cùng gánh vác với cộng đồng địa phương về cải tạo môi trường sống.

CHƯƠNG

05

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá ngắn gọn về tình hình hoạt động của GELEX Electric trong năm 2021	72
Hoạt động của HĐQT	73
Đánh giá của HĐQT về Ban Giám đốc công ty	77
Kế hoạch và định hướng của HĐQT	77



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. ĐÁNH GIÁ NGẮN GỌN VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA GELEX ELECTRIC TRONG NĂM 2021

Năm 2021, đại dịch Covid-19 tiếp tục bùng phát phức tạp gây ảnh hưởng sâu rộng đến nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, cùng với chỉ thị cách ly toàn xã hội trên diện rộng của nhiều địa phương trong cả nước đã khiến cho Công ty và các đơn vị thành viên phải đối mặt với sự sụt giảm mạnh về nhu cầu thị trường, sự biến động tăng giá liên tục của nguyên vật liệu chính, và tình hình cạnh tranh gay gắt, v.v.

Do vậy, năm 2021, Công ty chủ trương điều hành các đơn vị thành viên tập trung trọng tâm vào sản xuất kinh doanh an toàn, đồng thời, tiếp tục phấn đấu mục tiêu hoàn thành cao nhất chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao. Bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện tái cấu trúc, tinh gọn bộ máy, tiết giảm chi phí và tối ưu hóa nguồn lực tại các đơn vị thành viên. Kết quả, năm 2021, Công ty ghi nhận 18.714 tỷ đồng doanh thu thuần hợp nhất, 818 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế hợp nhất. Trong đó, doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của mảng

thiết bị điện là 18.587 tỷ đồng và 1.757 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt là 15,6 % và -10,1% so với 2020. Về kết quả kinh doanh riêng, Công ty ghi nhận 2.879 tỷ đồng doanh thu thuần, 376 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng trưởng lần lượt là 2% và 97% so với 2020.

2. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

2.1 Tổng kết hoạt động của HĐQT

HĐQT Công ty nhiệm kỳ I (2020-2025) với số thành viên là 5 thành viên, từng thành viên HĐQT được giao các nhiệm vụ cụ thể trong từng lĩnh vực. Các thành viên bám sát nhiệm vụ cụ thể, thường xuyên trao đổi và hỗ trợ Ban điều hành trong các hoạt động kinh doanh.

2021 là một năm hoạt động tích cực của HĐQT trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra vô cùng phức tạp. HĐQT đã tổ chức thành công năm lần Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), bao gồm kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên vào tháng 6/2021, và các lần ĐHĐCĐ bất thường vào tháng 7,8,9,11/2021. Các lần tổ chức ĐHĐCĐ này đã thông qua nhiều nội dung chiến lược quan trọng.

HĐQT đã chỉ đạo, giám sát các mặt hoạt động của Công ty đúng trình tự quy định như: điều hành hoạt động SXKD, huy động nguồn vốn, tăng cường quản lý tài chính, khoản đầu tư, chi trả cổ tức, ... đảm bảo lợi ích của Công ty, của cổ đông cũng như quyền lợi của người lao động.

Kết quả cụ thể các mảng hoạt động như sau:

a. Công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD):

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD riêng và hợp nhất đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, HĐQT Công ty đã chủ động trong

công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ban điều hành và Người đại diện phần vốn của Công ty tại các đơn vị thành viên, với những biện pháp cụ thể như:

- o Thực hiện đúng vai trò của holdings là đầu mối tập trung sức mạnh của các đơn vị thành viên; chỉ đạo các đơn vị thành viên hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động SXKD.
- o Kiên trì bám sát mục tiêu doanh thu, mục tiêu lợi nhuận để có những biện pháp chỉ đạo điều hành chủ động, linh hoạt.
- o Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động trọng yếu trong toàn hệ thống.

b. Công tác tái cơ cấu khoản đầu tư của Công ty:

Trong năm 2021, theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn, Công ty đã thực hiện cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư tại một số đơn vị, định hình chiến lược phát triển trong thời gian tới. Cụ thể:



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- o Góp vốn vào CT CP Hạ tầng GELEX bằng toàn bộ cổ phần sở hữu tại TCT VGC sở hữu tại Tổng công ty Viglacera – CTCP cho Công ty CP Hạ tầng GELEX (Hạ tầng GELEX) – Công ty đứng đầu mảng Hạ tầng trong hệ thống của Tập đoàn.
- o Nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp của Hạ tầng GELEX tại Công ty TNHH Phát điện GELEX (trước đây là Công ty TNHH MTV GELEX Land) để sở hữu Công ty CP Phú Thạnh Mỹ, Công ty TNHH MTV GELEX Ninh Thuận, Công ty CP GELEX Quảng Trị, 3 công ty điện máy với tổng công suất phát điện khoảng 210MW.
- o Tiếp tục tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty con, cụ thể tăng tỷ lệ sở hữu tại CADIVI từ 95,82% lên 96,35%, với số tiền là 20,7 tỷ đồng.

c. Công tác tài chính của Công ty:

Liên quan đến hoạt động vốn, năm 2021, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng, đồng thời, thu hút một số cổ đông chiến lược gắn bó lợi ích lâu dài với công ty và hỗ trợ công ty trong các mặt về quản trị, nhân lực, thị trường,

Về hoạt động huy động vốn, HĐQT đã kịp thời xem xét và thông qua các phương án vay vốn và phê duyệt việc vay vốn lưu động/hạn mức tín dụng ngắn hạn phục vụ SXKD; huy động vốn vay dài hạn cũng như các phương án cầm cố/thế chấp kèm theo;

Năm 2021, căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và trên cơ sở Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2021, HĐQT Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức với tỷ lệ là 4%. Chi trả cổ tức tạm ứng từ lợi nhuận 2021 với tỷ lệ là 4% trong tháng 7/2021.

Năm 2021, HĐQT cũng đã phê duyệt lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2021 trên cơ sở danh sách đơn vị kiểm toán độc lập đã được ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2021 thông qua.

d. Phê duyệt giao dịch với bên có liên quan

Năm 2021, HĐQT đã phê chuẩn việc ký kết và thực hiện các hợp đồng mua bán vật tư, hợp đồng vay/cho vay, giao dịch đảm bảo với các bên liên quan của Công ty, chủ yếu các công ty thành viên trong Tập đoàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Công ty. Các điều khoản hợp đồng trên cơ sở công bằng, cạnh tranh và nghị quyết thông qua tuân thủ nguyên tắc minh bạch. Chi tiết các giao dịch được trình bày tại Báo cáo tài chính, Báo cáo tình hình quản trị Công ty.

e. Công tác tổ chức bộ máy, nhân sự:

Năm 2021, cùng với việc tham gia của cổ đông chiến lược trong cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty, HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025 cũng đã có sự thay đổi về nhân sự. Cụ thể, ĐHĐCĐ Công ty đã chấp thuận việc từ nhiệm vị trí thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025 của các ông Nguyễn Quốc Vinh và Nguyễn Trần Đăng Phước, bầu bổ sung thêm hai thành viên HĐQT là ông Đặng Phan Tường và ông Đỗ Duy Hưng.

Trên cơ sở mở rộng phạm vi hoạt động thêm mảng nguồn phát điện và chuẩn bị nguồn lực nhân sự cho nhu cầu phát triển, HĐQT đã ban hành các quyết định liên quan tới việc kiện toàn sơ đồ tổ chức, bổ sung một Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm Kế toán trưởng mới, Người quản trị công ty, điều chỉnh cấu trúc phòng/ban (thành lập mới Ban thư ký HĐQT và các chuyên môn gồm Ban Tổng hợp, Ban Kế hoạch kỹ thuật, Ban Kinh doanh), bổ sung các chức năng và nhân sự các ban phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong thời kỳ mới, đồng thời, chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, ban hành mới các văn bản quản trị Công ty.

Đối với các Công ty thành viên, HĐQT rà soát, điều chỉnh mô hình tổ chức phần lớn các công ty mảng nguồn phát từ công ty cổ phần sang công ty TNHH MTV (các công ty dự án điện mái, điện gió). Đồng thời, tiếp tục rà soát và ban hành quyết định chấm dứt, cử, và thay thế đại diện phần vốn của Công ty tham gia HĐQT, HĐQT, Chủ tịch Công ty và các vị trí quản lý khác tại công ty thành viên.

2.2 Tổng kết các cuộc họp và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT:

HĐQT duy trì các cuộc họp định kỳ hàng quý theo nguyên tắc ít nhất mỗi quý họp một lần đồng thời tổ chức các cuộc họp HĐQT về sản

Năm 2021, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng, đồng thời, thu hút một số cổ đông chiến lược gắn bó lợi ích lâu dài với công ty và hỗ trợ công ty trong các mặt về quản trị, nhân lực, thị trường,

xuất kinh doanh, các cuộc họp theo chuyên đề hàng tháng với Ban điều hành Công ty, người đại diện vốn tại các công ty thành viên để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, theo sát các diễn biến thị trường, kinh tế - chính trị - xã hội, để có các quyết định kịp thời, linh hoạt, chỉ đạo người đại diện vốn trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty và các công ty thành viên.

HĐQT cũng thực hiện các lần ý kiến bằng văn bản nhằm thông qua kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo đúng quy định của Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty, và các quy định của pháp luật có liên quan.

Trong năm 2021, HĐQT đã tiến

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



hành 21 phiên họp trực tiếp, 4 phiên họp HĐQT chuyên trách, 32 lần lấy ý kiến bằng văn bản, theo đó ban hành các Nghị quyết và Quyết định theo đúng thẩm quyền được qui định tại Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Công ty.

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều được thông qua với sự nhất trí 100% của các thành viên dự họp và được ban hành một cách hợp lệ, kịp thời đúng với thẩm quyền, đảm bảo công khai, minh bạch trong quản trị và điều hành.

HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2.3 Công tác giám sát của HĐQT.

Với vai trò là cơ quan đại diện cao nhất của Công ty, trong năm 2021, HĐQT Công ty luôn chủ động hỗ trợ và chỉ đạo sâu sát ban điều hành triển khai nhiệm vụ, đồng thời với hoạt động kiểm tra, giám sát theo qui định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT đã ban hành; kiểm tra các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và những người điều hành khác.
- Phối hợp với Ban kiểm soát Công ty kiểm tra nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát tham gia họp HĐQT, cùng trao đổi các vấn đề của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin đảm bảo tính minh bạch trong quản trị và tuân thủ quy định pháp luật.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2021.
- Giám sát Tổng giám đốc thông qua các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác, trao đổi thẳng thắn với Ban Tổng giám đốc, những việc đã đạt được và chưa được theo mục tiêu, kế hoạch kinh doanh.
- Yêu cầu Người đại diện quản lý phần vốn của Công ty phải báo cáo thường xuyên kết quả sản xuất kinh doanh, những khó khăn, tồn tại ở các đơn vị có vốn góp của Công ty để đưa ra công tác chỉ đạo kịp thời.

3. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

3.1 Điều hành sản xuất kinh doanh

Trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo, bám sát các mục tiêu chiến lược, nghị quyết của Hội đồng quản trị và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra; cơ bản hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ do Hội đồng quản trị đề ra. Đã phân công cụ thể, đề cao tính tự chủ và phát huy thể mạnh của thành viên Ban Tổng Giám đốc, nâng cao trách nhiệm cá nhân đối với lĩnh vực được phân công, chấp hành các chế độ chính sách pháp luật.

3.2 Phối hợp hoạt động

Giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong mọi hoạt động của Công ty. Định kỳ hàng 2 tuần, hàng tháng, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cùng họp trao đổi và kiểm điểm các công việc đã thực hiện và sẽ triển khai trong thời gian tiếp theo.

4. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

4.1 Định hướng phát triển của Công ty

Để phát triển bền vững, HĐQT Công ty xác định định hướng phát triển chung của Công ty như sau:

- Duy trì và đầu tư phát triển các thương hiệu đã có bề dày lịch sử: CADIVI, THIBIDI, EMIC, HEM, MEE, ...
- Tập trung sản xuất các sản phẩm truyền thống kết hợp với phát triển những sản phẩm mới.
- Đẩy mạnh hoạt động đầu tư, phát triển lĩnh vực phát điện, tập trung vào phát triển các năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4.2 Chiến lược phát triển của Công ty năm 2022

Với vai trò là công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty holdings, là đầu mối tập trung sức mạnh trong quản trị cũng như định hướng, hỗ trợ các đơn vị trong hệ thống Electric về chiến lược sản xuất kinh doanh, đầu tư, và quản trị,... nhằm tạo điều kiện tốt nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị. Công ty thực hiện các nhiệm vụ chính như sau:

- Xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược phát triển chung toàn hệ thống GELEX Electric.
- Đổi mới công tác xây dựng, đồng thời kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch năm về SXKD, đầu tư và tài chính tại Công ty và các công ty thành viên.
- Xây dựng và thực hiện chiến lược marketing, kinh doanh của các đơn vị sản xuất kinh doanh trong bối cảnh “bình thường mới”. Xúc tiến, từng bước đẩy mạnh công tác xuất khẩu và hợp tác quốc tế.
- Đẩy mạnh công tác quản lý, quản trị chung toàn hệ thống GELEX Electric.
- Tập trung xây dựng nguồn lực con người: đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo nhân sự; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tại Công ty và các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của hệ thống Electric.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, phát triển sản phẩm mới hàm lượng công nghệ cao; tăng cường nhận chuyển giao công nghệ từ các đối tác hàng đầu trong ngành trên thế giới;
- Huy động và sử dụng các nguồn vốn, nguồn lực tài chính phục vụ các hoạt động SXKD, thực hiện các mục tiêu đầu tư chiến lược hiệu quả, tận dụng lợi thế cộng hưởng của Tập đoàn.

- Xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp toàn hệ thống GELEX Electric.

4.3 Công tác tổ chức hoạt động của HĐQT

Cùng với việc mở rộng lĩnh vực kinh doanh theo định hướng phát triển của Công ty và các chiến lược đã đặt ra, HĐQT sẽ tiếp tục hoạt động trên tinh thần hiệu quả và minh bạch. Do đó, HĐQT xác định:

- Củng cố, nâng cao năng lực quản trị, phát huy tối đa kỹ năng, kinh nghiệm, chuyên môn của thành viên HĐQT trong công tác quản lý.
- HĐQT chủ trì trong việc xây dựng chiến lược Công ty, sát sao, hỗ trợ Ban điều hành trong việc hoạch định các chiến lược sản xuất, kinh doanh, đầu tư và giám sát việc thực hiện các chiến lược này một cách có hiệu quả.
- Xây dựng văn hóa làm việc của HĐQT vững mạnh.
- Đảm bảo việc công bố thông tin theo quy định pháp luật.



CHƯƠNG

06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của ĐHĐCĐ	82
Hội đồng quản trị	84
Ban kiểm soát	100
Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, ban Giám đốc và ban Kiểm soát	101



QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐHĐCĐ

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	02/2021/GE/NQ-ĐHĐCĐ (ĐHĐCĐ thường niên)	21/06/2021	<p>Thông qua các nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch năm 2021; ○ Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch 2021; ○ Báo cáo tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021; ○ Chấp thuận cho cổ đông Tổng công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam (GELEX) được phép tự do chuyển nhượng số cổ phần do GELEX nắm giữ cho bất kỳ tổ chức/cá nhân không phải là cổ đông sáng lập trong trường hợp GELEX phải xử lý cổ phần để thanh toán cho các nghĩa vụ được bảo đảm phát sinh liên quan hoặc trường hợp khác mà GELEX bán cổ phần. ○ Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2020 (bao gồm BCTC riêng năm 2020 và BCTC hợp nhất năm 2020) đã được kiểm toán. ○ Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX; ○ Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận hợp nhất năm 2021 theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và chính sách chi trả cổ tức năm 2021; ○ Phê chuẩn ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021; ○ Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; ○ Quy chế nội bộ về quản trị công ty; ○ Quy chế hoạt động của HĐQT; ○ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát; ○ Phê chuẩn chủ thể ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của Công ty với các bên có liên quan năm 2021;
2	03/2021/GE/NQ-ĐHĐCĐ	30/07/2021	Thông qua phương án nhận chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp theo kế hoạch tái cấu trúc - sắp xếp lại sở hữu vốn trong mảng sản xuất điện giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.
3	04/2021/GE/NQ-ĐHĐCĐ	30/07/2021	Thông qua phương án góp vốn vào GELEX Hạ tầng theo kế hoạch tái cấu trúc, sắp xếp lại sở hữu vốn mảng bất động sản khu công nghiệp giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.
4	05/2021/GE/NQ-ĐHĐCĐ	14/8/2021	Thông qua Phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu
5	06/2021/GE/NQ-ĐHĐCĐ	09/09/2021	<p>Thông qua các nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025; ○ Bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025.
6	07/2021/GE/NQ-ĐHĐCĐ	12/11/2021	<p>Thông qua các nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Bổ sung ngành, nghề kinh doanh của công ty; ○ Sửa đổi Điều lệ công ty; - Miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025 đối với 03 thành viên; ○ Bầu bổ sung 03 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025; ○ Thông qua phương án chi trả thù lao của Ban Kiểm soát công ty năm 2021.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.1 THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HĐQT

STT	Thành viên HĐQT/	Chức vụ/ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	02/01/2020	
2	Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên HĐQT chuyên trách	02/01/2020	
3	Ông Lê Quang Định	Thành viên HĐQT	02/01/2020	
4	Ông Đặng Phan Tường	Thành viên HĐQT chuyên trách	09/09/2021	
5	Ông Đỗ Duy Hưng	Thành viên HĐQT chuyên trách	09/09/2021	
6	Ông Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên HĐQT	02/01/2020	09/09/2021
7	Ông Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên HĐQT	02/01/2020	09/09/2021



QUẢN TRỊ CÔNG TY

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.2 CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	28/2021/GE/NQ-HĐQT	28/01/2021	Thông qua mức thù lao của thành viên HĐQT và thành viên BKS CFT	100%
2	29/2021/GE/NQ-HĐQT	28/01/2021	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của CFT	100%
3	30/2021/GE/NQ-HĐQT	28/01/2021	Thông qua về chủ trương đầu tư chi phí riêng về đất cho dự án nhà máy CFT.	100%
4	31/2021/GE/NQ-HĐQT	18/12/2021	Thông qua Dự án cài đặt SAP – ERP cho GELEX Electric và EMIC	100%
5	32/2021/GE/NQ-HĐQT	05/03/2021	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Dây Đồng Việt Nam.	100%
6	33A/2021/GE/NQ-HĐQT	15/03/2021	Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 4 năm 2020	100%
7	33/2021/GE/NQ-HĐQT	27/03/2021	Phê duyệt Dự án đầu tư nhà máy sản xuất dây đồng – Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	100%
8	34/2021/GE/NQ-HĐQT	02/04/2021	Thông qua việc thế chấp tài sản của Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX để bảo đảm cho nghĩa vụ của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam trong giao dịch phát hành và chào bán trái phiếu riêng lẻ, không chuyển đổi.	100%
9	35/2021/GE/NQ-HĐQT	06/04/2021	Thông qua một số nội dung tại Văn bản xin ý kiến số 01/2021/CV-DDV ngày 01/04/2021 của Người đại diện tại HEM	100%
10	36/2021/GE/NQ-HĐQT	06/02/2021	Thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tại các công ty có vốn góp của Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	100%
11	37/2021/GE/NQ-HĐQT	11/05/2021	Thông qua phương án vay trung hạn năm 2021	100%
12	38/2021/GE/NQ-HĐQT	12/05/2021	Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 và việc sử dụng lợi nhuận của CFT	100%
13	39/2021/GE/NQ-HĐQT	12/05/2021	Phê duyệt chủ trương kế hoạch sản xuất sản phẩm cuối năm 2021 của CFT	100%

QUẢN TRỊ CÔNG TY

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.2 CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT (TIẾP THEO)

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
14	40/2021/GE/NQ-HĐQT	17/05/2021	Thông qua một số chỉ tiêu chính kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX và kế hoạch vay vốn lưu động tại Ngân hàng BIDV	100%
15	41/2021/GE/NQ-HĐQT	19/05/2021	Thông qua việc tăng vốn điều lệ, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Dây đồng Việt Nam	100%
16	42/2021/GE/NQ-HĐQT	02/06/2021	Về việc thông qua giao dịch với bên có liên quan năm 2021	100%
17	42A/2021/GE/NQ-HĐQT	17/06/2021	Thông qua kế hoạch, chương trình và tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty	100%
18	43/2021/GE/NQ-HĐQT	22/06/2021	Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2021	100%
19	44/2021/GE/NQ-HĐQT	22/06/2021	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm tài chính 2021	100%
20	45/2021/GE/NQ-HĐQT	26/06/2021	Cho ý kiến về nội dung trình tại Văn bản xin ý kiến số 02/2021/CV-DDV ngày 25/06/2021 của Người đại diện tại HEM	100%
22	45-1/2021/GE/NQ-HĐQT	13/07/2021	Nghị quyết phiên họp HĐQT ngày 13/07/2021	100%
23	46/2021/GE/NQ-HĐQT	19/07/2021	Thông qua triệu tập, kế hoạch, chương trình và tài liệu ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 của Công ty	100%
24	47/2021/GE/NQ-HĐQT	05/08/2021	Triển khai thực hiện phương án góp vốn vào GELEX Hạ tầng vào giao nhiệm vụ cho Tổng Giám đốc	100%
25	47A/2021/GE/NQ-HĐQT	09/08/2021	Thông qua phương án sử dụng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện phương án kinh doanh năm 2021 của Công ty	100%
26	48/2021/GE/NQ-HĐQT	10/08/2021	Thông qua kế hoạch, chương trình và tài liệu ĐHĐCĐ bất thường lần 3 năm 2021 của Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	100%

QUẢN TRỊ CÔNG TY

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.2 CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT (TIẾP THEO)

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
27	49/2021/GE/NQ-HĐQT	16/08/2021	Triển khai phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu	100%
28	50/2021/GE/NQ-HĐQT	20/08/2021	Phương án phân phối số cổ phần lẻ và cổ phần còn dư do cổ đông hiện hữu không mua hết	100%
29	50-1/2021/GE/NQ-HĐQT	23/08/2021	Phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ công ty	100%
30	51/2021/GE/NQ-HĐQT	24/08/2021	Phương án phân phối tiếp cổ phần do cổ đông hiện hữu không mua hết cho các nhà đầu tư không phải là nhà đầu tư chiến lược	100%
31	52/2021/GE/NQ-HĐQT	26/08/2021	Cầm cố bổ sung tài sản thuộc sở hữu của GELEX Electric bảo đảm nghĩa vụ Trái phiếu của GELEX	100%
32	53/2021/GE/NQ-HĐQT	26/08/2021	Ghi nhận số liệu BCTC riêng và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	100%
33	54/2021/GE/NQ-HĐQT	31/08/2021	Thông qua quy chế chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	100%
34	55/2021/GE/NQ-HĐQT	31/08/2021	Thông qua kết quả chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ theo Phương án chào bán được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 số 05/2021/GE/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/08/2021 của Công ty	100%
35	56/2021/GE/NQ-HĐQT	31/08/2021	Thông qua triệu tập, kế hoạch, chương trình và tài liệu ĐHĐCĐ bất thường 2021 của Công ty	100%
36	14/2021/GE/QĐ-HĐQT	31/08/2021	Ban hành Quy chế chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	100%
37	56A/2021/GE/NQ-HĐQT	08/09/2021	Thông qua danh sách ứng cử viên hợp lệ để bầu vào thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 và bổ sung tài liệu ĐHĐCĐ bất thường công ty năm 2021	100%
38	57/2021/GE/NQ-HĐQT	09/09/2021	Bổ nhiệm lại Thư ký HĐQT và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	100%

QUẢN TRỊ CÔNG TY

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.2 CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT (TIẾP THEO)

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
39	15/GE/2021/QĐ-HĐQT	09/09/2021	Bổ nhiệm lại Thư ký HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	100%
40	16/GE/2021/QĐ-HĐQT	09/09/2021	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	100%
41	58/2021/GE/NQ-HĐQT	24/09/2021	Cho ý kiến Người đại diện vốn về việc bố trí nhân sự tại Công ty cổ phần Thiết bị điện	100%
42	59/2021/GE/NQ-HĐQT	01/10/2021	Nghị quyết phiên họp HĐQT ngày 01/10/2021	100%
43	17/2021/GE/QĐ-HĐQT	01/10/2021	Triển khai phương án/giao dịch nhận chuyển nhượng vốn điều lệ tại Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land theo kế hoạch tái cấu trúc tập đoàn	100%
44	18/2021/GE/QĐ-HĐQT	01/10/2021	Thành lập Ban kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	100%
45	19/2021/GE/QĐ-HĐQT	01/10/2021	Thành lập Ban thư ký HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	100%
46	20/2021/GE/QĐ-HĐQT	01/10/2021	Quyết định mức lương của Tổng Giám đốc Công ty	100%
47	21/2021/GE/QĐ-HĐQT	01/10/2021	Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT chuyên trách	100%
48	22/2021/GE/QĐ-HĐQT	01/10/2021	Ban hành Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	100%
49	23/2021/GE/QĐ-HĐQT	01/10/2021	Quyết định mức lương thành viên HĐQT chuyên trách Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	100%
50	60/2021/GE/NQ-HĐQT	07/10/2021	Triển khai việc đăng ký công ty đại chúng và đăng ký giao dịch chứng khoán (Upcom)	100%
51	61/2021/GE/NQ-HĐQT	15/10/2021	Chỉ định người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty cổ phần Hạ tầng GELEX	100%

QUẢN TRỊ CÔNG TY

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.2 CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT (TIẾP THEO)

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
52	24/2021/GE/QĐ-HĐQT	15/10/2021	Cử người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Hạ Tầng GELEX	100%
53	62/2021/GE/NQ-HĐQT	22/10/2021	Cử người đại diện vốn của Công ty tại Công ty cổ phần Thiết bị điện	100%
54	63/2021/NQ-HĐQT	22/10/2021	Thay thế nhân sự Ban thư ký HĐQT Công ty	100%
55	64/2021/NQ-HĐQT	03/11/2021	Cho ý kiến Người đại diện vốn tại THIBIDI về phương án THIBIDI bán cổ phiếu quỹ	100%
56	65/2021/GE/NQ-HĐQT	04/11/2021	Cho ý kiến Người đại diện vốn về việc phê duyệt Dự án nâng cao năng lực sản xuất cấp trung thế tại CADIVI	100%
57	66/2021/GE/NQ-HĐQT	05/11/2021	Thông qua kế hoạch và tài liệu ĐHCĐ bất thường 2021 của Công ty	100%
58	67/2021/GE/NQ-HĐQT	11/11/2021	Cho ý kiến với Người đại diện về phương án nhân sự tại CADIVI và nội dung liên quan	100%
59	68/2021/GE/NQ-HĐQT	11/11/2021	Thông qua danh sách ứng cử viên hợp lệ để bầu vào Ban Kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 và bổ sung tài liệu ĐHCĐ bất thường Công ty năm 2021	100%
60	69/2021/GE/NQ-HĐQT	12/11/2021	Nghị quyết phiên họp HĐQT ngày 12/11/2021	100%
61	25/2021/GE/QĐ-HĐQT	12/11/2021	Ban hành Sơ đồ tổ chức công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	100%
62	26/2021/GE/QĐ-HĐQT	12/11/2021	Miễn nhiệm, bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty	100%
63	27/2021/GE/QĐ-HĐQT	12/11/2021	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	100%

QUẢN TRỊ CÔNG TY

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.2 CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT (TIẾP THEO)

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
64	28/2021/GE/QĐ-HĐQT	12/11/2021	Bãi bỏ Ban Kiểm toán nội bộ và miễn nhiệm các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	100%
65	29/2021/GE/QĐ-HĐQT	12/11/2021	Quyết định mức lương của Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX	100%
66	30/2021/GE/QĐ-HĐQT	30/11/2021	Cử người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam.	100%
67	31/2021/GE/QĐ-HĐQT	30/11/2021	Quyết định mức lương, cơ chế thu nhập của Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX	100%
68	32/2021/GE/QĐ-HĐQT	14/12/2021	Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty	100%
69	70/2021/GE/NQ-HĐQT	03/12/2021	Danh mục công việc quan trọng cần tập trung triển khai thực hiện trong năm 2022	100%
70	71/2021/GE/NQ-HĐQT	03/12/2021	Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty TNHH Dây Đồng Việt Nam	100%
71	72/2021/GE/NQ-HĐQT	03/12/2021	Phê duyệt một số nội dung liên quan đến nhóm công ty phát điện	100%
72	73/2021/GE/NQ-HĐQT	03/12/2021	Thông qua các Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với nhóm công ty phát điện	100%
73	74/2021/GE/NQ-HĐQT	06/12/2021	Phê duyệt chủ trương các chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam	100%
74	75/2021/GE/NQ-HĐQT	06/12/2021	Phê duyệt chủ trương các chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	100%
75	76/2021/GE/NQ-HĐQT	08/12/2021	Phê duyệt chủ trương các chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Thiết bị điện	100%

QUẢN TRỊ CÔNG TY

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.2 CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT (TIẾP THEO)

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
76	77/2021/GE/NQ-HĐQT	08/12/2021	Phê duyệt chủ trương các chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội	100%
77	77a/2021/GE/NQ-HĐQT	21/12/2021	Thông qua việc cầm cố tài sản của Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX để bảo đảm cho nghĩa vụ của Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX trong giao dịch phát hành trái phiếu riêng lẻ tổng mệnh giá 1.000 tỷ đồng	100%
78	78/2021/GE/NQ-HĐQT	22/12/2021	Thông qua việc thay đổi cơ cấu mua phần vốn góp tại Công ty TNHH Phát điện GELEX và phương án vay trung hạn tại Techcombank	100%
79	78a/2021/GE/NQ-HĐQT	22/12/2021	Phê duyệt các chỉ tiêu chính KH SXKD năm 2022 Cty TNHH Phát điện GELEX	100%
80	79/2021/GE/NQ-HĐQT	28/12/2021	Triển khai thực hiện phương án nhận chuyển nhượng cổ phần GELEX Quảng Trị, tăng vốn, thay đổi loại hình doanh nghiệp của GELEX Quảng Trị và một số nội dung liên quan	100%
81	80/2021/GE/NQ-HĐQT	30/12/2021	Kiện toàn sơ đồ tổ chức Công ty	100%
82	81/2021/GE/NQ-HĐQT	31/12/2021	Phê duyệt các chỉ tiêu chính KH SXKD 2022 Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	100%

2.3 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

2.4 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

QUẢN TRỊ CÔNG TY

3. BAN KIỂM SOÁT

3.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán do công ty phát hành
1	Bà Nguyễn Thị Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát	0%
2	Bà Tiêu Thị Dung	Thành viên Ban Kiểm soát	0%
3	Ông Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên Ban Kiểm soát	0%

3.2 Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Hoạt động của Ban Kiểm Soát tuân thủ theo Quy chế hoạt động đã được ban hành, các quy định pháp luật điều chỉnh liên quan đồng thời vận dụng thông lệ quốc tế trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và tình hình thực tế hoạt động của Công ty. Năm 2021, Ban Kiểm Soát đã tổ chức 02 cuộc họp. Một số hoạt động trọng tâm của Ban Kiểm soát trong năm qua như sau:

- Giám sát báo cáo tài chính;
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021, giám sát việc chấp hành pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế, quy trình của Công ty và Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý, điều hành năm 2021;
- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và ban hành 21 Biên bản họp và các Nghị

quyết/Quyết định/Văn bản phê duyệt. Các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty được tổ chức và tiến hành theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

- Ban Tổng Giám đốc điều hành gồm 02 người, đã triển khai các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ theo các quy định của pháp luật.
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo, kiểm soát việc thực hiện, triển khai kế hoạch kinh doanh tại các công ty thành viên thông qua người đại diện vốn theo mục tiêu đã đặt ra và tăng cường hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Trong năm, Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông.

3.3 Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị phòng ban chức năng trong hoạt động kiểm tra, giám sát nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Ban. Ban Kiểm soát được mời tham dự họp và được cung cấp đầy đủ các tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp từ các Ban, Phòng, nhân sự của Công ty và các đơn vị liên quan như cung cấp các báo cáo, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát, cử nhân sự làm việc với Ban Kiểm soát khi cần thiết.

4. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

4.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2021

a. Hội đồng quản trị

STT	Tên thành viên HĐQT	Chức vụ	Số tiền
1	Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	9.000.000 VNĐ
2	Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên HĐQT	2.335.000.000 VNĐ
3	Đỗ Duy Hưng	Thành viên HĐQT	582.000.000 VNĐ
4	Đặng Phan Tường	Thành viên HĐQT	582.000.000 VNĐ
5	Lê Quang Định	Thành viên HĐQT	9.000.000 VNĐ
6	Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên HĐQT	7.000.000 VNĐ
7	Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên HĐQT	7.000.000 VNĐ

QUẢN TRỊ CÔNG TY

b. Thu nhập Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác

Thu nhập Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác trong năm 2021 là 1.457.583.333 VNĐ

c. Ban kiểm soát

Thù lao Ban kiểm soát trong năm 2021 là 60.000.000 VNĐ

4.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ	221.865.600	99,998%	239.995.600	80%	Mua thêm do công ty chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu

4.3 Giao dịch với người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch																		
1	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ	0100100512 Cấp ngày 28/12/2021; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam	Năm 2021	○ NQ số 42/2021/GE/NQ - HĐQT ngày 02/06/2021	<table border="1"> <tr> <td>Mua hàng hóa và dịch vụ</td> <td>2.095.001.234</td> </tr> <tr> <td>Cổ tức đã trả</td> <td>110.932.800.000</td> </tr> <tr> <td>Cho vay</td> <td>780.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Lãi cho vay</td> <td>3.834.438.355</td> </tr> <tr> <td>Thu hồi khoản vay</td> <td>780.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Đi vay</td> <td>2.566.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Trả tiền vay</td> <td>2.254.104.346.054</td> </tr> <tr> <td>Lãi đi vay</td> <td>58.110.470.560</td> </tr> <tr> <td>Nhận góp vốn</td> <td>181.300.000.000</td> </tr> </table>	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.095.001.234	Cổ tức đã trả	110.932.800.000	Cho vay	780.000.000.000	Lãi cho vay	3.834.438.355	Thu hồi khoản vay	780.000.000.000	Đi vay	2.566.000.000.000	Trả tiền vay	2.254.104.346.054	Lãi đi vay	58.110.470.560	Nhận góp vốn	181.300.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.095.001.234																								
Cổ tức đã trả	110.932.800.000																								
Cho vay	780.000.000.000																								
Lãi cho vay	3.834.438.355																								
Thu hồi khoản vay	780.000.000.000																								
Đi vay	2.566.000.000.000																								
Trả tiền vay	2.254.104.346.054																								
Lãi đi vay	58.110.470.560																								
Nhận góp vốn	181.300.000.000																								

QUẢN TRỊ CÔNG TY

4. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

4.3 GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ: (TIẾP THEO)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
2	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Công ty liên kết	0107652657; Cấp ngày 15/11/2021; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam	Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> ○ NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 02/06/2021 ○ NQ số 79/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 27/12/2021 	<ul style="list-style-type: none"> Nhận chuyển nhượng khoản đầu tư (Phát điện GELEX và GELEX Quảng Trị) 2.024.375.161.707 Góp vốn vào công ty liên kết 1.771.644.295.436
3	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI)	Công ty con	300381564; Cấp ngày 16/01/2020; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. HCM	70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2021	NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 02/06/2021	Cổ tức nhận được 275.743.175.000
4	Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con gián tiếp	3603058326; Cấp ngày 10/06/2019; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	Đường số 1, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Năm 2021	○ NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 02/06/2021	<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu bán hàng hóa 91.435.663.812 Lãi ký quỹ mua vật tư phải trả 1.528.767.123
5	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (THIBIDI)	Công ty con	3600253826; Cấp ngày 04/10/2021; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	KCN Biên Hoà 1 - Đường số 9 - Phường An Bình - TP Biên Hoà - Tỉnh Đồng Nai - Việt Nam	Năm 2021	NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 02/06/2021	<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu bán hàng hóa 70.855.520.211 Mua hàng hóa và dịch vụ 2.276.341.256 Nhận ký quỹ mua vật tư 300.000.000.000 Lãi ký quỹ mua vật tư phải trả 2.712.328.767 Cổ tức nhận được 39.464.599.000 Cho vay 300.000.000.000 Lãi cho vay 3.698.630.137
6	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội (HEM)	Công ty con	0100100456; Cấp ngày 11/04/2019; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Km12, Đường Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Năm 2021	NQ số 42/2021/GE/NQ - HĐQT ngày 02/06/2021	Doanh thu bán hàng hóa 40.121.089.652
7	Công ty cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	Công ty con	0108453005; Cấp ngày 31/12/2019; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Tầng 23, Tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> ○ NQ số 41/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 19/05/2021 ○ NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 02/06/2021 	<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu bán hàng hóa 15.964.809.536 Mua hàng hóa và dịch vụ 978.900.614.275 Cổ tức nhận được 112.485.000.000

QUẢN TRỊ CÔNG TY

4. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

4.3 GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ: (TIẾP THEO)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch						
8	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty con	3600241669; Cấp ngày 03/06/2021; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	Đường số 9, KCN Biên Hoà 1, Phường An Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2021	NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 02/06/2021	<table border="1"> <tr> <td>Doanh thu bán hàng hóa</td> <td>1.652.103.093.616</td> </tr> <tr> <td>Góp vốn</td> <td>190.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Lãi bán hàng trả chậm</td> <td>34.006.676.581</td> </tr> </table>	Doanh thu bán hàng hóa	1.652.103.093.616	Góp vốn	190.000.000.000	Lãi bán hàng trả chậm	34.006.676.581
Doanh thu bán hàng hóa	1.652.103.093.616												
Góp vốn	190.000.000.000												
Lãi bán hàng trả chậm	34.006.676.581												
9	Công ty cổ phần Chứng khoán VIX	Bên liên quan của thành viên HĐQT	0102576064; Cấp ngày 17/11/2021; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Tầng 22, số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Năm 2021	NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 02/06/2021	Mua hàng hóa và dịch vụ 901.381.621						
10	Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị	Công ty con	3200685620; Cấp ngày 17/11/2021; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Trị	Số 03 Nguyễn Viết Xuân, Thị trấn Khe Sanh, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị	Năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> NQ số 42/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 02/06/2021 NQ số 79/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 27/12/2021 	Góp vốn 126.300.000.000						
11	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Cùng tập đoàn	0100108173; cấp ngày 26/02/2018; Nơi cấp: Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Tầng 16&17, tòa nhà Viglacera, số 1 đại lộ Thăng Long, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	Năm 2021	NQ số 179/TCT- HĐQT ngày 12/05/2021	Cổ tức nhận được 95.810.000.000						

4.4 ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

GELEX tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về quản trị công ty, bao gồm các quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán 2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán. Một số quy định về quản trị công ty đã được tuân thủ đầy đủ có thể kể đến như sau:

- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 trong vòng 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- Đáp ứng đủ số lượng thành viên HĐQT độc lập, thành viên HĐQT không điều hành.
- Thành viên HĐQT chỉ đồng thời là thành viên HĐQT tối đa tại 05 công ty khác.
- Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.
- Công ty có Ban kiểm soát hoạt động đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.

- Ban hành quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định.
- Các giao dịch với bên có liên quan được thông qua đúng cấp thẩm quyền và công bố thông tin đầy đủ, phản ánh các giao dịch này tại Báo cáo tài chính và Báo cáo tình hình quản trị công ty.

CHƯƠNG

07

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã
hội của công ty 111

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng
đồng địa phương 112



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Là một doanh nghiệp đầu ngành, việc chú trọng vào phát triển bền vững là một trong những mục tiêu hàng đầu của GELEX Electric. Trong 6 năm hoạt động, kể từ khi thành lập năm 2016, GELEX Electric đã và đang tích cực mang lại giá trị bền vững cho các đối tác, đồng thời đóng góp đáng kể vào sự phục hồi của nền kinh tế sau đại dịch. Cụ thể, GELEX Electric luôn xem xét các ý kiến của các đối tác khi đưa ra quyết định trong quá trình quản lý các tác động đến xã hội và môi trường. Công ty áp dụng các tiêu chuẩn cao nhất về tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, công bố thông tin theo quy định của pháp luật về hoạt động tài chính và phi tài chính được kiểm toán độc lập bởi các bên thứ ba.

Báo cáo phát triển bền vững của GELEX Electric được xây dựng dựa trên các tiêu chí phát triển cốt lõi của công ty và các giá trị chuẩn mực xã hội. Báo cáo phát triển bền vững nêu chi tiết những thành tựu chính trong hành trình phát triển bền vững của GELEX Electric, đề cập đến các chủ đề trọng yếu liên quan đến lĩnh vực điện và bối cảnh kinh doanh của công ty. Một số thành tựu của GELEX Electric đến có thể được tóm tắt như sau:

- Đối với mảng phát điện trong năm 2021, các nhà máy điện năng lượng tái tạo, thủy điện của GELEX Electric đã vượt sản lượng được giao.
- GELEX Electric vẫn chú trọng đảm bảo tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn lao động cho các cán bộ,

nhân viên của Công Ty, được thể hiện thông qua các tiêu chuẩn và quy trình giám sát nghiêm ngặt mà nhân viên cần tuân thủ.

- Cộng đồng địa phương tiếp tục nhận được sự hỗ trợ và hợp tác của GELEX Electric thông qua các chương trình phát triển cộng đồng, được thiết kế phù hợp với nhu cầu của địa phương dựa trên quá trình tham vấn tương tác.

1. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1.1 Tác động lên môi trường:

Giữa bối cảnh khí hậu nóng lên toàn cầu, cùng với việc chất lượng không khí tại Việt Nam càng ngày càng giảm sút, ban lãnh đạo của GELEX Electric coi việc bảo vệ môi trường, đặc biệt là việc giảm phát khí thải nhà kính là một hoạt động trọng yếu. Đó cũng chính là lý do GELEX Electric đầu tư vào một mảng kinh doanh mới là mảng vận hành các nhà máy năng lượng tái tạo, thủy điện.

Các loại năng lượng mà Công ty phát triển như năng lượng gió, năng lượng mặt trời, thủy điện rất thân thiện với môi trường cũng như không phát ra khí thải nhà kính như các loại nguyên liệu truyền thống khác là than, dầu mỏ và khí đốt. GELEX Electric có tất cả các giấy phép và chứng nhận về môi trường để thực hiện hoạt động kinh doanh của mình. Mục tiêu của GELEX Electric bao gồm:

- Đạt hoặc vượt các yêu cầu và tiêu chuẩn được áp dụng.
- Giảm, loại bỏ chất thải và khí thải.
- Thực hiện đánh giá và kiểm soát chặt chẽ khí thải ra môi trường.
- Lập kế hoạch đầu tư cho môi trường dựa trên đánh giá của địa phương và xã hội.

Đối với ngành sản xuất thiết bị điện, GELEX Electric vẫn đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới, thân thiện hơn với môi trường, đạt các tiêu chuẩn quốc gia và hội tụ đầy đủ các yếu tố: dẫn điện tốt, cách điện an toàn và tiết kiệm điện. Các dây chuyền sản xuất của GELEX Electric cũng là các

dây chuyền sản xuất tân tiến nhất, để tối ưu hóa các nguồn lực, giảm thiểu lãng phí.

1.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Hoạt động sản xuất muốn đạt được hiệu quả cao nhất cần có sự cung cấp liên tục của nguyên vật liệu. Việc thiếu hụt sẽ làm gián đoạn sản xuất, sản lượng cung cấp không đủ cho thị trường và khách hàng có xu hướng chuyển sang các nhà cung cấp khác. Điều này sẽ gây ra thiệt hại không nhỏ cho doanh nghiệp, dù trong ngắn hạn hay dài hạn. Ngược lại, quản lý hiệu quả sẽ góp phần nâng cao năng suất, gia tăng sản lượng và đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường. Trong mỗi công đoạn, chúng tôi đều xây dựng quy trình riêng, như:

- Tổ chức tiếp nhận nguyên vật liệu
- Tổ chức quản lý kho
- Tổ chức cấp phát nguyên liệu
- Thanh toán, quyết toán nguyên vật liệu.

Đối với mảng phát điện, nguồn nguyên liệu sơ cấp như nguồn nước, bức xạ, gió,... sử dụng cho các nhà máy phát điện chúng tôi sử dụng đều là những nguyên liệu sạch thân thiện với môi trường.

1.3 Tiêu thụ năng lượng:

Công ty luôn xác định việc tiêu thụ năng lượng đối với khối sản xuất thiết bị điện hợp lý là một yếu tố quan trọng trong việc giảm thiểu chi phí sản xuất, đồng thời góp phần tiết kiệm nguồn năng lượng cho các lĩnh vực đời sống xã hội.

Tại các nhà máy trong khối phát điện, sản lượng điện các dự án hòa lưới điện Quốc gia luôn chiếm tỷ trọng cao do đã tuân thủ chặt chẽ quy trình dự báo, điều độ của các cấp quản lý. Đồng thời năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả như:

- Vận hành hợp lý các hệ thống công nghệ để giảm thiểu nguồn điện năng tự dùng.
- Sử dụng hệ thống chiếu sáng hợp lý, tiết kiệm năng lượng như dùng bóng đèn led.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1.4 Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, trong quá trình hoạt động công ty đã làm việc với nhiều đoàn thành kiểm tra về môi trường. Kết luận của các Đoàn kiểm tra cho thấy công ty luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

1.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty và các công ty con, vì vậy Ban Lãnh đạo công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Đội ngũ nhân sự của Công ty trẻ, năng động, giàu lòng nhiệt huyết, có năng lực chuyên môn tốt. Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng số lao động trong Công ty là 2.717 người.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo nâng bậc, đào tạo sử dụng thiết bị mới cho công nhân trực tiếp sản xuất, nâng lương cho lao động gián tiếp, tổ chức đào tạo kỹ năng quản trị hiện đại cho cán bộ từ cấp quản lý và một số nhân viên trẻ có năng lực phục vụ thiết thực cho công tác quản lý.

Công tác tuyển dụng cũng được chú trọng, nâng cao chất lượng. Lao động mới được tuyển dụng đã hòa nhập nhanh và bước đầu có những đóng góp cho đơn vị.

Chính sách đối với người lao động luôn tuân thủ theo Bộ luật lao động và các văn bản liên quan từ khâu tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, chế độ làm việc, 08 giờ/ngày, chế độ nghỉ ngơi, thời gian nghỉ phép, lễ, nghỉ ốm, nghỉ thai sản...

Việc chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động minh bạch, thực hiện đúng theo Thỏa ước lao động tập thể. Việc thanh toán tiền lương cho người lao động được thực hiện đầy đủ, không nợ lương người lao động.

Về các chế độ với người lao động thực hiện đầy đủ việc đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho người lao động. Công ty cũng chi trả đầy đủ cho công tác chữa bệnh nghề nghiệp, tổ chức đoàn an dưỡng, thường xuyên chăm lo công tác y tế, cấp phát thuốc cho CBCNV, trang bị bảo hộ lao động.

2. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.



CHƯƠNG

08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của ban tổng giám đốc	116
Báo cáo kiểm toán độc lập	118
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	120
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	123
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	124
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	125



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên
Ông Lê Quang Định	Thành viên
Ông Đặng Phan Tường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2021)
Ông Đỗ Duy Hưng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2021)
Ông Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2021)
Ông Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Trung	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2021)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Trọng Trung

Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 61, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 12 tháng 4 năm 2021 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 02 năm 2022

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lương Tuấn Đạt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.445.884.407.985	9.394.621.303.718
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.409.760.105.856	802.754.993.832
1. Tiền	111		1.289.806.005.856	557.103.398.383
2. Các khoản tương đương tiền	112		119.954.100.000	245.651.595.449
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		329.850.452.430	698.552.492.111
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6	222.815.452.430	564.612.430.468
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	17.1	107.035.000.000	133.940.061.643
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.529.916.610.729	4.725.103.381.288
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.980.223.731.054	3.854.617.718.834
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	128.299.511.312	101.193.142.155
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	290.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	352.719.716.172	986.333.858.720
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(221.326.347.809)	(217.041.338.421)
IV. Hàng tồn kho	140	12	6.780.379.220.031	3.039.350.381.102
1. Hàng tồn kho	141		6.793.267.795.420	3.058.458.726.034
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.888.575.389)	(19.108.344.932)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		395.978.018.939	128.860.055.385
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	31.671.627.042	26.459.908.113
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		358.869.839.206	82.303.146.771
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	5.436.552.691	20.097.000.501
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.677.904.872.417	5.003.760.585.128
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		172.000.000	961.077.784
1. Phải thu dài hạn khác	216		172.000.000	961.077.784
II. Tài sản cố định	220		6.785.197.478.113	1.544.483.837.454
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	6.656.073.821.302	1.432.367.080.263
o Nguyên giá	222		9.424.513.863.082	3.184.805.710.886
o Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.768.440.041.780)	(1.752.438.630.623)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	129.123.656.811	112.116.757.191
o Nguyên giá	228		168.249.758.669	138.473.437.577
o Giá trị hao mòn lũy kế	229		(39.126.101.858)	(26.356.680.386)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

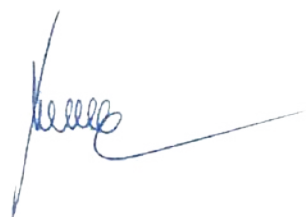
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
o Nguyên giá	231		2.374.201.599	2.374.201.599
o Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.374.201.599)	(2.374.201.599)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		514.376.749.859	261.425.251.130
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	514.376.749.859	261.425.251.130
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.598.357.532.586	2.567.597.823.025
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17.2	2.595.121.851.285	794.950.227.391
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17.3	3.235.681.301	1.772.022.595.634
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	625.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		779.801.111.859	629.292.595.735
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	571.261.215.801	447.797.523.469
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	27	25.249.393.060	12.172.947.716
3. Lợi thế thương mại	269	18	183.290.502.998	169.322.124.550
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		23.123.789.280.402	14.398.381.888.846
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		17.136.396.187.466	10.759.535.200.290
I. Nợ ngắn hạn	310		10.923.217.163.650	8.897.625.979.741
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	2.804.641.003.738	2.583.971.789.508
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	377.174.341.347	301.264.896.551
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	71.085.559.607	92.083.935.759
4. Phải trả người lao động	314		120.272.570.238	150.227.439.834
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	98.282.844.852	70.347.309.804
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		11.253.467.576	15.134.697.248
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	1.938.077.205.658	1.631.133.135.525
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	5.369.748.183.845	3.946.853.714.976
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	26	98.864.231.183	70.857.894.606
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		33.817.755.606	35.751.165.930
II. Nợ dài hạn	330		6.213.179.023.816	1.861.909.220.549
1. Phải trả người bán dài hạn	331	19	9.259.078.400	72.620.064.000
2. Phải trả dài hạn khác	337		707.300.000	423.300.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	6.113.922.911.348	1.702.201.501.316

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

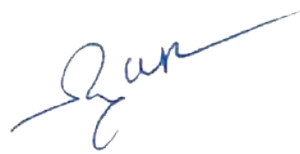
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	27	7.598.440.505	5.892.615.447
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	81.691.293.563	80.771.739.786
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.987.393.092.936	3.638.846.688.556
I. Vốn chủ sở hữu	410	28	5.983.526.045.666	3.634.110.530.182
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.000.000.000.000	2.218.700.000.000
o Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.000.000.000.000	2.218.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		835.287.500.000	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.000.000.000	5.000.000.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		525.863.463.548	464.368.621.259
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		858.116.806.206	425.614.619.273
o Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		387.046.888.398	74.147.984.972
o Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		387.046.888.398	74.147.984.972
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		759.258.275.912	520.427.289.650
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.867.047.270	4.736.158.374
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		3.867.047.270	4.736.158.374
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		23.123.789.280.402	14.398.381.888.846



Cao Thị Xiêm
Người lập biểu



Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	18.847.758.909.185	16.203.013.298.279
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	133.553.048.040	130.311.500.295
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	30	18.714.205.861.145	16.072.701.797.984
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	16.884.083.731.929	14.117.731.801.309
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.830.122.129.216	1.954.969.996.675
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	394.870.532.850	233.666.758.383
7. Chi phí tài chính	22	34	744.443.081.249	621.137.976.118
Trong đó: Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	23		516.390.762.541	470.883.390.881
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24	17	28.527.328.458	12.187.754.413
9. Chi phí bán hàng	25	35	360.858.347.287	412.643.508.213
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	387.450.215.643	355.683.140.846
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		760.768.346.345	811.359.884.294
12. Thu nhập khác	31	36	59.484.543.159	39.005.994.474
13. Chi phí khác	32		2.247.136.204	6.754.328.956
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		57.237.406.955	32.251.665.518
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		818.005.753.300	843.611.549.812
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	177.074.181.774	179.039.284.917
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	37	(13.857.407.490)	8.941.747.989
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập			654.788.979.016	655.630.516.906
Trong đó:	61		565.867.041.019	556.838.633.122
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		88.921.937.997	98.791.883.784
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	2.280	2.436

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Đơn vị: VND

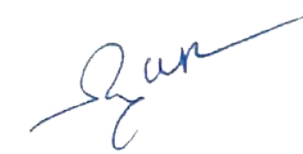
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	818.005.753.300	843.611.549.812
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và lợi thế thương mại phân bổ	02	326.361.941.953	235.728.938.309
Các khoản dự phòng	03	26.991.130.199	11.679.588.600
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.544.737.998	(5.725.421.690)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(230.202.543.725)	(112.355.731.328)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06	516.390.762.541	470.883.390.881
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	24	1.462.091.782.266	1.443.822.314.584
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	922.201.620.279	(630.002.377.145)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(3.732.848.855.101)	4.399.728.810
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	396.541.567.761	1.510.425.259.881
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	3.355.817.139	(109.757.952.345)
Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh	13	488.796.978.038	(225.395.560.008)
Tiền lãi vay đã trả	14	(539.999.139.643)	(427.121.600.282)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(166.198.892.303)	(203.554.739.984)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	220.119.910	1.966.116.763
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.386.231.980)	(17.252.935.206)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	61	(1.186.225.233.634)	1.347.528.255.068
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(427.121.600.282)	(288.733.866.322)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và	22	63.135.560.101	7.345.109.966
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(501.229.771.528)	(80.870.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	267.759.833.171	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.950.879.204.496)	(358.003.070.178)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	586.093.950.00	-

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		191.722.066.096	159.527.991.076
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.818.198.865.040)	(560.733.835.458)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu và bán cổ phiếu quỹ	31	1.660.729.170.511	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	19.868.860.009.329	18.386.439.622.910
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(17.752.321.414.588)	(18.428.857.594.318)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(164.964.641.815)	(468.976.884.866)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.612.303.123.437	(511.394.856.274)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	607.879.024.763	275.399.563.336
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	802.754.993.832	527.461.050.474
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(873.912.739)	(105.619.978)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.409.760.105.856	802.754.993.832



Cao Thị Xiêm
Người lập biểu



Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX (“Công ty”), trước đây là Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX (đổi tên từ ngày 02 tháng 01 năm 2020), được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107547109 ngày 29 tháng 8 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 22 tháng 9 năm 2021.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 8885/UBCK-GSĐC ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (trước đây là Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam).

Tổng số cán bộ, nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.717 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.709 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (gọi tắt là “Nhóm Công ty”) là:

- Cung cấp các sản phẩm trong lĩnh vực thiết bị điện bao gồm dây, cáp điện, máy biến thế, thiết bị đo điện, động cơ điện các loại... và dịch vụ sửa chữa;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện từ ngày 05 tháng 10 năm 2021.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2021/GE/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021 thông qua phương án nhận chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp theo kế hoạch tái cấu trúc-sắp xếp lại sở hữu vốn trong mảng sản xuất điện giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, theo đó:

- Ngày 05 tháng 10 năm 2021, Công ty đã nhận chuyển nhượng 100% phần vốn góp tại Công ty TNHH Phát điện GELEX (trước đây là Công ty TNHH MTV GELEX Land) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX (trước đây là Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX). Theo đó, từ ngày 05 tháng 10 năm 2021, tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty TNHH Phát điện GELEX là 100%.
- Ngày 27 tháng 12 năm 2021, Công ty đã nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX (trước đây là Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX). Sau đó, Công ty tiếp tục tăng vốn và nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị là 100%. Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị đang thực hiện các thủ tục để chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, tên sau khi chuyển đổi của công ty này sẽ là Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị.
- Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2021 số 04/2021/GE/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021, Công ty chủ trương thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX – Bên liên quan của Công ty, bằng toàn bộ 87.100.000 cổ phần tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP mà Công ty đang sở hữu và bằng tiền với số tiền là 2.099.585.667 VND. Trong năm, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu 87.100.000 cổ phần tại Tổng Công ty Viglacera - CTCP và góp vốn bằng tiền gửi Ngân hàng số tiền 2.099.585.667 VND cho Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX. Sau khi góp vốn, Công ty nắm giữ 177.088.650 cổ phần tương ứng với 22,42% Công ty Cổ phần Hạ Tầng GELEX. Theo đó, Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX trở thành công ty liên kết của Công ty.
- Ngày 16 tháng 8 năm 2021, Công ty đã hoàn thành mua thêm 300.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam từ cổ đông thiểu số của công ty con này theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh, theo đó tăng tỷ lệ lợi ích tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam từ 95,82% lên 96,35%.
- Theo Nghị Quyết số 17/2021/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Công ty Cổ phần Thiết bị điện, Công ty Cổ phần Thiết bị điện thực hiện bán 4.800.000 cổ phiếu quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty Cổ phần Thiết bị điện đã bán được 2.302.000 cổ phiếu quỹ. Theo đó, tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện giảm từ 86,96% xuống 85,23% kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2021.
- Hiện nay, dịch bệnh COVID-19 đang bùng phát tại Việt Nam và các nước khác trên thế giới nhưng Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin rằng vấn đề trên không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đang tiếp tục đánh giá các ảnh hưởng tiềm tàng của dịch bệnh COVID-19 đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022 để xây dựng các kế hoạch ứng phó phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con mà Nhóm Công ty có tỷ lệ lợi ích trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("Cadivi")	Thành phố Hồ Chí Minh	96,35%	96,35%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	Hà Nội	76,70%	76,70%	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3.	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất dây đồng và dây tráng thiếc
4.	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Thibidi")	Đồng Nai	85,23%	85,23%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh, sửa chữa thiết bị điện
5.	Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC ("Emic")	Hà Nội	74,99%	74,99%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh, sửa chữa thiết bị đo điện
6.	Công ty TNHH Phát điện GELEX ("Phát điện GELEX")	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
7.	Công ty Cổ phần Năng lượng GEL-EX Quảng Trị ("GELEX Quảng Trị")	Quảng Trị	100%	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, một số công ty con của Công ty cũng sở hữu các công ty con, công ty liên kết khác với thông tin cụ thể về tỷ lệ lợi ích trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết như sau:

(i) Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("Cadivi"):

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai ("Cadivi Đồng Nai")	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện

(ii) Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM"):

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội ("HECO")	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất và kinh doanh, sửa chữa sản phẩm ngành điện
2.	Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-Power ("G-Power")	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD ("SAS")	Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng

(iii) Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Thibidi"):

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh ("MEE")	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần	Hà Nội	24,95%	24,95%	Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, thiết kế công trình điện

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con mà Nhóm Công ty có tỷ lệ lợi ích trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

(iv) Công ty TNHH Phát điện GELEX:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	Quảng Nam	73,16%	73,16%	Sản xuất thủy điện
2.	Công ty TNHH MTV Năng lượng GEL-EX Ninh Thuận ("GELEX Ninh Thuận")	Ninh Thuận	100%	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời

(v) Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH MTV Mirai Quảng Trị	Quảng Trị	100%	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió (chưa triển khai dự án)

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Hà Nội	22,42%	22,42%	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng, bất động sản

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản

tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là nhất quán.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3.3 Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một hoặc nhiều đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh, được xác định theo giá trị ghi sổ trên báo cáo hợp nhất của bên chuyển nhượng tại ngày giao dịch, bao gồm giá trị còn lại của lợi thế thương mại phát sinh khi bên chuyển nhượng đạt được quyền kiểm soát tại đơn vị được hợp nhất.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh;
- Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi

vào quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

3.4 Hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua và lợi thế thương mại

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Trong trường hợp trước ngày Công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khi đạt được quyền kiểm soát, trên báo cáo tài chính hợp nhất công ty mẹ đánh giá lại giá trị khoản đầu tư theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Nhóm Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng

của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

3.5 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của

công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

3.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.6 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Nhóm Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Nhóm Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

3.7 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Nhóm Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

3.8 Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Nhóm Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Nhóm Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.10 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các công ty con phê duyệt.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu

dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	02 - 26 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	2 - 6 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	5 - 7 năm

3.12 Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất phản ánh số tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng.

3.13 Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

3.14 Bản quyền, bằng sáng chế

Bản quyền, bằng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

3.15 Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

3.16 Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.17 Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

3.18 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.19 Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí

trả trước để phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất trả trước;
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng;
- Lãi mua hàng trả chậm;
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng, mặt bằng;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định;
- Chi phí bảo lãnh khoản vay;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;
- Các chi phí khác.

3.20 Tiền thuê đất trả trước

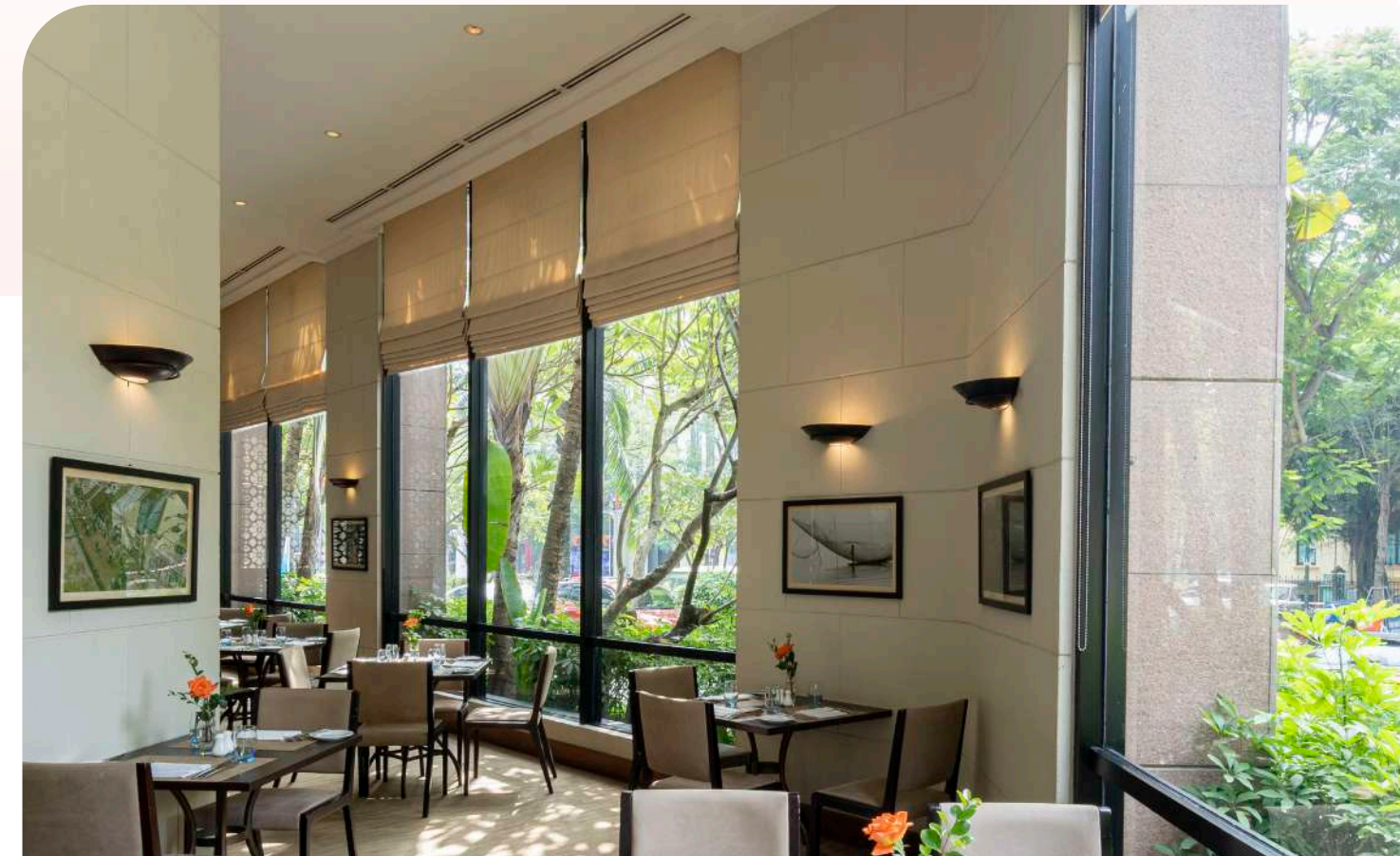
Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất (có hiệu lực sau ngày 01 tháng 7 năm 2004) có thời hạn từ 39 năm đến 50 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.21 Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng

Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình Dự án Trang trại điện mặt trời GELEX Ninh Thuận, điện gió GELEX Quảng Trị được phân bổ trong thời gian hoạt động còn lại của dự án kể từ khi nhà máy đưa vào vận hành.

3.22 Lãi mua hàng trả chậm

Tiền lãi do mua trả chậm nguyên vật liệu thực tế phát sinh được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động



kinh doanh hợp nhất theo thời gian được chậm trả nhưng phân bổ không quá 01 năm.

3.23 Tiền thuê cơ sở hạ tầng, mặt bằng

Tiền thuê cơ sở hạ tầng, mặt bằng bao gồm các chi phí trả trước cho nhiều năm. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

3.24 Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định bao gồm các chi phí sửa chữa tài sản cố định trả trước cho một hay nhiều năm. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

3.25 Chi phí bảo lãnh khoản vay

Chi phí bảo lãnh vay ngân hàng thể hiện khoản phí bảo lãnh đã trả trước, được phân bổ vào Báo cáo kết

quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn bảo lãnh.

3.26 Công cụ, dụng cụ xuất dùng

Công cụ, dụng cụ xuất dùng bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

3.27 Chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí trả trước cho nhiều kỳ. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

3.28 Trái phiếu phát hành

Nhóm Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu (-) Chi phí phát hành trái phiếu.

Nhóm Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội sử dụng phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính trên báo cáo tài chính hợp nhất.

3.29 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.30 Ghi nhận doanh thu

Đối với bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

3.31 Đối với cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Doanh thu bán điện được ghi khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Nhóm Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.32 Hợp đồng xây dựng

Kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

3.33 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm lãi từ việc bán hàng trả chậm. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận bằng phần chênh lệch giữa giá bán trả ngay và tổng giá trị thu hồi từ việc bán trả chậm. Hàng năm, doanh thu hoạt động tài chính về phần tính lãi trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

3.34 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.35 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.36 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Nhóm Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản lỗ về thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Nhóm Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Nhóm Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Nhóm Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

4.1 Mua Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2021, Công ty đã hoàn tất giao dịch mua lại 113.820.000 cổ phần, tương ứng với 99,606% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị từ Công ty Cổ phần Hạ Tầng GELEX - công ty cùng tập đoàn của Công ty với tổng giá phí là 1.138,2 tỷ VND. Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị trở thành công ty con của Công ty từ ngày này.

Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200685620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp ngày 16 tháng 01 năm 2019 và giấy phép điều chỉnh lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2021. Công ty này có trụ sở chính tại Số 03 Nguyễn Viết Xuân, Thị trấn Khe Sanh, Huyện Hướng Hoá, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm của công ty này là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Công ty mua Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị theo phương án tái cấu trúc của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX – công ty mẹ của Công ty. Vào ngày 27 tháng 12 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 79/2021/GE/NQ-HĐQT về nhận chuyển nhượng phần cổ phần, tăng vốn và thay đổi loại hình doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá đây là một giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung. Theo đó, giá trị tài sản thuần của Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ của công ty này tại ngày mua trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX. Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất và tài sản thuần của Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị được ghi nhận vào chỉ tiêu quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Đơn vị: VND

Giá trị ghi sổ ghi nhận tại ngày mua	
Tài sản	
Tiền	38.848.289.719
Các khoản phải thu ngắn hạn	61.143.590.930
Tài sản ngắn hạn khác	7.974.427.556
Tài sản cố định	3.171.470.590.741
Tài sản dở dang dài hạn	2.745.600.662
Tài sản dài hạn khác	66.422.265.687
	3.348.604.765.295
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	3.692.135.913
Tổng tài sản thuần theo giá trị ghi sổ [a]	1.132.312.643.717
Cổ đông không kiểm soát [b]	(4.459.094.160)
Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất và tài sản thuần được ghi nhận vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu [c]	10.346.450.443
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán [d] = [a + b + c]	1.138.200.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	38.848.289.719
Tiền chi để mua công ty con	(1.138.200.000.000)
Tổng tiền thuần đã chi cho nghiệp vụ mua	(1.099.351.710.281)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

Sau đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 0,394% vốn góp trong Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị với giá phí 5.850.000.000 VND và nâng tỷ lệ lợi ích thành 100% trong công ty con này.

Doanh thu và lợi nhuận trước thuế của Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 27 tháng 12 năm 2021 tương ứng là 58.040.948.408 VND và (10.387.356.283) VND. Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị chưa đóng góp Doanh thu và lợi nhuận trước thuế vào kết quả kinh doanh hợp nhất của Nhóm công ty trong năm.

4.2 Mua Công ty TNHH Phát điện GELEX

Vào ngày 05 tháng 10 năm 2021, Công ty đã hoàn tất giao dịch mua lại 100% vốn góp của Công ty TNHH Phát điện GELEX từ Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX - công ty cùng tập đoàn của Công ty với tổng giá phí là 886,2 tỷ VND. Công ty TNHH Phát điện GELEX trở thành công ty con của Công ty từ ngày này.

Công ty TNHH Phát điện GELEX là một công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107919237 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 12 tháng 7 năm 2017 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 5 ngày 13 tháng 01 năm 2022. Công ty này có trụ sở chính tại số 52, phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hoạt động chính: Là công ty mẹ của 2 công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện, cụ thể:

- Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận, vốn điều lệ thực góp là 368.000.000.000 VND, sở hữu nhà máy phát điện mặt trời GELEX Ninh Thuận tại xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Nhà máy có công suất 50 MW và đã đi vào hoạt động từ năm 2019.
- Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ, với vốn điều lệ thực góp là 618.140.000.000 VND, sở hữu nhà máy thủy điện Sông Bung 4A có công suất 49MW tại xã Mã Cooih, huyện Đông Giang và thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, thuộc tỉnh Quảng An.

Công ty mua Công ty TNHH Phát điện GELEX theo phương án tái cấu trúc của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX - công ty mẹ của Công ty. Vào ngày 30 tháng 07 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 03/2021/GE/NQ-ĐHĐCĐ về việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Phát điện GELEX thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá đây là một giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung. Theo đó, giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH Phát điện GELEX được hợp nhất theo giá trị ghi sổ của công ty này

tại ngày mua trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hạ Tầng GELEX - công ty cùng tập đoàn, bao gồm phần lợi thế thương mại phát sinh khi Công ty Cổ phần Hạ Tầng GELEX - công ty cùng tập đoàn mua Công ty TNHH Phát điện GELEX. Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất và tài sản thuần của Công ty TNHH Phát điện GELEX được ghi nhận vào chỉ tiêu quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty TNHH Phát điện GELEX tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Đơn vị: VND

Giá trị ghi sổ ghi nhận tại ngày mua	
Tài sản	
Tiền	64.130.098.996
Đầu tư tài chính ngắn hạn	147.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	151.757.156.128
Hàng tồn kho	215.236.144
Tài sản ngắn hạn khác	12.125.163.076
Tài sản cố định	2.203.774.567.310
Tài sản dở dang dài hạn	1.744.978.141
Lợi thế thương mại	38.184.709.266
Tài sản dài hạn khác	61.930.635.824
	2.680.862.544.885
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	2.002.149.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

4. HỢP NHẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

Đơn vị: VND

	Giá trị ghi sổ ghi nhận tại ngày mua
Vay và nợ	1.537.672.750.565
Phải trả khác	23.215.666.514
	1.562.890.566.287
Tổng tài sản thuần theo giá trị ghi sổ [a]	1.117.971.978.598
Cổ đông không kiểm soát [b]	(159.955.524.159)
Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất và tài sản thuần được ghi nhận vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu [c]	(71.841.292.732)
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán [d] = [a + b + c]	
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	64.130.098.996
Tiền chi để mua công ty con	(886.175.161.707)
Tổng tiền thuần đã chi cho nghiệp vụ mua	(822.045.062.711)

Kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2021 (ngày mua), Công ty TNHH Phát điện GELEX và các công ty con đã đóng góp doanh thu và lợi nhuận trước thuế đã đóng góp lần lượt là 127.507.903.928 VND, 37.687.785.003 VND vào kết quả kinh doanh hợp nhất của Nhóm công ty trong năm.

Doanh thu và lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Công ty TNHH Phát điện GELEX từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 05 tháng 10 năm 2021 tương ứng là 522.000.000 VND và 1.156.828.458 VND.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.698.939.245	3.789.500.847
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.287.107.066.611	553.313.897.536
Các khoản tương đương tiền (*)	119.954.100.000	245.651.595.449
	1.409.760.105.856	802.754.993.832

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 03 tháng và hưởng mức lãi suất từ 2,3%/năm đến 4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 2,6%/năm đến 4,6%/năm).

Một số khoản tương đương tiền được sử dụng để thế chấp cho khoản vay (Thuyết minh số 24 và 25).

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đơn vị: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Trái phiếu (ii)	222.815.452.430	(i)	-	436.457.180.408	(i)	-
Cổ phiếu	-	-	-	128.155.250.060	168.487.354.000	-
	222.815.452.430			564.612.430.468		

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trái phiếu tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản trái phiếu chưa niêm yết này.

(ii) Các khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc bên thứ ba. Nhóm Công ty phân loại các trái phiếu này là chứng khoán kinh doanh (ngắn hạn) dựa trên chủ trương chuyển nhượng trước ngày đáo hạn được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trước khi đầu tư các khoản mục này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Việt Kim	398.802.923.083	-
Công ty TNHH Sao Kim BK	398.142.925.700	1.899.760.820.256
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	351.680.906.100	220.274.182.776
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Điện số 5	62.258.046.896	119.520.659.188
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.769.338.929.275	1.615.062.056.614
	2.980.223.731.054	3.854.617.718.834
Trong đó:	2.169.080.980	11.104.052.802
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)		

Quyền thụ hưởng một số khoản phải thu được sử dụng để thế chấp cho khoản vay (Thuyết minh số 24 và 25).

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Kinex Việt Nam	46.901.196.000	5.231.610.000
GERALD METALS SARL	-	15.704.028.569
Các khoản trả trước khác	81.398.315.312	80.257.503.586
	128.299.511.312	101.193.142.155

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Kinex Việt Nam	280.000.000.000	-
GERALD METALS SARL	10.000.000.000	-
	290.000.000.000	-
	128.299.511.312	101.193.142.155
Trong đó:	280.000.000.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)		

10. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký cược, ký quỹ	192.741.422.014	328.869.719.604
Cổ tức đã chuyển VSD thanh toán cho cổ đông	39.464.599.000	-
Phải thu do điều chỉnh giá nhập nguyên vật liệu	35.480.287.182	-
Phải thu về bán cổ phiếu quỹ tại công ty con	27.530.422.420	-
Tạm ứng	20.461.929.296	36.277.396.900
Phải thu về tiền lãi tiền gửi, cho vay	16.958.235.686	9.339.520.667
Phải thu đặt cọc mua cổ phần	-	586.093.950.000
Phải thu về lãi ký quỹ	-	11.596.273.972
Phải thu khác	20.082.820.574	14.156.997.577
	352.719.716.172	986.333.858.720
Trong đó:	4.315.714.530	171.596.273.972
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

11. NỢ XẤU

Đơn vị: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Dự phòng
Công ty Cổ phần Kim loại màu Ngọc Sơn	106.283.046.487	-	106.283.046.487	106.288.046.487	-	106.288.046.487
Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	57.814.174.949	-	57.814.174.949	57.814.174.949	-	57.814.174.949
Các khoản khác	61.153.975.202	3.924.848.829	57.229.126.373	56.213.212.892	3.274.095.907	52.939.116.985
	225.251.196.638	3.924.848.829	221.326.347.809	220.315.434.328	3.274.095.907	217.041.338.421

(*) Giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi là giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị dự phòng được trích lập theo các quy định hiện hành cho các khoản phải thu đó.

12. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	245.061.566.589	-	197.555.469.280	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.970.375.174.455	(3.329.634.737)	1.351.748.535.230	(3.612.612.069)
Công cụ, dụng cụ	7.116.737.153	-	2.158.205.452	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	879.205.718.772	-	427.256.606.776	(5.085.538.788)
Thành phẩm	2.632.005.627.365	(9.558.940.652)	1.032.834.555.113	(5.589.812.086)
Hàng hoá	31.508.797.427	-	29.797.157.298	(4.820.381.989)
Hàng gửi đi bán	27.994.173.659	-	17.108.196.885	-
	6.793.267.795.420	(12.888.575.389)	3.058.458.726.034	(19.108.344.932)

Một số hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24 và 25).

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Lãi mua hàng trả chậm	14.740.887.288	5.485.053.676
Sửa chữa tài sản cố định	2.064.708.025	3.089.417.267
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.671.427.712	1.536.269.990
Chi phí khác	13.194.604.017	16.349.167.180
	31.671.627.042	26.459.908.113
a. Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước (*)	246.090.054.565	273.881.356.847
Tiền thuê cơ sở hạ tầng, mặt bằng (*)	141.792.599.939	133.923.048.786
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng	109.479.498.620	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	30.633.648.520	12.461.870.185
Chi phí bảo lãnh khoản vay	14.743.225.685	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.078.951.068	12.325.384.628
Chi phí khác	16.443.237.404	15.205.863.023
	571.261.215.801	447.797.523.469

(*) Một số quyền sử dụng đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng, mặt bằng đã được thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24 và 25).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	917.583.092.827	2.059.876.490.446	186.855.485.971	20.490.641.642	3.184.805.710.886
Mua mới	-	29.885.987.102	4.830.089.455	2.209.994.091	36.926.070.648
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	18.703.660.573	98.349.282.386	750.000.000	51.180.000	117.854.122.959
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.282.625.724.350	4.734.027.342.619	89.902.087.534	1.396.475.436	6.107.951.629.939
Phân loại lại	-	(4.929.035.457)	4.929.035.457	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(3.791.000.000)	(16.662.346.283)	(4.885.927.906)	(151.683.000)	(25.490.957.189)
Tăng khác	-	1.775.558.781	532.894.713	158.832.345	2.467.285.839
Số dư cuối năm	2.215.121.477.750	6.902.323.279.594	282.913.665.224	24.155.440.514	9.424.513.863.082
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	405.139.104.325	1.225.529.659.642	105.789.386.069	15.980.480.587	1.752.438.630.623
Khấu hao trong năm	58.426.148.276	209.689.346.410	20.528.945.867	1.600.860.214	290.245.300.767
Tăng do hợp nhất kinh doanh	255.374.674.004	481.596.917.852	4.750.899.481	480.268.993	742.202.760.330
Phân loại lại	-	(4.929.035.457)	4.929.035.457	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.032.028.340)	(12.849.264.508)	(4.880.959.931)	(151.683.000)	(18.913.935.779)
Tăng khác	-	1.775.558.781	532.894.713	158.832.345	2.467.285.839
Số dư cuối năm	717.907.898.265	1.900.813.182.720	131.650.201.656	18.068.759.139	2.768.440.041.780
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	512.443.988.502	834.346.830.804	81.066.099.902	4.510.161.055	1.432.367.080.263
Tại ngày cuối năm	1.497.213.579.485	5.001.510.096.874	151.263.463.568	6.086.681.375	6.656.073.821.302

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 với giá trị là 804 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 602 tỷ VND).

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24 và 25). Giá trị còn lại của tài sản cố định thế chấp ngân hàng là 5.034 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 395 tỷ VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	51.207.049.920	46.944.609.391	40.321.778.266	138.473.437.577
Tăng do mua sắm, đầu tư	-	20.280.032.650	-	20.280.032.650
Tăng do hợp nhất kinh doanh	9.496.288.442	-	-	9.496.288.442
Số dư cuối năm	2.215.121.477.750	67.224.642.041	40.321.778.266	168.249.758.669
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	12.695.602.409	13.157.055.750	504.022.227	26.356.680.386
Khấu hao trong năm	1.033.959.422	9.689.497.944	2.045.964.106	12.769.421.472
Số dư cuối năm	13.729.561.831	22.846.553.694	2.549.986.333	39.126.101.858
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	38.511.447.511	33.787.553.641	39.817.756.039	112.116.757.191
Tại ngày cuối năm	46.973.776.531	44.378.088.347	37.771.791.933	129.123.656.811

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2,5 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2,2 tỷ VND).

Một số tài sản cố định vô hình đã được thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24 và 25). Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình thế chấp ngân hàng là 37,5 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 38,5 tỷ VND).

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án các nhà máy tại khu công nghiệp Long Đức	237.222.600.003	15.376.783.806
Dự án trung tâm thương mại và văn phòng cao cấp tại 799 Kinh Dương Vương	127.443.482.364	127.443.482.364
Dự án Cadivi Tower	89.092.571.804	47.516.431.855
Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt	45.359.418.844	16.537.868.285
Dự án triển khai hệ thống ERP	5.283.018.727	8.907.242.650
Khác	9.975.658.117	45.643.442.170
	514.376.749.859	261.425.251.130

Một số tài sản hình thành từ các dự án được thế chấp cho khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 24 và 25).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

17.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Đơn vị: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Số dư đầu năm	107.035.000.000	-	-	103.940.061.643	-	-
Tăng do mua sắm, đầu tư	-	-	-	30.000.000.000	-	-
	107.035.000.000	-	-	133.940.061.643		

(i) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng VND với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng với lãi suất từ 2,4%/năm đến 6,5%/năm.

17.2. Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị: VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Lợi nhuận/(lỗ) từ kết quả kinh doanh trong năm	Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết		Số cuối năm
				Phân phối Quý và điều chỉnh khác	Cổ tức được chia trong năm	
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX (i)	-	1.771.644.295.436	24.124.289.956	-	-	1.795.768.585.392
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần (ii)	525.629.967.272	-	26.305.782.532	(3.629.363.509)	(12.132.205.500)	536.174.180.795
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD (i)	269.320.260.119	-	(6.141.175.021)	-	-	263.179.085.098
	794.950.227.391	1.771.644.295.436	44.288.897.467	(3.629.363.509)	(12.132.205.500)	2.595.121.851.285

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

(ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 606.610.275.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.011.017.125.000 VND), được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM tại ngày kết thúc năm tài chính và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

17.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	2.178.670.000	4.912.585.200	-	2.178.670.000	4.947.963.900	-
Công ty Cổ phần Công nghệ cao	1.057.011.301	(ii)	-	1.057.011.301	(ii)	-
Tổng Công ty Viglacera - CTCP (i)	-	-	-	1.768.786.914.333	2.334.280.000.000	-
	3.235.681.301			1.772.022.595.634		

(i) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng VND với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng với lãi suất từ 2,4%/năm đến 6,5%/năm.

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị: VND

	Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari (i)	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh	Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Tổng
Số dư đầu năm	22.071.631.237	166.685.653.795	27.734.837.846	-	216.492.122.878
Tăng do mua công ty con	-	-	-	38.184.709.266	38.184.709.266
Số dư cuối năm	22.071.631.237	166.685.653.795	27.734.837.846	38.184.709.266	254.676.832.144
PHÂN BỐ LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	5.675.562.317	33.337.130.760	8.157.305.251	-	47.169.998.328
Phân bổ trong năm	2.522.472.141	16.668.565.380	3.262.922.100	1.762.371.197	24.216.330.818
Số dư cuối năm	8.198.034.458	50.005.696.140	11.420.227.351	1.762.371.197	71.386.329.146
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	16.396.068.920	133.348.523.035	19.577.532.595	-	169.322.124.550
Tại ngày cuối năm	13.873.596.779	116.679.957.655	16.314.610.495	36.422.338.069	183.290.502.998

(i) Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari đã được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Chế tạo Cơ điện Hà Nội từ năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đơn vị: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	1.090.120.889.177	1.090.120.889.177	244.064.793.537	244.064.793.537
LS Nikko Cooper Inc	1.076.454.136.689	1.076.454.136.689	1.764.855.893.231	1.764.855.893.231
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	74.287.506.372	74.287.506.372	8.442.267.978	8.442.267.978
Các đối tượng khác	563.778.471.500	563.778.471.500	566.608.834.762	566.608.834.762
	2.804.641.003.738	2.804.641.003.738	2.583.971.789.508	2.583.971.789.508
b. Dài hạn				
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	9.259.078.400	9.259.078.400	72.620.064.000	72.620.064.000
	9.259.078.400	9.259.078.400	72.620.064.000	72.620.064.000
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 39)	1.173.679.020.340	1.173.679.020.340	326.088.115.906	326.088.115.906

(i) Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari đã được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Chế tạo Cơ điện Hà Nội từ năm 2019.

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Tiến Phát	50.162.156.400	35.951.226.933
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	39.959.781.600	28.821.400.000
Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dân	39.856.875.903	77.017.614.186
Công ty Cổ Phần SCI E & C	-	30.954.802.949
Người mua trả tiền trước khác	247.195.527.444	128.519.852.483
	377.174.341.347	301.264.896.551
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 39)	19.637.257.627	535.256.542

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: VND

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	32.476.705.250	3.050.007.701	656.750.622.984	675.964.769.059	52.885.996	16.365.452.872
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	-	109.703.698.276	109.771.603.956	67.905.680	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.954.537.612	55.397.772.734	1.209.545.428	177.214.821.316	166.198.892.303	347.925.072	48.016.634.635
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.913.052.736	40.660.978	23.237.275.554	29.438.401.510	4.931.931.885	2.684.519.643
Thuế tài nguyên	-	-	1.996.975.675	6.289.865.969	6.979.253.975	-	1.307.587.669
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	10.436.721.908	10.436.721.908	-	-
Các loại thuế khác	142.462.889	296.405.039	-	746.214.574	649.786.802	32.054.058	282.423.980
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.234.643.364	2.570.879.242	3.380.431.798	3.850.000	2.428.940.808
	20.097.000.501	92.083.935.759	9.531.833.146	986.950.099.823	1.002.819.861.311	5.436.552.691	71.085.559.607

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	38.381.259.291	49.016.137.756
Chi phí các dự án, công trình xây dựng	29.309.140.000	-
Chi phí hoa hồng đại lý	5.639.401.850	4.876.487.974
Lãi ký quỹ và chiết khấu thanh toán	4.393.761.375	4.939.151.375
Phí thanh toán trả chậm, thư tín dụng (LC)	10.424.172.493	3.137.445.284
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	10.135.109.843	8.378.087.415
	98.282.844.852	70.347.309.804

23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí thư tín dụng (LC) (i)	1.855.419.436.637	1.549.719.887.751
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (ii)	52.820.542.340	29.094.890.801
Chi phí lãi vay các bên liên quan	-	26.850.321.654
Cổ tức phải trả	17.418.190.644	8.285.456.459
Các khoản khác	12.419.036.037	17.182.578.860
	1.938.077.205.658	1.631.133.135.525

Trong đó:
 Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan
 (chi tiết tại Thuyết minh số 39)

(i) Liên quan tới nghiệp vụ mua nguyên vật liệu và thanh toán qua LC với ngân hàng. Một số thư tín dụng được đảm bảo bằng các khoản phải thu, hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Nhóm Công ty và hàng hóa hình thành từ các thư tín dụng.

(ii) Bao gồm chủ yếu là các khoản nhận ký quỹ và ký cược từ khách hàng và chịu lãi suất tối đa 7,68%/năm (năm 2020: 9,6%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

	Số đầu năm			Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng do hợp nhất	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	3.256.467.026.063	3.256.467.026.063	111.771.977.565	19.304.539.054.315	18.179.033.894.046	4.493.744.163.897	4.493.744.163.897
Vay ngân hàng (i)	2.754.972.340.009	2.754.972.340.009	3.771.977.565	17.131.408.885.156	15.415.036.499.683	4.475.116.703.047	4.475.116.703.047
Vay bên liên quan (ii)	488.104.346.054	488.104.346.054	100.000.000.000	1.956.000.000.000	2.544.104.346.054	-	-
Vay đối tượng khác	13.390.340.000	13.390.340.000	8.000.000.000	217.130.169.159	219.893.048.309	18.627.460.850	18.627.460.850
Nợ dài hạn đến hạn trả	690.386.688.913	690.386.688.913	88.771.814.000	944.941.666.692	848.096.149.657	876.004.019.948	876.004.019.948
Trái phiếu đến hạn thanh toán	549.238.366.933	549.238.366.933	-	339.467.640.977	671.000.000.000	217.706.007.910	217.706.007.910
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	141.148.321.980	141.148.321.980	79.553.064.000	531.724.025.715	167.877.399.657	584.548.012.038	584.548.012.038
Vay bên liên quan	-	-	9.218.750.000	73.750.000.000	9.218.750.000	73.750.000.000	73.750.000.000
	3.946.853.714.976	3.946.853.714.976	200.543.791.565	20.249.480.721.007	19.027.130.043.703	5.369.748.183.845	5.369.748.183.845

(i) Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

Đơn vị: VND

Bên cho vay	Số dư cuối năm	Số có khả năng trả nợ	Kỳ trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	566.569.950.313	371.462.714.004	Kỳ hạn vay 5 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 06 tháng 5 năm 2022	3,5 - 4	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	314.547.063.668	-	Kỳ hạn vay 4 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 2 tháng 5 năm 2022	3,5	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	314.000.000.000	-	Kỳ hạn vay 4 -5 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 15 tháng 4 năm 2022	3,5 - 3,8	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Hội sở chính	310.000.000.000	-	Kỳ hạn vay 1 năm, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 31 tháng 05 năm 2022	7,5	Cổ phiếu THI thuộc sở hữu của Công ty và cổ phiếu VGC thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX
Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	230.000.000.000	-	Kỳ hạn vay 4 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 20 tháng 4 năm 2022	3,4	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I	209.525.379.475	150.984.736.840	Kỳ hạn vay 5,5 tháng, lãi vay trả hàng tháng	5	Máy móc thiết bị và Tài sản cố định gắn liền với đất, hàng tồn kho và quyền đòi nợ theo hợp đồng kinh tế do ngân hàng tài trợ của Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC
	91.439.253.484	115.249.187.490	Kỳ hạn vay 5,5 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 10 tháng 06 năm 2022	5,8	Quyền phải thu và hàng tồn kho
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	182.639.144.476	-	Kỳ hạn vay 4 tháng, lãi vay trả khi đáo hạn, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 18 tháng 4 năm 2022	3,1 - 3,5	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(i) Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau: (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư cuối năm	Số có khả năng trả nợ	Kỳ trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Cathay United Bank - Chi nhánh Chu Lai	182.048.052.831	-	Kỳ hạn vay 4 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 16 tháng 2 năm 2022	3,2	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở giao dịch	178.928.693.000	-	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2022	4,9	Quyền đòi nợ từ các hợp đồng kinh tế/khoản phải thu luân chuyển và/hoặc hàng tồn kho luân chuyển
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên hòa	173.462.474.714	196.985.087.946	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi trả hàng tháng	3,2 - 5,0	Hàng tồn kho, nợ phải thu, tài sản cố định, phương tiện vận tải của Thibidi
	90.000.000.000	85.539.307.169	Kỳ hạn 4 tháng, lãi trả hàng tháng	4,2	Hàng tồn kho và nợ phải thu
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Đồng Nai	141.100.000.000	-	Kỳ hạn 6 tháng, lãi trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 10 tháng 01 năm 2022	7,65	Hàng tồn kho và nợ phải thu
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh	136.402.452.951	138.418.417.620	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 6 năm 2022	6 - 6,5	Đảm bảo bằng các quyền tài sản của công ty phát sinh từ các hợp đồng kinh tế mua bán máy biến áp và nguyên vật liệu của MEE
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	126.318.033.742	132.480.479.816	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi trả hàng tháng	2,0 - 3,45	Tín chấp
	60.000.000.000	-	Kỳ hạn vay 3 tháng, lãi vay trả một lần khi bắt đầu giải ngân, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 18 tháng 03 năm 2022	3,25	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Nai	125.430.072.453	219.371.856.949	Kỳ hạn vay 05 tháng, lãi trả hàng tháng	3,0 - 4,8	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Anh	122.167.202.088	54.501.955.057	Kỳ hạn vay 4 - 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 13 tháng 10 năm 2022	4,8 - 5,0	Hàng hóa và Quyền đòi nợ
	49.060.717.757	101.004.645.715	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 02 tháng 05 năm 2022	4,3 - 7,8	Tổ hợp dây chuyển chế tạo máy đập cánh sóng phục vụ sản xuất MBA và hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ các phương án do ngân hàng tài trợ tại MEE
Ngân hàng Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	117.324.711.219	115.463.765.052	Kỳ hạn vay 4 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 12 tháng 4 năm 2022	3,5	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	115.332.759.971	271.103.962.969	Kỳ hạn vay từ 3 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước đáo hạn từ ngày 10 đến ngày 28 tháng 02 năm 2022	3,5	Tín chấp
Ngân hàng Bangkok Bank - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	112.500.000.000	51.500.000.000	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 17 tháng 06 năm 2022	2,8 - 3,2	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương, Chi nhánh Đồng Nai	100.000.000.000	-	Kỳ hạn dưới 5 tháng, lãi trả hàng tháng	5	Số dư ký quỹ, Hàng tồn kho và Quyền đòi nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	86.166.687.731	-	Kỳ hạn vay 06 tháng, lãi trả hàng tháng	4,8	Máy móc thiết bị và hàng tồn kho luân chuyển của Thibidi
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	60.731.612.711	65.617.898.505	Kỳ hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân đối với mỗi lần nhận nợ, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 06 năm 2022	4,5 - 5,5	Đảm bảo bằng Tài sản cố định là nhà máy, nhà xưởng theo giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của HEM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(i) Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau: (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư cuối năm	Số có khả năng trả nợ	Kỳ trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Bank Sinopac Việt Nam	56.499.769.565	-	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi trả hàng tháng	3,4 - 3,5	Tín chấp
Ngân hàng Quốc tế - Sở giao dịch	43.296.320.667	89.409.296.414	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng, khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 27 tháng 02 năm 2022	5,1	Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai của Emic
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - PGD Long Thành	40.035.556.572	59.148.010.000	Kỳ hạn vay 3 tháng, lãi vay trả hàng tháng, khế ước đáo hạn từ ngày 22 tháng 01 năm 2022 đến 08 tháng 02 năm 2022	3,5	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Chinatrust Commercial - Chi nhánh Hồ Chí Minh	32.481.540.354	32.957.886.964	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi trả hàng tháng	3,15 - 3,3	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại Ngoại thương - Chi nhánh Hà Nội	30.426.446.323	-	Kỳ hạn vay 6 - 7 tháng, lãi vay trả hàng tháng, khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022	5,5 - 5,8	Quyền đòi nợ hình thành từ các hợp đồng tiền gửi với tổng giá trị 5 tỷ và từ các phương án do ngân hàng tài trợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	22.202.627.569	-	Gốc và lãi vay trả hàng tháng	7	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất tại Đà Nẵng của Phú Thạnh Mỹ
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Đông Đô	17.425.401.995	-	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng, khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 14 tháng 6 năm 2022	5,2 - 6,9	Quyền đòi nợ hình thành từ các phương án do ngân hàng tài trợ
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	15.057.625.085	-	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng, khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 28 tháng 02 năm 2022	5	Quyền đòi nợ hình thành từ các phương án do ngân hàng tài trợ của MEE
Ngân hàng Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	10.186.098.895	17.607.158.583	Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 08 tháng/giấy nhận nợ, khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 8 năm 2022	4,5	Tín chấp
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	9.248.466.488	20.484.617.244	Kỳ hạn vay 180 ngày giải ngân đối với mỗi lần nhận nợ, lãi vay trả hàng tháng, khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 14 tháng 05 năm 2022	3,9 - 4,1	Bảo lãnh của Công ty mẹ
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hồ Gươm	2.562.586.950	-	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng	6,5	Quyền đòi nợ của Emic
Các ngân hàng khác	-	465.681.355.672			
Tổng cộng	4.475.116.703.047	2.754.972.340.009			

(ii) Chi tiết các khoản vay với các bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Số dư cuối năm	Số có khả năng trả nợ	Kỳ trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	488.104.346.054	Gốc vay cuối cùng trả ngày 25 tháng 11 năm 2021, lãi vay trả cùng gốc khi đáo hạn	10,0%	Không quy định về khoản đảm bảo Emic
Tổng cộng	-	488.104.346.054			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị: VND

	Số đầu năm			Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng do hợp nhất	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Trái phiếu phát hành (i)	1.846.287.328.840	1.846.287.328.840	-	10.968.193.902	998.091.370.885	859.164.151.857	859.164.151.857	
Vay ngân hàng (ii)	546.300.861.389	546.300.861.389	2.975.084.733.578	1.369.129.584.129	167.877.399.657	4.722.637.779.439	4.722.637.779.439	
Vay các bên liên quan (iii) (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)	-	-	617.343.750.000	800.000.000.000	9.218.750.000	1.408.125.000.000	1.408.125.000.000	
	2.392.588.190.229	2.392.588.190.229	3.592.428.483.578	2.180.097.778.031	1.175.187.520.542	6.989.926.931.296	6.989.926.931.296	
Trong đó:								
Số phải trả trong vòng 12 tháng	690.386.688.913					876.004.019.948		
Số phải trả sau 12 tháng	1.702.201.501.316					6.113.922.911.348		

(ii) Chi tiết các khoản vay với các bên liên quan như sau:

Đơn vị: VND

Bên cho vay	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	Ngày đáo hạn và kỳ trả lãi	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần chứng khoán VIX	650.000.000.000	650.000.000.000	Tháng 9 năm 2023, lãi trả 6 tháng 1 lần	9	Cổ phiếu HEM (Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội) thuộc sở hữu của Công ty
Công ty Cổ phần Chứng khoán Eurocapital	220.000.000.000	400.000.000.000	Tháng 8 năm 2022, lãi trả theo quý	9,8	Cổ phiếu VGC (Tổng Công ty Viglacera – CTCP) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ Tầng GELEX
Công ty Cổ phần chứng khoán VIX	-	440.000.000.000			
Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)	-	381.000.000.000			
Chi phí phát hành trái phiếu	(10.835.848.143)	(24.712.671.160)			
TỔNG CỘNG	859.164.151.857	1.846.287.328.840			
Trong đó:					
○ Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	217.706.007.910	549.238.366.933			
○ Trái phiếu dài hạn	641.458.143.947	1.297.048.961.907			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(ii) Chi tiết các khoản vay với các bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	Ngày đáo hạn và kỳ trả lãi	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	1.124.031.259.841	-	Thời hạn vay tối đa: 150 tháng	8 - 8,1	Bảo lãnh và các tài sản hình thành từ dự án và quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện gió GELEX 1, 2, 3
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Hội sở chính	1.090.000.000.000	-	Kỳ hạn vay 3 năm, lãi vay trả 3 tháng/lần, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2024	8,52 - 8,54	Cổ phiếu VGC (Tổng Công ty Viglacera - CTCP) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX
Ngân hàng Landesbank Baden - Wurttemberg	934.496.450.737	-	Thời hạn vay từ đến ngày 31 tháng 03 năm 2033	LIBOR 6 tháng + 1,22	Thư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An.
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	677.464.823.000	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 24 tháng 11 năm 2028, lãi vay trả hàng tháng	6,9 - 10	Tài sản thuộc công trình Thủy điện Sông Bung 4A
Ngân hàng TNHH Standard Chartered (Việt Nam)	351.844.819.002	388.962.628.953	Kỳ hạn vay 72 tháng, lãi vay và nợ gốc trả hàng quý, đối với phần vay nhằm mục đích tài trợ cho dự án "Cadivi Tower", kỳ hạn vay 84 tháng, lãi vay trả hàng quý, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 17 tháng 9 năm 2027	4,2 - 7,95	Quyền sử dụng đất 70-72 NKKK+MMTB hình thành từ VV 3DA, thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX và các tài khoản thanh toán hiện tại & tương lai tại ngân hàng
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	172.264.512.000	-	Kỳ hạn vay 84 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 06 tháng 11 năm 2027	8,5 - 10	Toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại các Dự án Điện mặt trời trên mái nhà, quyền đòi nợ từ hợp đồng mua bán điện và Thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX - Công ty mẹ
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	117.025.800.000	-	Khoản vay có thời hạn cho vay 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, được ân hạn trong 1 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lịch trả nợ gốc quy định cụ thể theo từng Kế ước nhận nợ, lãi vay trả hàng tháng	6,8	Khoản trả trước tiền thuê đất và nhà xưởng hình thành trong tương lai ở nhà máy mới tại Khu Công nghiệp Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai của Thibidi
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	107.324.021.659	-	Kỳ hạn vay 72 tháng, lãi vay trả hàng tháng, đáo hạn vào ngày 15 tháng 5 năm 2022	5 - 6,4	"Nhà máy sản xuất dây đồng" và công trình phụ trợ; giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Khu Công nghiệp Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai của CFT và thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX - Công ty mẹ
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	71.856.290.071	89.820.362.589	Kỳ hạn vay 72 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 18 tháng 10 năm 2025	7,51	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị tại nhà máy Cadivi Miền Trung, Khu công nghiệp Hòa Cầm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(ii) Chi tiết các khoản vay với các bên liên quan như sau:

Đơn vị: VND

Bên cho vay	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	Ngày đáo hạn và kỳ trả lãi	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	40.150.000.000	-	Gốc vay đáo hạn lần cuối ngày 13 tháng 9 năm 2023, lãi vay trả hàng quý	9,8	Tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Phú Thạnh Mỹ, số dư tài khoản tiền gửi, quyền sử dụng mặt nước, quyền khai thác tài nguyên
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	18.710.055.000	37.270.055.000	Kỳ hạn vay 84 tháng, lãi vay trả hàng quý, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2022	7,6	Khoản vay được bảo đảm bằng một số tài sản của Cadivi bao gồm công trình nhà xưởng gắn liền với đất và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án thuộc Khu công nghiệp Tân Phú Trung
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	11.717.940.000	21.838.429.362	Kỳ hạn vay 84 tháng, lãi vay trả hàng quý, kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 04 tháng 8 năm 2028	9,5	Quyền tài sản và lợi ích phát sinh từ "Dự án mở rộng nhà xưởng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 3 và mua sắm thiết bị" của MEE
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đông Anh	5.751.808.129	8.409.385.485	Kỳ hạn vay 84 tháng, lãi vay trả hàng tháng, kế ước cuối đáo hạn ngày 05 tháng 9 năm 2026	9,4 - 10,4	Máy móc thiết bị tại MEE
TỔNG CỘNG	4.722.637.779.439	546.300.861.389			
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	584.548.012.038	141.148.321.980			
Vay dài hạn	4.138.089.767.401	405.152.539.409			

(iii) Chi tiết các khoản vay bên liên quan như sau:

Đơn vị: VND

Bên cho vay	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	Ngày đáo hạn và kỳ trả lãi	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	800.000.000.000	-	Đáo hạn ngày 22 tháng 7 năm 2023, trả lãi cùng gốc khi tất toán	10	Không có tài sản đảm bảo
	608.125.000.000	-	Thời hạn cho vay 120 tháng, đáo hạn lần cuối vào tháng 12 năm 2029. Lãi vay và gốc vay được trả hàng quý	9,5	Tín Chấp
TỔNG CỘNG	1.408.125.000.000	-			
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	73.750.000.000	-			
Vay dài hạn	1.334.375.000.000	-			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn và gốc trái phiếu phát hành (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu) được trình bày như sau:

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng một năm	878.298.012.038	692.148.321.980
Trong năm thứ hai	1.647.628.793.366	788.716.008.660
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.772.061.515.118	908.872.000.170
Sau năm năm	1.702.774.458.916	27.564.530.579
	7.000.762.779.438	2.417.300.861.389
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	878.298.012.038	692.148.321.980
Số phải trả sau 12 tháng	6.122.464.767.400	1.725.152.539.409

26. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	72.431.904.172	52.894.594.095
Dự phòng chi phí di dời nhà máy	14.547.500.000	14.547.500.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	11.884.827.011	3.415.800.511
	98.864.231.183	70.857.894.606
b. Dài hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	77.575.687.978	74.004.518.026
Dự phòng phải trả dài hạn khác	4.115.605.585	6.767.221.760
	81.691.293.563	80.771.739.786

27. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận chưa thực hiện khác	13.408.319.856	2.514.301.538
Trích lập các khoản dự phòng	8.338.468.303	5.263.598.233
Chi phí lãi vay không được trừ	3.154.825.436	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản do hợp nhất kinh doanh	-	4.395.047.945
Các khoản khác	347.779.465	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.249.393.060	12.172.947.716
Chênh lệch đánh giá lại tài sản do hợp nhất kinh doanh	7.598.440.505	5.892.615.447
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	7.598.440.505	5.892.615.447

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	2.218.700.000.000	-	464.368.621.259	5.000.000.000	360.811.611.545	599.347.539.257	3.648.227.772.061
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	556.838.633.122	98.791.883.784	655.630.516.906
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(427.496.000.000)	(44.373.545.500)	(471.869.545.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(36.663.626.573)	(3.454.088.266)	(40.117.714.839)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại các công ty con	-	-	-	-	(27.875.998.821)	(267.113.624.641)	(294.989.623.462)
Mua công ty con	-	-	-	-	-	137.229.125.016	137.229.125.016
Số dư cuối năm trước	2.218.700.000.000	-	464.368.621.259	5.000.000.000	425.614.619.273	520.427.289.650	3.634.110.530.182
Số dư đầu năm nay	2.218.700.000.000	-	464.368.621.259	5.000.000.000	425.614.619.273	520.427.289.650	3.634.110.530.182
Tăng vốn trong năm (i)	781.300.000.000	835.287.500.000	-	-	-	-	1.616.587.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	565.867.041.019	88.921.937.997	654.788.979.016
Cổ tức công bố (ii)	-	-	-	-	(110.935.000.000)	(63.162.376.000)	(174.097.376.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii)	-	-	-	-	(16.322.273.863)	(1.777.816.807)	(18.100.090.670)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(58.457.012)	(661.542.988)	(720.000.000)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con	-	-	-	-	(15.257.476.186)	(11.367.574.215)	(26.625.050.401)
Mua công ty con	-	-	61.494.842.289	-	-	164.414.618.319	225.909.460.608
Công ty con tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	9.208.352.975	62.463.739.956	71.672.092.931
Số dư cuối năm nay	3.000.000.000.000	835.287.500.000	525.863.463.548	5.000.000.000	858.116.806.206	759.258.275.912	5.983.526.045.666

(i) Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ theo phương án chào bán cổ phần đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 05/2021/GE/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 8 năm 2021 và kết quả chào bán cổ phần tại Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 55/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 8 năm 2021.

(ii) Cổ tức công bố trong năm bao gồm:

- Chia cổ tức đợt 4 năm 2020 tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX số tiền 22.187.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 33A/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/GE/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 phê duyệt cổ tức năm 2020 đã phân phối;

- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX số tiền 88.748.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 43/2021/GE/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 6 năm 2021;
- Chia cổ tức năm 2020 và tạm ứng năm 2021 tại các công ty con theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị của các công ty con này.

(iii) Theo nội dung phê duyệt tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của các công ty con, Nhóm Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000.000	221.870.000
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	221.870.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.000.000	221.870.000
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	221.870.000
Trong đó:		
Số lượng cổ phiếu phát hành trong năm	78.130.000	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 9 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 3.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.399.956.000.000	80,00%	2.218.656.000.000	99,998%
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	165.000.000.000	5,50%	-	-
Các cổ đông khác	435.044.000.000	14,50%	44.000.000	0,002%
	3.000.000.000.000	100%	2.218.700.000.000	100%

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tài sản thuê ngoài:

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	27.043.804.807	30.761.474.218
Trên 1 năm đến 5 năm	99.071.144.878	101.666.327.490
Trên 5 năm	389.055.539.543	402.824.990.811
	515.170.489.228	535.252.792.519

Ngoại tệ các loại:

Đơn vị: VND

		Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	6.178.996	2.585.066
Euro	EUR	6.262	647

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

30. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	17.406.793.446.497	14.209.005.078.161
Doanh thu bán hàng hóa	864.048.854.367	1.834.152.931.631
Doanh thu cung cấp dịch vụ	191.909.436.488	159.855.288.487
Doanh thu xây lắp	187.839.878.198	-
Doanh thu bán điện	127.507.903.928	-
Doanh thu khác	69.659.389.707	-
	18.847.758.909.185	16.203.013.298.279
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	132.083.898.569	122.094.134.305
Hàng bán bị trả lại	1.430.649.471	8.217.365.990
Giảm giá hàng bán	38.500.000	-
	133.553.048.040	130.311.500.295
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.714.205.861.145	16.072.701.797.984
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)	49.184.431.327	1.032.574.896.982

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán thành phẩm	15.663.004.954.544	12.229.341.435.664
Giá vốn bán hàng hóa	815.686.745.939	1.772.849.083.610
Giá vốn cung cấp dịch vụ	135.852.958.567	114.710.687.653
Giá vốn xây lắp	162.292.629.955	-
Giá vốn bán điện	54.616.435.792	-
Giá vốn khác	58.849.776.675	-
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.219.769.543)	830.594.382
	16.884.083.731.929	14.117.731.801.309

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.885.854.880.478	11.841.263.915.039
Chi phí nhân công	625.660.196.036	658.629.554.894
Chi phí khấu hao tài sản cố định và lợi thế thương mại phân bổ	326.361.941.953	235.728.938.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	506.649.599.984	382.807.998.088
Chi phí khác bằng tiền	340.520.598.266	368.569.044.880
	14.685.047.216.717	13.486.999.451.210

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	118.120.497.200	84.278.943.433
Lãi kinh doanh chứng khoán	61.843.472.127	33.798.110.760
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	77.046.070.539	17.812.407.927
Lãi chênh lệch tỷ giá	37.827.956.204	24.453.364.922
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	81.220.283.915	19.111.492.988
Lãi ký quỹ	13.233.760.148	54.212.438.353
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.578.492.717	-
	394.870.532.850	233.666.758.383

34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	502.513.939.524	447.558.981.968
Lãi mua hàng trả chậm và phí LC UPAS	194.015.121.373	124.952.068.646
Chi phí phát hành trái phiếu	13.876.823.017	23.324.408.913
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.147.128.705	11.458.231.890
Lỗ kinh doanh chứng khoán	7.545.805.824	6.188.061.900
Chi phí tài chính khác	14.344.262.806	7.656.222.801
	744.443.081.249	621.137.976.118

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

35. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	84.993.445.107	101.343.771.537
Chi phí nhân công	40.172.648.019	34.610.867.785
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.398.928.480	13.406.365.415
Chi phí dự phòng bảo hành	7.100.818.389	7.290.283.863
Chi phí khấu hao tài sản cố định	120.480.569.795	126.589.717.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.711.937.497	129.402.501.718
Chi phí khác	360.858.347.287	412.643.508.213

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	161.828.118.196	162.936.686.513
Phân bổ lợi thế thương mại	24.216.330.818	22.453.959.621
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.448.007.262	15.860.345.415
Trích lập dự phòng	1.723.197.213	4.392.077.830
Chi phí khác	109.180.229.503	64.226.346.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.054.332.651	85.813.724.922
	387.450.215.643	355.683.140.846

36. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu từ phạt đặt cọc cổ phần	41.581.553.000	-
Phạt vi phạm hợp đồng	10.126.380.213	10.626.388.461
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.036.083.063	2.101.797.975
Lãi từ giao dịch mua công ty con giá rẻ	-	21.364.921.605
Các khoản khác	4.740.526.883	4.912.886.433
	59.484.543.159	39.005.994.474

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm	177.074.181.774	179.039.284.917
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(13.857.407.490)	8.941.747.989
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	163.216.774.284	187.981.032.906

38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	565.867.041.019	556.838.633.122
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và Thù lao Hội đồng Quản trị (VND)	-	(16.380.730.875)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	565.867.041.019	540.457.902.247
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	248.198.740	221.870.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.280	2.436

(i) Theo quy định tại Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thu nhập của Hội đồng Quản trị được trích từ lợi nhuận sau thuế cần được loại ra khỏi lợi nhuận sau thuế khi ước tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được xác định trên cơ sở loại trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 được trích lập theo phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ và các công ty con trong năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	Công ty liên kết
Công ty TNHH S.A.S. - CTAMAD	Công ty liên kết
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ (i)	Công ty con gián tiếp từ ngày 05 tháng 10 năm 2021
Công ty TNHH Phát điện GELEX (i)	Công ty con từ ngày 05 tháng 10 năm 2021
Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận (i)	Công ty con gián tiếp từ ngày 05 tháng 10 năm 2021
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT (i)	Công ty con từ ngày 28 tháng 8 năm 2020
Công ty Cổ phần Hạ Tầng GELEX	Công ty cùng Tập đoàn/Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	Công ty cùng Tập đoàn

(i) Các giao dịch với các công ty con này được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là các giao dịch chủ yếu phát sinh trong năm, cho giai đoạn trước khi trở thành công ty con của Công ty.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.184.431.327	1.032.574.896.982
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	32.846.671.816	100.118.497.893
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	15.591.998.225	44.567.428.014
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	120.000.000	120.000.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận	625.761.286	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	887.768.971.075
Giá trị mua hàng và dịch vụ cung cấp	5.405.591.825.717	3.060.423.465.644
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	5.318.201.022.246	2.774.275.949.925
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	85.829.677.987	223.233.426.770
Công ty Chứng khoán VIX	1.039.125.484	224.661.465

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Phát điện GELEX	522.000.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	62.689.427.484
Cổ tức, lợi nhuận được chia	107.942.205.500	122.459.744.500
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	95.810.000.000	95.810.000.000
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	12.132.205.500	10.549.744.500
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	-	16.100.000.000
Cổ tức đã trả	110.932.800.000	427.487.522.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	110.932.800.000	427.487.522.000
Thu quỹ khen thưởng, phúc lợi	193.119.910	1.948.756.763
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	193.119.910	1.948.756.763
Bán trái phiếu	46.695.671.340	22.675.068.504
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	46.695.671.340	22.675.068.504
Cho vay	1.085.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	1.085.000.000.000	-
Thu hồi gốc vay	824.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	805.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	19.000.000.000	-
Lãi cho vay	25.483.753.428	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	25.483.753.428	-
Đi vay	2.833.000.000.000	2.947.671.008.134
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.833.000.000.000	2.947.671.008.134
Trả gốc vay	2.530.323.096.054	2.664.566.662.080
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.530.323.096.054	2.664.566.662.080
Lãi đi vay	74.974.482.545	57.352.731.750
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	74.974.482.545	57.352.731.750
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	300.000.000.000	160.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	300.000.000.000	160.000.000.000
Thu hồi ký cược, ký quỹ	460.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	460.000.000.000	
Lãi ký quỹ	13.233.760.148	42.616.164.381
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	13.233.760.148	42.616.164.381
Lãi đặt cọc mua phần vốn góp nhận được	-	11.596.273.972
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	11.596.273.972
Lãi mua hàng trả chậm	45.225.716.586	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	45.225.716.586	-
Nhận vốn góp	181.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	181.300.000.000	-
Góp vốn	1.771.644.295.436	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	1.771.644.295.436	-
Nhận chuyển nhượng phần vốn góp	2.024.375.161.707	69.285.387.977
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	2.024.375.161.707	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	69.285.387.977
Trả trước tiền thuê cơ sở hạ tầng dài hạn	-	135.880.799.604
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	135.880.799.604

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	2.169.080.980	11.104.052.802
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	2.169.080.980	11.104.052.802
Phải thu khác	4.315.714.530	171.596.273.972
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	4.213.698.627	171.596.273.972
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	91.057.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	10.958.903	-
Phải trả người bán ngắn hạn	1.164.419.941.940	253.468.051.906
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	1.090.120.889.177	244.064.793.537
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	74.287.506.372	8.442.267.978
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	11.546.391	21.590.391
Công ty TNHH Phát điện GELEX	-	939.400.000
Phải trả người bán dài hạn	9.259.078.400	72.620.064.000
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	9.259.078.400	72.620.064.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.637.257.627	535.256.542
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	19.637.257.627	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	-	535.256.542
Phải thu về cho vay ngắn hạn	280.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	280.000.000.000	-
Phải trả khác	125.926.334	26.850.321.654
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP	125.926.334	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	26.850.321.654
Vay ngắn hạn	-	488.104.346.054
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	488.104.346.054
Vay dài hạn đến hạn trả	73.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	73.750.000.000	-
Vay dài hạn	1.334.375.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	1.334.375.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập Hội đồng Quản trị (i)	3.531.000.000	1.929.701.539
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	1.457.583.333	949.000.000
Thù lao Ban kiểm soát	60.000.000	-
	5.048.583.333	2.878.701.539

(i) Bao gồm thù lao, lương và các khoản thu nhập khác của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Lương và các khoản thu nhập khác	Chức vụ	Số tiền
Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	3.531.000.000
Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên HĐQT	9.000.000
Đỗ Duy Hưng	Thành viên HĐQT	2.335.000.000
Đặng Phan Tường	Thành viên HĐQT	582.000.000
Lê Quang Định	Thành viên HĐQT	582.000.000
Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên HĐQT	9.000.000
Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên HĐQT	7.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị (*)		
Tổng cộng		3.531.000.000

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty không hưởng thù lao trong năm 2021.

40. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm chủ yếu là sản xuất các sản phẩm và cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết bị điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, hoạt động xuất khẩu của Nhóm Công ty không chiếm tỉ trọng trọng yếu trong năm nay và năm trước. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất hoặc do nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

41. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu không bao gồm 17.418.190.644 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 8.285.456.459 VND) là số khoản tiền cổ tức chưa trả. Do đó, một khoản tương ứng sẽ được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền lãi vay đã trả không bao gồm 38.381.259.291 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 75.866.459.410 VND) là khoản tiền lãi vay chưa thanh toán. Do đó, một khoản tương ứng sẽ được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm 17.066.735.686 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 9.448.020.667 VND) là khoản tiền lãi vay, lãi trái phiếu và cổ tức chưa nhận được. Do đó, một khoản tương ứng sẽ được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền bán cổ phiếu quỹ không bao gồm 27.530.422.420 VND (năm 2020: 0 VND), là cổ phiếu quỹ công ty con đã bán trên sàn nhưng tiền chưa về tài khoản. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

42. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Đến ngày 11 tháng 01 năm 2022, Công ty Cổ phần Thiết bị Điện – công ty con của Công ty đã hoàn tất bán theo phương thức giao dịch khớp lệnh trên sàn 2.498.000 cổ phiếu quỹ còn lại trên tổng số 4.800.000 cổ phiếu đăng ký bán theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 17/2021/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 11 năm 2021 của công ty con này.

Ngày 22 tháng 03 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



NGUYỄN TRỌNG TRUNG
Tổng Giám đốc